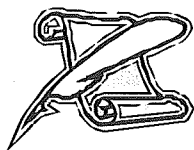


# THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France  
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359  
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de publication: Nguyễn Văn Huy

*Xã luận*



ISSN 1145-9557 \* Số 186 - Năm thứ 17, tháng 11-2004

## THẾ GIỚI CỦA GEORGE W. BUSH

Nếu tổng thống Mỹ do người Tây Âu bầu ra thì chắc chắn John Kerry đã đắc cử rất vẻ vang. Nhưng vì không phải như thế nên George W. Bush đã thắng lớn. Không những ông vượt đối thủ khá xa mà đảng của ông còn gia tăng được đa số trong cả Thượng Viện lẫn Hạ Viện.

Sự thất vọng của người châu Âu không phải hoàn toàn vô lý. Tổng thống Mỹ không phải chỉ lãnh đạo nước Mỹ mà, ở một mức độ nào đó, còn là người lãnh đạo của thế giới.

Nét nổi bật của Bush là sự nghịch lý. Ông là vị tổng thống Mỹ trong thế kỷ 20 ít quan tâm và ít hiểu biết nhất về thế giới. Cho đến khi lên làm tổng thống, ông rất ít khi ra khỏi nước Mỹ và tiểu bang Texas của ông. Kiến thức của ông về địa lý và lịch sử thế giới biểu lộ sự sơ sài qua các cuộc phỏng vấn. Nhưng Bush đồng thời cũng là vị tổng thống can thiệp mạnh nhất, bất chấp Liên Hiệp Quốc nếu cần. Hơn thế nữa, ông can thiệp đúng. Bush đã có lý khi tiến quân đánh dẹp bọn Taliban và chế độ hung bạo Saddam Hussein. Ông cũng có lý khi gọi thẳng các chế độ Iran và Bắc Triều Tiên là những vương quốc của tội ác, hay khi đe dọa Syria, hay khi chính quyền của ông lên án thẳng thắn các vi phạm nhân quyền tại Trung Quốc, Miến Điện và Việt Nam. Các chế độ độc tài bạo ngược cần được đương đầu một cách quyết liệt. Một tổng thống hiền lành như Jimmy Carter đã không ngăn chặn được sự bành trướng của phong trào cộng sản trong thập niên 1970. Tổng thống hào hoa phong nhã Bill Clinton bất lực trước bọn khủng bố. Hoa Kỳ phải đảm nhiệm vai trò lãnh đạo thế giới trong cuộc chiến tranh chống khủng bố và loại trừ các chế độ tội ác, ngay cả nếu phải hy sinh phần nào sự phồn vinh. Bush không phải

là một con người uyên bác và phức tạp, nhưng ông có giác quan đúng, có khả năng suy nghĩ và dám hành động. Và lại, chống khủng bố và bảo vệ nhân quyền đòi hỏi lòng tin và quyết tâm hơn là sự thông thái.

Người ta cũng hơi quá đáng khi nói là Bush bị chống đối trên thế giới. Thực ra ông chỉ bị chống đối tại Tây Âu và vì những lý do khác chứ không phải vì Bush theo chủ nghĩa đơn phương. Một tổng thống rất "châu Âu" như J-F. Kennedy cũng đã bị chống đối khi can thiệp tại Việt Nam. Sự chống đối của Tây Âu với Hoa Kỳ có gốc rễ lịch sử của nó. Đó là sự tị hiềm với một quốc gia cùng một văn hóa Thiên Chúa giáo với Tây Âu, do những người nghèo khổ và bị hất hủi thành lập ra, nhưng đã vượt qua Tây Âu về mọi mặt. Với thời gian, Hoa Kỳ và Tây Âu đã trở thành khác nhau : Hoa Kỳ vẫn là một nước Thiên Chúa giáo trong khi Tây Âu đã trở thành vô thần và khó chịu trước một tổng thống Mỹ đi nhà thờ và đọc kinh. Sự chống đối này sẽ chỉ chấm dứt khi nào người Tây Âu ý thức được rằng họ và Hoa Kỳ đã tiến triển theo hai lộ trình khác nhau và đã trở thành khác nhau, do đó họ không thể đòi hỏi Hoa Kỳ hành động giống như họ. Trong một tương lai không xa có lẽ Hoa Kỳ sẽ gần gũi với một châu Á và một Đông Âu đã dân chủ hóa hơn là với Tây Âu. Tiến trình này sẽ càng nhanh hơn với George W. Bush.

Trong chính trị, những giải pháp thận trọng nhất không chắc chắn là hay nhất. Mọi người đều nhận xét George W. Bush không tài giỏi bằng cha ông, nhưng ông đã hơn cha ở chỗ giữ được tòa Bạch Ốc. Có nhiều triển vọng ông cũng sẽ thành lập được các chế độ dân chủ tại Iraq và Afghanistan, thay đổi bộ mặt của thế giới Hồi giáo, và thế giới nói chung.

Thông Luận

# NHÌN LẠI KINH NGHIỆM NGÔ ĐÌNH DIỆM

Nguyễn Gia Kiểng

Hơn bốn mươi năm đã trôi qua từ ngày ông Ngô Đình Diệm bị lật đổ và sát hại, sau 9 năm cầm quyền. Đã có rất nhiều người viết về ông. Tất cả đều nhận định là ông đã phạm phải một số sai lầm nghiêm trọng, đưa đến sự sụp đổ của chế độ mà ông dựng ra và cái chết bi đát của ông và hai người em. Những sai lầm đó là : quá thiên vị đối với Công giáo ; đưa anh em vào những địa vị quyền lực chính và để cho họ lộng hành, tạo ra một chế độ "gia đình trị" ; gạt bỏ những người thân tín lúc ban đầu như Nguyễn Bảo Toàn, Hồ Hán Sơn ; tin dùng bọn nịnh thần ; xử lý vụ vụ treo cờ Phật giáo ở Huế đưa đến bạo động ; quan niệm và thực hiện sai các chính sách cải cách điền địa, khu trừ mật, ấp chiến lược, v.v.

Nhưng phải chăng nếu Ngô Đình Diệm không mắc phải những sai lầm đó thì ông đã thành công, chế độ Việt Nam Cộng Hòa đã đứng vững và lịch sử Việt Nam có thể đã rất khác ?

Phải nói ngay là tôi không chấp nhận những lập luận này. Đây chỉ là những sai lầm tương đối nhỏ, được khai thác để lật đổ ông Diệm, chứ không phải là nguyên nhân thực sự đưa tới sự sụp đổ của chế độ Diệm. Trong cùng một thời điểm, chế độ cộng sản miền Bắc đã làm những sai lầm to lớn hơn nhiều. Vụ treo cờ Phật giáo ở miền Trung đưa đến bạo loạn làm 8 người thiệt mạng không là gì so với đợt cải cách ruộng đất ở miền Bắc. Những tội ác với những công thần cũng không thể nào so sánh được với các vụ Nhân Văn-Giai Phẩm, Xét lại chống đảng. Đám quần thần của ông Diệm không đến nỗi lộng hành như tập đoàn Lê Đức Thọ, Trần Quốc Hoàn. Đảng cộng sản bỏ Liên Xô theo Trung Quốc năm 1960, rồi lại bỏ Trung Quốc theo Liên Xô từ năm 1970 trở đi. Chính sách tập thể hóa lao động đã thất bại thảm, đưa đến nạn đói kém tại khắp miền Bắc. Đảng cộng sản không những chỉ chèn ép Phật giáo, họ xóa bỏ luôn Phật giáo tại miền Bắc.

Mặc dầu vậy, chế độ cộng sản vẫn đứng vững và sau cùng toàn thắng. Vậy thì không phải là do đã phạm một số sai lầm mà Ngô Đình Diệm đã thất bại. Nói một cách giản dị, chính quyền Ngô Đình Diệm, cũng như mọi chính quyền quốc gia trước và sau ông, đã thất bại bởi vì nó phải thất bại dù có phạm phải những sai lầm đã được nêu ra hay không. Các chế độ quốc gia - Quốc Gia Việt Nam, rồi Việt Nam Cộng Hòa - đã được xây dựng trên những nền tảng ý thức, lịch sử và văn hóa sai thì các chính quyền quốc gia chỉ có thể sai lầm mà thôi. Không phạm sai lầm này thì cũng sẽ phạm sai lầm khác.

Nếu tôi chỉ đề cập đến ông Ngô Đình Diệm và ông Ngô Đình Nhu thì cũng chỉ vì một sự nể nang đặc biệt đối với hai ông. Những người cầm quyền khác của phe quốc gia hoặc chỉ xuất hiện trong một thời gian quá ngắn ngủi để có thể nhận xét, hoặc quá tồi dở để đáng được nói tới.

Ông Diệm và ông Nhu đã hiểu một cách rất lệch lạc về bối cảnh thế giới, tình hình Việt Nam, về sứ mạng của

họ, về những gì phải làm và nên làm. Sự thất bại của họ là điều không tránh khỏi, tất cả vấn đề còn lại chỉ là thất bại như thế nào mà thôi, nghĩa là không quan trọng.

Họ đã lầm về thời đại và các giá trị.

Điều mà ông Ngô Đình Diệm không ý thức được là một quốc gia Việt Nam mới đã thành hình sau một thế kỷ Pháp thuộc và cọ sát hàng ngày với các giá trị phương Tây. Nước Việt Nam mới này rất khác với nước của các vua chúa nhà Nguyễn và các triều đại trước đó. Nó là tổng hợp của một lịch sử dài, một khả năng học hỏi và thích nghi cao, một sự sung túc chưa bao giờ có và một khối lượng khổng lồ những kiến thức và giá trị mới. Quần chúng Việt Nam đã đủ mạnh để có vai trò quyết định và cũng muốn đóng vai trò đó. Họ không còn là những thần dân nữa, họ đã trở công dân biết phê phán những người cầm quyền. Nền tảng chính đáng của một chính quyền hay một lãnh tụ từ nay chủ yếu tùy thuộc vào sự chấp nhận của quần chúng. Và quần chúng lý luận và phê phán theo sự hướng dẫn của những "trí thức dân tộc" có kiến thức, gần gũi với họ và chiếm được cảm tình của họ vì đã xác nhận qua hành động và hy sinh sự gắn bó với đất nước Việt Nam. Đó là những trí thức của Đông Kinh Nghĩa Thục, Trung Kỳ Dân Biểu, Việt Nam Quốc Dân Đảng, Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Tự Lực Văn Đoàn, Đại Việt, v.v. Đó không phải là những ông tổng đốc, tuần phủ, tri huyện, đốc phủ sứ, thầy thông, thầy phán. Thành phần trí thức yêu nước này quyết định sự chính đáng của các chính quyền và các nhân vật tùy theo những đóng góp cho cuộc tranh đấu giành chủ quyền dân tộc.

Nếu nhận xét như vậy thì ông Diệm hoàn toàn không có một sự chính đáng nào. Ông là con nhà quan, học tạm đủ, dựa vào địa vị của cha để học trường hậu bổ, tức trường dành cho các con quan để được đào tạo ra làm quan ; rồi đi làm tri huyện, tuần phủ dưới chế độ Pháp thuộc. Ông khác hẳn với mẫu người lý tưởng trong tâm hồn người Việt Nam : một anh hùng áo vải vươn lên từ sự nghèo khó, đạt tới sự uyên bác nhờ học hỏi, tha thiết với thể diện dân tộc và lập thân một cách hiên ngang, khảng khái. Ông Diệm rất hãnh diện với sự nghiệp của ông. Điều này chứng tỏ ông rất xa lạ với xã hội Việt Nam và những giá trị mà nó trân trọng. Sự chính đáng của ông Diệm càng yếu ở chỗ ông là một bầy tôi được chỉ định bởi một dòng vua đã để mất nước, triều Nguyễn, và một ông vua hèn nhất truy lạc, Bảo Đại. Ông Diệm có thể là người tốt trong cái thế giới nhỏ hẹp của đám quan lại của triều đình Huế, nhưng ông không thuộc vào xã hội Việt Nam và do đó không có tư cách nào để lãnh đạo một nước Việt Nam độc lập cả.

Quan niệm về sự chính đáng của ông Diệm rất hủ lậu : ông cho rằng cứ cầm quyền là đủ để người dân phải phục tùng và biết ơn. Ông tự xưng là "*cứu tinh dân tộc*" và bắt người ta "*suy tôn*" cùng với quốc kỳ, bắt "*toàn dân Việt*

Nam nhớ ơn Ngô tổng thống" và rước đèn mừng sinh nhật Ngô tổng thống. Thật là lố lăng. Có người giải thích rằng ông Diệm đã bắt chước việc phe cộng sản tôn sùng Hồ Chí Minh, lấy người hùng địch với người hùng. Nhưng nếu đúng như vậy thì quả là một sự bắt chước ngốc nghếch. Trước khi tôn sùng Hồ Chí Minh người ta đã tạo ra hình ảnh một Hồ Chí Minh bôn ba, tự lập, vào sinh ra tử, sống cho đất nước, thông thái nhưng bình dị như một cha già dân tộc, nghĩa là theo đúng hình ảnh lãnh tụ lý tưởng trong lòng người Việt Nam. Ông Diệm hoàn toàn không có vóc dáng này.

Chỉ một sự thiếu chính đáng này thôi cũng đủ để ông Diệm thất bại rồi, bởi vì Việt Nam đã thay đổi, quần chúng đã đã trở thành người quyết định sự thành bại trong một cuộc nội chiến, ngay cả nếu họ không ý thức được. Chính vì thế mà khối lượng viện trợ khổng lồ, cả về người lẫn của, của Hoa Kỳ đã không cứu được chế độ Việt Nam Cộng Hòa.

Ông Diệm và ông Nhu còn lầm lẫn ngay cả về ý nghĩa thực sự của cuộc đấu tranh mà họ lãnh đạo. Họ không hiểu rằng đây là cuộc đấu tranh chống độc tài và vì dân chủ. "Quốc sách chống cộng" mà họ đề ra hoàn toàn mất mọi ý nghĩa vào lúc chính họ cũng lập ra một chế độ độc tài. Dĩ nhiên là trong chiến tranh khó có thể thực hiện đầy đủ dân chủ được và phải chấp nhận những hạn chế bắt buộc, với điều kiện là những giới hạn này được giải thích một cách minh bạch và lương thiện. Nhưng vấn đề ông Diệm và ông Nhu không phải chỉ tạm đình hoãn dân chủ vì tình thế bắt buộc, họ bắt chấp dân chủ và dị ứng với dân chủ.

Vậy thì cuộc tranh đấu mà họ lãnh đạo còn có ý nghĩa gì ngoài lý do là ở vùng quốc gia no ấm hơn vì được ngoại viện nhiều hơn? Về điểm này, bộ máy tâm lý chiến của phe quốc gia đã chế ra một câu bất hủ để chỉ những người mà họ cho là phản bội: "*ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản*". Ăn là động tác sinh tồn bình thường và bắt buộc của mọi động vật, nhưng quyết định hành động là tâm hồn. Chính quyền Ngô Đình Diệm, cũng như các chính quyền quốc gia khác, không chinh phục được lòng người.

Ông Nhu còn làm một sai lầm to lớn khác, mà những người cầm quyền khác, vì ít kiến thức, không mắc phải: đó là du nhập chủ nghĩa nhân vị. Ông Nhu cho rằng muốn đánh bại chủ nghĩa cộng sản cần có một chủ nghĩa hay hơn. Không thiếu những người nghĩ như ông Nhu. Trước đó Việt Nam Quốc Dân Đảng đưa ra chủ nghĩa Tam Dân; ông Trương Tử Anh đưa ra chủ nghĩa Dân Tộc Sinh Tồn; ông Lý Đông A chủ nghĩa Duy Dân. Nhưng những người này không có dịp để cầm quyền và thử nghiệm sự sai lầm của họ như ông Nhu.

Trước hết là sai lầm về cách đặt vấn đề. Chủ nghĩa cộng sản đáng chống lại không phải chỉ vì nó là cộng sản mà trước hết bởi vì nó là một chủ nghĩa. Mọi chủ nghĩa, hiểu theo nghĩa "ý thức hệ", đều phải bị chống lại bởi vì đều sai và đưa đến bế tắc. Tại sao? Đó là vì mọi chủ nghĩa đều là những kết luận do một cố gắng tổng hợp những dữ kiện của thế giới. Cứ giả thử là cố gắng tổng hợp đó đúng

đi (một điều không có gì bảo đảm) thì, vì thế giới biến đổi không ngừng, ngay khi tổng hợp vừa đạt được nó đã lỗi thời rồi. Không làm gì có "*chân trời lịch sử không thể vượt xa hơn*" như những tín đồ của Marx rêu rao.

Sau đó là sự vỡ vụn của chính chủ nghĩa nhân vị. Về bản chất, chủ nghĩa nhân vị chỉ là một chủ nghĩa cá nhân vì không đủ tự tin đã phủ nhận chính mình. Nó là một cố gắng để dung hợp giữa hai chủ nghĩa: chủ nghĩa cá nhân, nền tảng của các chế độ dân chủ, và chủ nghĩa tập thể, nền tảng của các chế độ độc tài chuyên chính cộng sản, phát-xít và nazi. Cuộc hôn nhân ngược ngạo giữa hai triết lý không thể dung hợp này được thực hiện trong tinh thần cộng đồng của Thiên Chúa giáo. Lý do ra đời của nó là trong thập niên 1930, sau cuộc khủng hoảng kinh tế lớn được coi như hậu quả của chủ nghĩa tư bản và những thắng lợi của các lực lượng chuyên chính tại Nga, Đức và Ý, nhiều trí thức mất lòng tin ở dân chủ, mà nền tảng là chủ nghĩa cá nhân, và loay hoay đi tìm một đường lối mới.

Emmanuel Mounier là một trong những người này. Ông lập ra tạp chí *L'Esprit*, trình bày những ý kiến về chủ nghĩa nhân vị do ông và một số thân hữu Công giáo Pháp đề nghị. Bản thân Mounier cũng viết một cuốn sách nhỏ với tựa đề "*Chủ nghĩa nhân vị là gì?*". Cuốn sách tuy mỏng nhưng không có đọng, nó có thể tóm lược trong một vài trang, nếu bỏ đi những trang biện luận dài dòng và lắt léo để đem lại cho một số từ trong tiếng Pháp, thí dụ như từ *personne*, một số nghĩa mới. Hiện nay không còn nhà tư tưởng nào coi chủ nghĩa nhân vị là đáng để ý nữa.

Nếu dựa trên những gì ông Nhu đã viết về chủ nghĩa nhân vị thì có thể nói là chính ông cũng chỉ hiểu lơ mơ. Có lẽ ông đã du nhập chủ nghĩa nhân vị vào Việt Nam vì lý do giản dị là lúc đó nó được coi là giải pháp Thiên Chúa giáo cho hòa bình của thế giới. Nó có tham vọng là một vũ khí tư tưởng chống lại chủ nghĩa cộng sản. Trên thực tế, nó là một bước lùi lớn, gần như một sự đầu hàng, bởi vì nó phủ nhận cá nhân, cốt lõi của dân chủ. Việc nó xuất phát từ những trí thức Công giáo và được coi như sản phẩm của Công giáo càng khiến nó trở thành khó chấp nhận đối với xã hội Việt Nam. Tôi đã có dịp nói chuyện với nhiều nhân vật quan trọng thân cận với ông Diệm và ông Nhu. Tất cả đều nhìn nhận họ chẳng hiểu gì về chủ nghĩa nhân vị cả.

Và làm sao hy vọng có thể lập ra một chủ nghĩa chính trị nhanh chóng như vậy? Ngay trong thời đại của các chủ nghĩa cũng cần nhiều thế kỷ trước khi một chủ thuyết giành được một chỗ đứng đủ mạnh để làm nền tảng cho một chế độ chính trị. Chủ nghĩa cộng sản, dù được coi là của Marx, đã manh nha từ thời cổ Hy Lạp, được chuyên chở bởi tư tưởng Thiên Chúa giáo, rồi phát triển mạnh mẽ nhờ những xáo trộn xã hội khốc liệt do cuộc cách mạng kỹ nghệ gây ra trước khi Marx và Lenin hệ thống hóa nó thành một công thức giành chính quyền và cầm quyền. Ông Nhu, mà một vị đàn anh quý mến của tôi đánh giá là một trong những người Việt Nam hiếm hoi có tầm vóc lãnh tụ quốc gia, đáng lẽ đã phải hiểu như vậy.

Về mặt tư tưởng, vào lúc ông Diệm lên cầm quyền các

chủ nghĩa đã hết thời. Chỉ còn lại cuộc đấu tranh vì dân chủ, giữa một công thức dân chủ hóa đứng đắn đã được thử nghiệm thành công tại Hoa Kỳ và Tây Âu và một công thức dân chủ hóa bệnh hoạn là chủ nghĩa cộng sản. Không nên quên rằng về bản chất chủ nghĩa cộng sản là một công thức được đề nghị để thực hiện dân chủ, dù nó đã sai lầm một cách đẫm máu. Phần lớn các nước cộng sản lúc đó có quốc hiệu là "*cộng hòa dân chủ*", hoặc "*dân chủ nhân dân*". Chế độ cộng sản miền Bắc là Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, chế độ Pol Pốt là Kampuchia Dân Chủ.

Đáng tiếc là chúng ta, một dân tộc đông đảo và có lịch sử dài, đã không có được những nhà tư tưởng đủ tầm vóc trong một khúc quanh lịch sử quan trọng. Đáng tiếc hơn nữa là ông Ngô Đình Nhu thay vì khiêm tốn tìm hiểu mô hình dân chủ phương Tây để đem ứng dụng vào hoàn cảnh Việt Nam lại nuôi tham vọng làm người khai sáng ra một hệ thống chính trị mới và du nhập một học thuyết mà chẳng ai, kể cả ông, hiểu được. Cuộc đấu tranh mà hai ông Diệm và Nhu lãnh đạo không còn ý nghĩa gì cả vì nó không được đặt dưới ngọn cờ dân chủ.

Một nguyên nhân quan trọng khác đưa đến sự sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm là ông Diệm và ông Nhu không biết làm chính trị.

Nguyên nhân của tệ gia đình trị là do ông Diệm không có đội ngũ. Chỉ một việc này thôi cũng đủ chứng tỏ ông Diệm và ông Nhu không có tầm vóc của những nhà hoạt động chính trị đúng nghĩa. Họ chọn lối làm chính trị nhân sĩ, theo đó người ta xây dựng uy tín và tiếng tăm cho mình, rồi chờ thời cơ. Đó là cách làm chính trị tồi tệ nhất. Cách đánh giá đúng nhất, có thể là duy nhất, một người lãnh đạo là đánh giá đội ngũ của ông ta. Đội ngũ đông đảo tới mức nào, gồm những thành phần nào, đạo đức và ý chí ra sao, khả năng thế nào, gắn bó với nhau tới mức độ nào, để theo đuổi mục tiêu nào, v.v.

Vào lúc ông từ chức thượng thư bộ lại ở tuổi 32 với tiếng tăm của một người trong sạch, ông Diệm đã có điều kiện để xây dựng một chính đảng. Có lẽ ông cũng muốn làm việc này vì ông đã bắt liên lạc với Kỳ Ngoại Hầu Cường Để và gia nhập Việt Nam Quang Phục Hội nhưng ông đã không thành công. Việt Nam Quang Phục Hội chỉ là một cái vỏ rỗng, nó vô nghĩa đến nỗi ngay cả khi đã nắm được chính quyền nhờ thời cơ, ông Diệm cũng không nghĩ đến việc phát triển nó.

Tại sao ông Diệm không có đảng? Trước hết cần hiểu thế nào là đảng. Đảng Cần Lao của ông Nhu, cũng như đảng Dân Chủ của ông Thiệu sau này, không phải là những chính đảng. Đó là sự tập trung ô hợp của những người chen lấn nhau để tranh giành ân huệ từ một ông chủ. Khi ông chủ không còn, hoặc không còn gì để ban phát, đám đông tan rã tức khắc. Một chính đảng đúng nghĩa không phải như thế. Đó là những người *tự nguyện* đến với nhau vì cùng chia sẻ những giá trị chung và đồng ý trên một dự án chính trị. Các chí hữu không bỏ rơi nhau trong khó khăn vì đó là cam kết tiên quyết của tổ chức. Đồng ý trên một dự án chính trị có nghĩa là họ đồng ý với nhau về cả

những mục tiêu phải đạt đến lẫn những *phương pháp* để đạt mục tiêu. Quan trọng hơn nữa, gia nhập tổ chức phải là một *hy sinh* về quyền lợi, tự do, và đôi khi cả an ninh, để gây dựng một đội ngũ đủ sức mạnh để thực hiện lý tưởng. Tóm lại, phải có tư tưởng đặc sắc và dự án đúng đắn, phải có những người lãnh đạo đủ khả năng và sức hấp dẫn để thành lập, duy trì và phát triển đội ngũ. Quan trọng hơn hết, phải tìm được những con người có tài, có đức và có lòng.

Ông Diệm và ông Nhu không có tư tưởng chính trị. Linh mục Cao Văn Luận kể lại trong hồi ký của ông rằng, sau thế chiến II ông về nước gặp ông Diệm và hỏi về đường hướng chính trị thì được ông Diệm cho xem một tài liệu viết tay lộn xộn, một nửa bằng tiếng Pháp, một nửa bằng tiếng Việt. Đó là sau khi ông Diệm từ chức và có đủ thời giờ để suy nghĩ sau hai mươi năm. Không có kinh thì không lập được đạo, ông Diệm đã chỉ qui tụ được vài người thân tín phục tùng cá nhân ông. Ông Ngô Đình Luyện, khi bàn về chế độ Ngô Đình Diệm, đã nói với tôi một năm trước khi qua đời năm 1989: "*Nếu trước khi cầm quyền ông cụ đã có sẵn một ê-kíp khoảng mười người có khả năng thì đã thành công rồi*". Lúc ông được ông Bảo Đại mời ra làm thủ tướng, ông hoàn toàn không có ai. Ông Nhu và ông Luyện phải đi tìm bộ trưởng trong số những người quen biết, chẳng hạn như trong đám sinh viên thuộc giáo xứ Công giáo tại Paris. Bác sĩ Trần Kim Tuyến, giám đốc Sở Nghiên Cứu Chính Trị (thực tế là cơ quan tình báo), con người được coi là cột trụ của chế độ Ngô Đình Diệm, tâm sự rằng: "*Mình chỉ là chỗ quen biết với ông cụ mà được tin nhiệm chức cơ biết gì về chính trị đâu, còn tình báo thì mình hoàn toàn mù tịt*". Ông Ngô Đình Luyện cũng xác nhận điều này. Những người thân tín nhất của ông Diệm và ông Nhu đều như thế cả. Một vài người xuất sắc là những ngoại lệ hiếm hoi, và họ cũng không được trọng dụng vì không phục tùng vô điều kiện và do đó không được tin cẩn. Con những người khác thì không cần nói đến. Họ đi theo ông Diệm để cầu mong danh lợi. Họ có thể có bằng cấp cao, nhưng kinh nghiệm chính trị thì tuyệt đối không, ý chí cũng không, mà trong nhiều trường hợp lại thiếu cả phẩm giá. Họ không tham dự vào việc lãnh đạo cuộc đấu tranh bảo vệ chế độ, và khi chế độ gặp khó khăn họ bỏ rơi ông Diệm, thậm chí phản bội.

Đảng Cần Lao chỉ là một ảo tưởng, nó hoàn toàn không có một thực chất nào. Ông Diệm dựa vào bộ máy chính quyền do người Pháp để lại và tin dùng những cựu công chức và quân nhân của bộ máy này; những người cùng một tâm lý và quá trình như ông. Nhưng mọi bộ máy cần những người lãnh đạo chính trị đặt ra chính sách, mục tiêu, đôn đốc việc thực hiện và nhất là cho nó một ý chí và một linh hồn. Nói cách khác, cần những cán bộ chính trị trong một chính đảng mà ông Diệm và ông Nhu không có.

Nếu có một chính đảng, ông Diệm đã không cần, và cũng không thể, dựa trên gia đình, ông cũng không phải lo sợ sự phản bội đến nỗi luôn luôn phải cất đặt vào những địa vị quyền lực cao những người mà ông biết trước là không có bản lĩnh nào để có thể phản bội ông. Và chắc

chấn cũng không có vấn đề xây dựng chủ nghĩa nhân vị, thay vào đó là một cuộc đấu tranh vì tự do dân chủ thực sự, có kế hoạch và có quyết tâm.

Với những thiếu sót trầm trọng như thế, sự thất bại của ông Diệm và ông Nhu là điều không tránh khỏi, dù họ không mắc phải những sai lầm thường được viện dẫn ra để giải thích sự thất bại của chế độ đệ nhất cộng hòa. Họ sẽ phạm những sai lầm khác, vì họ chỉ có thể sai lầm thôi.

Có phải vì thế mà cần lên án ông Diệm và ông Nhu không? Tôi nghĩ là không vì xét cho cùng, trong giai đoạn đó cũng chẳng có ai hơn họ. Vào lúc đó chúng ta thiếu một nhân sự chính trị đúng nghĩa. Những người có phương tiện ăn học thì chạy theo bằng cấp để cầu danh vọng cá nhân. Bằng cấp và địa vị cho họ cái ảo tưởng là họ có văn hóa nhưng thực ra họ không có. Một số người, mà chúng ta phải đặc biệt kính phục, đã dẫn thân tranh đấu cho dân tộc trong các đảng phái quốc gia như Việt Nam Quốc Dân Đảng và đảng Đại Việt. Họ thao thức tìm một hướng đi cho đất nước nhưng họ vừa thiếu phương tiện vừa không được xã hội quý trọng, lại bị các chính quyền mệnh danh là quốc gia trù dập nên không theo kịp được tiến triển của văn hóa và tư tưởng thế giới. Ý thức quốc gia nảy nở trong một quần chúng mà kiến thức ngày càng được mở rộng nhưng lại vắng mặt trong giới cầm quyền. Tình trạng này đẻ ra một nghịch lý là chế độ Việt Nam Cộng Hòa có rất nhiều người tốt trong quân đội cũng như trong bộ máy hành chính, nhưng lãnh đạo lại cực kỳ tồi dở. Và cuối cùng thì một chế độ chỉ đáng giá ở mức mà lãnh đạo của nó đáng giá. Cho nên chế độ Việt Nam Cộng Hòa đã sụp đổ một cách hổ nhục, và biết bao nhiêu trí tuệ và dũng cảm bị uổng phí. Thảm kịch đó là do cái di sản của văn hóa Nho giáo, đào tạo con người để làm tôi tớ chứ không phải để làm những con người tự do, sáng tạo và dũng cảm.

Và nếu có một bài học mà chúng ta cần rút ra, không những cần mà còn *cấp bách* vì chúng ta vẫn chưa rút ra được, thì đó là đấu tranh chính trị phải có tổ chức. Chính trong tổ chức mà các khái niệm được hình thành, các ý kiến được sàng lọc dưới ánh sáng của trí tuệ và thực tại, mà lòng tin được nuôi dưỡng và tăng cường, mà quyết tâm được hun đúc, bản lãnh và trí tuệ được rèn luyện. Mỗi người, trong khi hy sinh một phần cái tôi của mình, trở thành lớn hơn và tạo ra sức mạnh cần có để thay đổi thay vì chịu đựng lịch sử. Nếu không chúng ta sẽ bất lực và chỉ có thể sai lầm.

Một lời sau cùng cho ông Diệm và các em ông. Với những giới hạn về nhận thức của họ và với bối cảnh xã hội và nhân văn mà họ thừa hưởng, họ chỉ có thể sai lầm mà thôi. Như mọi người khác trong thời đại của họ. Nhưng ít ra họ đã sống và đã chết như những con người xứng đáng.

Nguyễn Gia Kiểng

**Tìm đọc Thông Luận và nhiều tiết  
mục khác trên internet :  
<http://www.thongluan.org>**

Đã tái bản

# TỔ QUỐC ĂN NĂN

của  
**NGUYỄN GIA KIỂNG**

*© có sửa chữa và bổ túc, thêm lời tựa cho lần in thứ hai.*

**Liên lạc :**

Nguyễn Gia Kiểng - 11 Mail Le Corbusier,  
77185 Lognes, France - Email : [kqhh@aol.com](mailto:kqhh@aol.com)

**Giá bán** (đã kể cước phí bưu điện) :

- Tại châu Âu : 30 Euro, chi phiếu xin đề : **Nguyễn Gia Kiểng**, và gửi về địa chỉ như trên.
- Tại Hoa Kỳ : 35 USD, chi phiếu xin đề : **Nguyen Ngoc Oanh**, và gửi về địa chỉ : Thong Luan, P.O. Box 51682, San Jose, CA 95151, USA.
- Tại Úc : 50 AUD, chi phiếu xin đề : **Thu S. Duong**, và gửi về địa chỉ : Sơn Dương, 3/118 Rosmore Avenue, Punchbowl, NSW 2196, Australia.

Có bán tại nhà sách **KHAI TRÍ**, 93 avenue d'Ivry, 75013 Paris. ĐT : 01 45.82.12.40 - 01.45.82.95.81

*Tổ Quốc Ăn Năn* đã là cuốn sách chính luận gây thảo luận sôi nổi nhất trong ba năm qua ở cả trong lẫn ngoài nước.

## *Nguyệt san* **THÔNG LUẬN**

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số  
Giá bán tại châu Âu : **35 EUR/năm**

Đặt mua báo dài hạn hoặc góp ý, xin liên lạc :

**Tại Pháp** : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy Saint Georges. Ngân phiếu xin đề : *Vietnam Fraternité*.

**Tại Đức** : Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main. Xin chuyển vào trương mục của ngân hàng Frankfurt Volksbank e G : *Thanh Luong Nguyen*, Konto nr : 0077708294 - Bankleitzahl : 50190000.

**Tại Hòa Lan** : Trần Bá Thành, Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede. Xin chuyển vào trương mục : Giro nr. 6234112 của *Stichting mensenrechten voor VietNam* (Hội Bảo Trợ Nhân Quyền Việt Nam).

**Tại Anh** : Đoàn Xuân Kiên, 74 Swaffield Road, London SW18 3AE. Giá báo một năm là 25 £. Ngân phiếu xin đề : *Vietnamese Centre* (báo Thông Luận).

**Tại Hoa Kỳ** : Thong Luan, P.O.Box 51682, San Jose, CA 95151. Giá một năm báo là 45 USD. Ngân phiếu xin đề : *Nguyen Ngoc Oanh* (báo Thông Luận).

**Tại Úc** : Sơn Dương, 3/118 Rosmore Avenue, Punchbowl - NSW 2196. Giá báo một năm là 65 AUD. Ngân phiếu xin đề : *Thu S. Duong* (báo Thông Luận).

### **Cần xét lại lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam**

Trong thời gian gần đây, có người đề xướng xét lại lịch sử của Việt Nam dưới tất cả các khía cạnh của nó, một cách gắt gao, "không khoan nhượng".

Ý niệm "không khoan nhượng" gồm có hai phần :

1. Sẵn sàng gạt sang một bên tất cả những huyền thoại, tiên kiến, định kiến, thành kiến, ảo tưởng, mơ mộng, dù là đẹp đẽ, đáng quý, đáng tôn, đáng kính đến đâu ;

2. Rà soát, kiểm tra lại tất cả các sự kiện một cách kỹ càng, và phân tách các vấn đề một cách vô tư, khoa học để đi đến những kết luận hoàn toàn vững chắc, hợp với thực tại và với lô-gích.

Đề xướng trên đây rất hợp thời.

Một trong những vấn đề của lịch sử Việt Nam cần được xét lại lúc này liên quan đến chế độ cộng sản. Vấn đề này cần được xét lại vì, trong mấy thập niên qua, các cơ quan truyền tin, ấn loát bị những thế lực "tiến bộ", thiên cộng, với sự hỗ trợ của bộ máy tuyên truyền quy mô của các cường quốc cộng sản, đã chi phối dư luận và tô vẽ ông Hồ Chí Minh và Đảng Cộng Sản Việt Nam như là những phần tử "quốc gia" Việt Nam, và tình trạng nước Việt Nam và dân Việt Nam chỉ có thể cải thiện được nếu họ đắc thắng và nắm được quyền trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Năm 1975, Đảng Cộng Sản Việt Nam đã thắng và mở rộng quyền hành của họ trên toàn cõi Việt Nam. Nhưng trong 30 năm qua, tình hình không được như những kẻ đánh bóng cộng sản đã xác quyết. Trái lại, chế độ toàn trị, "cách mạng", và "xã hội chủ nghĩa" cộng sản không những đã cản trở sự phát triển của nước Việt Nam, đè ép nhân dân Việt Nam còn nặng hơn nữa, gây chống đối không những trong hàng ngũ nhân dân, mà ngay cả trong hàng ngũ của đảng viên, cán bộ kể cả những cán bộ đã có công lớn với chế độ. Số người này lại càng ngày càng đông, và sự chống đối của họ lại càng ngày càng mạnh và công khai.

Tình trạng trên đây đòi hỏi phải đặt vấn đề về sự ca tụng cộng sản trong những năm trước 1975. Cần xét lại quá trình của cộng sản ở Việt Nam, nhất là nay sự cứu xét có thể khách quan hơn, nhờ những tiết lộ xuất phát từ ngay trong hàng ngũ đảng cộng sản, của những người đã bỏ đảng, thoát ra ngoài vòng phong tỏa, đe dọa của công an, mật vụ cộng sản, nay được phát biểu tự do, hoặc cán bộ còn trong nước nhưng lên tiếng được nhờ họ chiếm địa vị, chức vụ quan trọng.

Gần đây, các anh Nguyễn Gia Kiểng và Nguyễn Văn Thế đã có nói về một số khía cạnh của lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam. (Nguyễn Gia Kiểng, "Huyền Thoại Hồ Chí Minh", *Thông Luận* tháng 6, 2004, "Chủ nghĩa cộng sản đến Việt Nam như thế nào ?", *Thông Luận* tháng 7+8, 2004 ; Nguyễn Văn Thế : "Tại sao đảng cộng sản Việt Nam thắng ?", *Thông Luận*, tháng 6, 2004).

Có một khía cạnh nữa, rất căn bản ngày nay, cần được soi sáng, để cho mọi người thấy rõ sự thật, nhất là những người đã gia nhập Đảng Cộng Sản Việt Nam vì tin lời của lãnh tụ đảng. Đó là liên quan giữa ông Hồ Chí Minh, Đảng Cộng Sản Việt Nam và Đệ Tam Quốc tế. Họ đã nghe những lãnh tụ này quả quyết rằng những mục tiêu mà Đảng công bố là mục tiêu của họ - độc lập, tự do, hạnh phúc, công bằng xã hội, v.v. - nhưng ngày nay, những chủ trương, chính sách, hành động, xử trí của đảng mà họ được mục kích lại trái ngược với những gì mà đảng đã hằng tuyên bố. Điều đã đưa họ vào tình trạng này là khi họ gia nhập hay ủng hộ Đảng Cộng Sản Việt Nam, họ không biết rõ rằng họ bị Hồ Chí Minh và Đảng Cộng Sản Việt Nam kéo họ vào một tổ chức sẽ nuốt trôi họ, biến họ thành những công cụ của nó. Tổ chức đó là Đệ Tam Quốc Tế Cộng Sản (Komintern, hay Comintern).

### **Người cộng sản Việt Nam, một công cụ của Liên Xô**

Đệ Tam Quốc Tế được thành lập năm 1919. Nó là con đẻ của Lênin. Ông này, sau khi cướp được chính quyền ở Nga, mà ông ta hoàn toàn chi phối qua một đảng "bôn sê vích", muốn có một tổ chức tương tự bao trùm toàn cầu để ông ta có thể chi phối cả toàn cầu. Theo quan niệm của ông, đảng "bôn sê vích" phải là một đảng tổ chức theo lối quân đội, với kỷ luật sắt, với một hệ thống chỉ huy chặt chẽ, và một bộ tư lệnh toàn quyền. Đệ Tam Quốc Tế phải là một đội binh cộng sản quốc tế.

Những điều kiện gia nhập có 21 điều kiện - được ấn định trong Đại hội thế giới của Đệ Tam Quốc Tế năm 1920. Đây là những điều lệ mà chắc là phần đông, nếu không nói chẳng có ai, trong đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam biết đến, khi gia nhập đảng. Nhưng những điều này đương nhiên đặt Đảng Cộng Sản Việt Nam dưới sự lệ thuộc hoàn toàn của Đệ Tam Quốc Tế, nghĩa là của Liên Xô, trên ba bình diện cơ chế, mục tiêu, và đường lối.

Trước hết, về mặt cơ chế, Đảng Cộng Sản Việt Nam phải chấp nhận nguyên tắc "tập trung dân chủ", về nội bộ của đảng, cũng như trong liên lạc với Đệ Tam Quốc Tế.

- Điều 12 nói : "*Tất cả các đảng thuộc Đệ Tam Quốc Tế phải được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ*".

- Điều 16 nói : "*Tất cả các quyết nghị của các Đại hội thế giới Đệ Tam Quốc Tế, cùng các quyết nghị của Ủy Ban Chấp Hành của Đệ Tam Quốc Tế, đều ràng buộc các đảng gia nhập Đệ Tam Quốc Tế*".

- Điều 21 nói : "*Đảng viên nào phủ nhận các điều kiện và cương lĩnh của Đệ Tam Quốc Tế sẽ bị loại ra khỏi đảng*".

- Theo điều 17, các đảng thành phần của Đệ Tam Quốc Tế chỉ là những chi bộ của Đệ Tam Quốc Tế, vì Đệ Tam Quốc Tế "*không phải là một tập hợp của những chi bộ quốc gia, mà là một tổ chức quốc tế thống nhất*".



- Điều 13 nói rằng các quyết định của Ủy Ban Chấp Hành "có tính cách ép buộc đối với các chi bộ của *Đệ Tam Quốc Tế* và phải được thi hành mau chóng".

Ở Ủy Ban Chấp Hành *Đệ Tam Quốc Tế* (ECCI), trong số 10-12 ủy viên, mỗi đảng lớn được hai ghế, còn các đảng nhỏ không có ghế nào, chỉ có quyền được tham khảo. Liên Xô đương nhiên dành cho mình 5 ghế, cùng chức vị chủ tịch Ủy Ban Chấp Hành vì Liên Xô là quốc gia tiếp nhận tổ chức. Trên Ủy Ban Chấp Hành là một Chủ Tịch Đoàn (Presidium) mà quyền hành còn lớn hơn nữa. Người giữ chức chủ tịch đoàn này luôn luôn là một người rất thân cận của tổng bí thư Liên Xô, (đến năm 1924 là Lênin, và sau đó là Stalin).

Sự lệ thuộc của các đảng cộng sản đối với *Đệ Tam Quốc Tế* được tăng cường thêm với điều 1 và điều 15. Theo điều 1, tuyên truyền và vận động phải có tính cách thực sự cộng sản, không được mang tính cách quốc gia, và phải "phù hợp với chương trình và quyết định của *Đệ Tam Quốc Tế*". Theo điều 15, "các đảng phải lập chương trình thích ứng với điều kiện của nước và đúng với những nghị quyết của *Đệ Tam Quốc Tế*", nghĩa là chương trình của mỗi đảng phải được "một Đại hội của *Đệ Tam Quốc Tế* hay Ban Chấp Hành chấp thuận". Hơn nữa, năm 1928, Nội quy *Đệ Tam Quốc Tế* lại có thêm một điều, điều 29, buộc Ủy Ban Chấp Hành Trung Ương của mỗi đảng phải trình lên ECCI biên bản và phúc trình về công việc của đảng đó, và phải được ECCI chấp thuận trước khi đảng đó họp đại hội.

Về hệ thống chỉ huy, theo điều 30 của Nội quy 1928, các cán bộ lãnh đạo của một đảng chỉ được từ chức nếu được phép của ECCI ; sự chấp thuận của Ủy Ban Chấp Hành Trung Ương của Đảng đó không đủ. Về cơ cấu và phương pháp làm việc của các đảng hội viên thì *Đệ Tam Quốc Tế* nói rõ rằng "mỗi đảng cộng sản phải lệ thuộc sự lãnh đạo của *Đệ Tam Quốc Tế*" và "các chỉ thị và quyết định của *Đệ Tam Quốc Tế* ràng buộc các đảng và, tất nhiên mỗi đảng viên của các đảng đó". Hơn nữa, "Ủy Ban Chấp Hành Trung Ương của một đảng chịu trách nhiệm với Đại hội của Đảng và ECCI". Để kiểm soát chặt chẽ hơn nữa, thỉnh thoảng *Đệ Tam Quốc Tế* gọi "phái viên" đi dự Đại hội của các đảng.

Theo điều 9 của Nội lệ của ECCI năm 1928, liên hệ giữa các đảng hội viên và các cơ quan trung ương của *Đệ Tam Quốc Tế* theo nguyên tắc thống nhất và kỷ luật vô sản. ECCI là thượng cấp và các đảng là thuộc cấp, chớ không bình đẳng. ECCI có quyền đòi một đảng hội viên trực xuất một nhóm hay một đảng viên vi phạm kỷ luật, hoặc trực xuất một đảng vi phạm quyết định của Đại hội *Đệ Tam Quốc Tế*.

### **Phải từ bỏ tinh thần quốc gia**

Theo những điều kiện trên đây, một người Việt gia nhập Đảng Cộng Sản Việt Nam đương nhiên mất hết quyền quyết định về vận mạng Việt Nam, hay của chính mình ! Và từ lúc thành lập và tự nhận là một bộ phận của *Đệ Tam Quốc Tế*, năm 1930, Đảng Cộng Sản Việt Nam

đã phải từ bỏ một số chủ trương và tuân theo một số chủ trương khác.

Trước hết, về mục tiêu, chủ tịch Zinoviev nói rằng *Đệ Tam Quốc Tế* là "một đảng duy nhất, với chi bộ ở các quốc gia". Lênin giải thích rằng *Đệ Tam Quốc Tế* là "một đội quân vô sản quốc tế" mà nhiệm vụ là "thực hiện cách mạng vô sản quốc tế, thiết lập một Cộng Hòa Xô Viết Quốc Tế". Kamenev, một viên chức cao cấp của tổ chức, nói : cần có một ban tham mưu quốc tế để lãnh đạo đội quân cách mạng quốc tế này, và "*Đệ Tam Quốc Tế* là Ban Tổng Tham Mưu của đội quân này".

Kế đến, đảng đó phải từ bỏ những quan điểm cải lương, hòa bình, và quốc gia. Theo điều 2 của Quy chế *Đệ Tam Quốc Tế*, tổ chức nào xin gia nhập *Đệ Tam Quốc Tế* "phải loại trừ tất cả những người có quan điểm cải lương và "đứng giữa" và thay thế họ bằng những người cộng sản". Theo điều 17, *Đệ Tam Quốc Tế* "cương quyết tuyên chiến với toàn thể thế giới trưởng giả (bourgeois), và tất cả các đảng dân chủ xã hội". Và theo điều 6, một đảng xin gia nhập *Đệ Tam Quốc Tế* phải "khuất từ mọi tinh thần ái quốc, và cả tinh thần chuộng hòa bình về mặt xã hội". Người cộng sản phải từ chối "dân chủ tiểu tư sản" và phương thức không cách mạng (không bạo động).

Một khi đã thấu nhận chủ thuyết Lênin, Đảng Cộng Sản Việt Nam phải loại bỏ tất cả các tư tưởng cải lương, chuộng hòa bình, tinh thần quốc gia, chấp nhận bạo động và độc tài vô sản.

Áp dụng bạo lực là một trong những chủ trương chính của Lênin. (Quan điểm này đã được ông ta trình bày rất rõ ràng trong tác phẩm *Quốc Gia Và Cách Mạng*). "Độc tài vô sản" được ông ta định nghĩa là "sử dụng bạo lực không chấp nhận một giới hạn nào cả, bất chấp tất cả các luật lệ". Về tinh thần quốc gia và tinh thần quốc tế, Lênin gạt bỏ tinh thần quốc gia, cho đó là một quan niệm của giới trưởng giả (bourgeois), và người cộng sản chỉ biết có một loại tinh thần quốc tế, đó là "chung sức với các người cộng sản khác để chuẩn bị, tuyên truyền, và gia tốc thực hiện cách mạng vô sản quốc tế". Ông ta kêu gọi những người cộng sản trên khắp thế giới "tiếp tay với Liên Xô tổ chức một đạo quân thống nhất để thực hiện cuộc cách mạng vô sản thế giới và thiết lập một Cộng Hòa Xô Viết toàn cầu". Lênin đòi hỏi người cộng sản phải tuyệt đối trọng kỷ luật. Vi phạm kỷ luật là bội phản giới vô sản. Ông ta nói : "không tuân kỷ luật là giải giới vô sản... người nào vi phạm một tí ty kỷ luật sắt của đảng vô sản là... tiếp tay cho giới trưởng giả chống vô sản".

### **Hình thức dân tộc, nội dung quốc tế**

Trên đây là phần tư tưởng, chủ trương, đường lối, chiến lược và tổ chức. Về phương diện chiến thuật, phương thức cách mạng, thì các cán bộ, đảng viên của Đảng Cộng Sản Việt Nam đã được nghe nhiều, và được huấn luyện theo đó. Chiến thuật, đặc biệt là chiến thuật cướp chính quyền có thể nói là phần quan trọng nhất trong chủ nghĩa Lênin; đó là môn sở trường nhất của Lênin. Nó cũng là môn sở

trường nhất của Hồ Chí Minh, người được công nhận là một đệ tử xuất sắc nhất của Lenin. Và ông Hồ đã truyền lại những mảnh khoe "cách mạng" cho đàn em trong Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Những giáo huấn chính của Lenin về lãnh vực này được trình bày trong tác phẩm "*Cộng sản tá khuynh, căn bệnh của cộng sản ấu trĩ*". Trong tác phẩm này Lenin nói về những phương thức, thủ đoạn, xảo quyệt, để nắm bá quyền trong các tổ chức, và cướp chính quyền. Các đảng viên cán bộ Đảng Cộng Sản Việt Nam chắc được học nhiều, nghe nhiều về những điều này, tưởng không cần lặp lại ở đây. Chỉ có ba điều cần nhấn mạnh.

Điều thứ nhất là sự sử dụng bạo lực. Lenin dạy đàn em phải sử dụng bạo lực triệt để, và chỉ có bạo lực mới giải quyết mọi vấn đề. Đó là "bạo lực cách mạng".

Điều thứ nhì là quan niệm cộng sản về đạo đức. Lenin dạy đàn em rằng đạo đức của người cộng sản là có thể làm bất cứ điều gì, miễn là có lợi cho đảng cộng sản.

Điều thứ ba, căn bản nhất, là thủ đoạn mang mặt nạ, lường gạt kẻ khả tín, thực hiện cách mạng thế giới qua nhiều giai đoạn, nhưng thủ đoạn này rất tế nhị, ít người thấy được rõ. Đó là : "*chiến lược không thay đổi, nhưng chiến thuật thì thay đổi hoài hoài*". Đặc biệt là phải áp dụng những hình thức khác nhau, để đánh lạc hướng địch nhân, mà ngay cả những người đồng minh, hay những người theo mình không phải vì họ thích chủ nghĩa cộng sản, làm cho họ không thấy được mình đang thực sự làm gì, dẫn họ đi đâu.

Thủ đoạn trên đây được ghi trong một văn kiện rất dài nói về "chính sách mới" của đảng, tháng 10, năm 1936 :

*"Đảng Cộng Sản Đông Dương là chi bộ của Quốc Tế Cộng Sản, chiến lược cuối cùng của Đảng tức là chiến lược của Quốc Tế Cộng Sản..."*

*Theo đúng chiến lược của Quốc Tế Cộng Sản thì chiến lược của Đảng Cộng Sản Đông Dương là làm cách mệnh dân quyền... để dự bị điều kiện đi tới cách mạng xã hội chủ nghĩa, đó là mục đích cuối cùng của cách mệnh trong giai đoạn này... Cần nhắc lại rằng chiến lược của Đảng không thay đổi, còn chiến sách là một thứ mưu kế để hoạt động cần phải sửa đổi luôn...*

*Chúng ta theo chủ nghĩa quốc tế, không phải theo chủ nghĩa quốc gia... chúng ta phải nâng cao tinh thần tranh đấu dân tộc giải phóng mật thiết liên kết với quyền lợi của quần chúng lao động, nghĩa là hình thức thì dân tộc mà nội dung thì quốc tế" [tác giả nhấn mạnh].*

Câu chốt này trích hầu như nguyên văn của một câu trong *Tuyên Ngôn Của Đảng Cộng Sản* : "*Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản, dù về mặt nội dung, không phải là một cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu lại mang hình thức đấu tranh dân tộc*".

Đây là một đề tài mà các cán bộ, đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam đã hăng say tranh đấu và hy sinh trong mấy chục năm qua nay cần suy ngẫm, và tự hỏi : "*Mình đã giết biết bao nhiêu đồng bào, phá hủy biết bao nhiêu tài sản, để làm gì, cho ai ?*".

**Tôn Thất Thiện** (Ottawa, 11-2004)

## Một cử chỉ đáng hoan nghênh nhưng bất cập

Mới đây qua báo chí và diễn đàn điện tử, người ta được biết chính quyền ở Hà Nội mới ban hành quyết định trợ cấp một số trường hợp có tài sản bị trưng thu trưng mua trong thời kỳ Cải Cách Ruộng Đất với mức 3 triệu đồng/trường hợp.

Vừa đọc qua tôi cũng mừng vì tưởng là Đảng Cộng Sản Việt Nam đã "giác ngộ" bày tỏ thiện chí đền bù thiệt hại cho các gia đình đã bị đấu tố bắn giết và bị cướp hết tài sản trong thời kỳ Cải Cách Ruộng Đất do họ phát động trong những năm 1950 của thế kỷ trước. Nhưng khi đọc kỹ hết bản tin, tôi mới nhận ra có nhiều điểm cần phải bàn cho ra lẽ.

Chính quyền cộng sản Việt Nam vẫn giữ lối trịch thượng và làm ra vẻ thương hại người túng nghèo nên ban đặc ân trợ cấp cho một khoản tiền như kiểu "giúp đói", chứ không phải đền bù, bồi thường thiệt hại cho họ, mặc dầu đã phải công khai sửa sai và đẩy đại tướng Võ Nguyên Giáp đứng ra xin lỗi và xin đền bù thiệt hại trước nhân dân. Người dân vô tội bị đấu tố oan uổng, bị đả đả và nhà nước cộng sản, qua các Đội Cải Cách, bắn giết, tù đày và tịch thu toàn bộ tài sản, tính đến nay đã nửa thế kỷ. Nếu người nào còn sống sót đó là nhờ họ được bà con lối xóm đùm bọc kín đáo và cũng đã phải chịu đựng biết bao tủi nhục vô cơ. Theo lẽ công bằng thì "kẻ cướp phải trả lại đầy đủ của cải cho khổ chủ". Nhà Nước đã nhận trách nhiệm và sửa sai trong các đợt cải cách ruộng đất, thì phải hoàn trả tài sản cho các khổ chủ và phải phục hồi danh dự cho họ một cách xứng đáng. Không thể giữ lối trịch thượng ban ân trợ cấp cho tỵ nào hay tỵ đó.

Theo bản tin, mỗi trường hợp chỉ được trợ cấp tối đa là 3 triệu VND (tương đương với 150 EUR hay 200 USD). Tuy vậy, chỉ có một số trường hợp được trợ cấp mà thôi, không phải bất cứ ai đã bị đấu tố oan, bị cướp đoạt tài sản... đều được đền bù 3 triệu đồng cả.

Những trường hợp nào được trợ cấp ? Những trường hợp nào không được ? Ăn nói lấp lửng lơ mờ như vậy thì muốn cho ai thì cho tùy ý hay sao?

Những giấy tờ cần phải nộp để được xét duyệt :

a. *Giấy xác nhận của chính quyền địa phương.* Liệu chính quyền địa phương có dễ dàng xác nhận hay không ? Hay là họ lấy cớ sự việc đã quá lâu rồi không còn giấy tờ sổ sách gì để lại nên không chứng minh được ! Hoặc là họ viện cớ mới nhận chức vụ về sau này nên không biết rõ vụ việc để xác minh ! Họ muốn nói thế nào cũng được cả ! Chỉ tội cho người dân mà thôi !

b. *Giấy xác nhận của người làm công tác trong cải cách ruộng đất.* Việc xin giấy tờ này không dễ dàng. Lý do vì sau khi Nhà Nước tuyên bố sửa sai, rất nhiều cán bộ thuộc Đội Cải Cách đã phải cao bay xa chạy để tránh đòn thù của những người đã bị đấu tố oan ! Đến nay hoặc là họ còn tứ tán ở phương trời vô định, hoặc là đã đi theo Mao



chủ tịch về âm phủ rồi !

c. Giấy xác nhận của người đã sử dụng tài sản của gia đình thời kỳ đó. Việc này cũng không đơn giản vì người này đã sang đi bán lại nhiều lần cho người khác, hoặc đã chết, hoặc đi biệt tăm... thì làm sao xin được giấy này ?

d. Những trường hợp bị quy sai thành phần địa chủ mà tài sản bị tịch thu trong thời kỳ ấy còn phải nộp thêm bản chính giấy tờ của cấp có thẩm quyền trước đây sửa sai điều chỉnh thành phần.

Vấn đề xin được hay không giấy tờ này cũng là một dấu hỏi lớn vì bây giờ đã sau nửa thế kỷ trôi qua, tìm đâu ra bản chính giấy tờ sửa sai điều chỉnh thành phần ? Chỉ còn có nước đút tiền hối lộ cho người có chức quyền thì họa may mới có được giấy này! Nhưng khốn nỗi, tiền trợ cấp nếu có thì cũng chỉ được 3 triệu VND/trường hợp, nếu trừ tiền hối lộ đi thì còn được bao nhiêu ?

Ai cũng biết rằng những oan khiên đau khổ vô bờ bến mà những người nông dân vô tội đã phải chịu trong những đợt Cải Cách Ruộng Đất trong những năm 1950 của thế kỷ trước là do Đảng Cộng Sản Việt Nam phát động theo sự chỉ đạo của các cố vấn Trung Quốc do chủ tịch Mao Trạch Đông gửi sang. Những đau khổ này thật rất mực sâu đậm cả về vật chất lẫn tinh thần, do bởi Đội Cải Cách hù dọa ép buộc con phải bịa ra những tội tày trời ghê tởm để tố cha mẹ, vợ phải tố chồng, anh chị em phải đấu tố nhau, khiến cả trăm ngàn người vô tội bị tử nhục, bị tù đầy hoặc bị bắn giết oan và bị tịch thu tài sản đến nỗi bị đuổi xuống ở nhà bếp, xuống sống ở chuồng trâu bò, chuồng lợn, chuồng gà, hoặc ra sống ở ngoài cánh đồng... Tính đến nay đã 50 năm trôi qua, những nạn nhân đau khổ này nếu ai còn sống sót ắt đã phải trải qua biết bao nhiêu tử nhục không thể nào tả xiết.

Chính kẻ viết bài này có bà mẹ già lúc ấy đã gần 70 tuổi, gia sản chưa được một mẫu tây ruộng thế mà cũng bị gán là thành phần địa chủ, bị đấu tố, bị tịch thu hết nhà cửa ruộng vườn. Bị đuổi ra khỏi nhà. Phải đến ở nhờ nhà người con nuôi. Trời nắng chang chang phải ra đồng tát nước. Bị chúng khinh miệt chế diễu. Khi gặp bất cứ ai cũng phải cúi đầu chào "Thưa ông/bà" !

Nhưng sau mấy lần đàn dựng đấu tố, Đội Cải Cách vẫn chưa tìm được ai chịu tố oan như ý áp đặt của họ thì đến lúc "sửa sai", những tài sản đã bị tịch thu ấy bị chúng tẩu tán chia nhau hết, không trả lại phần nào cả. Do đó, những nạn nhân nào còn sống sót, hoặc người thừa kế, đều phải được bồi thường tương xứng với những mất mát của họ theo lẽ công bằng. Phải hoàn trả tài sản theo trị giá hiện nay, phải phục hồi danh dự cho họ.

Nên nhớ rằng dù có được bồi thường đến mấy về vật chất và phục hồi danh dự cũng không thể nào tương xứng với những mất mát mà họ đã phải chịu trước đây. Hướng chi nay họ chỉ được "trợ cấp" một cách duy ý chí 3 triệu đồng VN/ trường hợp, trong khi những kẻ tham nhũng giàu có đã chiếm đoạt tài sản ngang nhiên ngồi hưởng mồ hôi nước mắt của nông dân rồi còn được trích thượng lấy công quỹ "trợ cấp" cho các nạn nhân, thì liệu có hợp lẽ chăng ? Hãy tính thử số tiền mỗi mét vuông ruộng đất theo thời

giá hiện nay nhân với diện tích ruộng đất đã bị tịch thu, so với số tiền trợ cấp 3 triệu VND thì ai cũng thấy có sự chênh lệch phi lý quá đáng. Nếu các nạn nhân cam tâm chia tay ra lãnh nhận số tiền trợ cấp nhỏ nhoi này sẽ chỉ làm cho họ thêm đau khổ tủi nhục mà thôi.

Tại sao sự việc này đã xảy ra cách đây nửa thế kỷ rồi nay bỗng dưng chính quyền ra quyết định "trợ cấp" trong khi không ai xin cả ? Phải chăng chính quyền đang chịu một áp lực nào đó phải làm một việc ngoài ý muốn ?

Tại sao chỉ có chính quyền Hà Nội ra quyết định thi hành việc này, trong khi các tỉnh thành khác không đả động gì tới ? Hà Nội muốn được chọn làm thí điểm chăng ?

Nếu nói rằng chỉ "trợ cấp" cho các nạn nhân trong thời kỳ Cải Cách Ruộng Đất vì họ bị vu oan, bị thiệt hại do chính sách sai lầm của chính quyền cộng sản Việt Nam, thử hỏi còn biết bao nhiêu nạn nhân trong các vụ án oan sai khác thì sao ? Không lẽ vẫn làm lơ xí xóa chăng ? Không thể được ! Đã trót làm sai, vu oan cho người ta thì phải có đủ can đảm giải quyết cho sòng phẳng. Đây là vấn đề tái tạo tinh thần Hòa Giải Hòa Hợp Dân Tộc để xây dựng đất nước mà các cấp lãnh đạo thường lớn tiếng hô hào. Trên thực tế nó nằm trong tầm tay của các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà Nước Việt Nam hiện nay.

Tiếp theo việc giải quyết rốt ráo vụ Cải Cách Ruộng Đất, chính quyền cộng sản Việt Nam hãy mạnh dạn nhận khuyết điểm về các vụ án oan sai từ trước đến nay như :

- Vụ Nhân văn Giai phẩm,

- Vụ án xét lại chống Đảng,

- Các vụ đánh tư sản công thương nghiệp tư doanh, làm lụn bại nền kinh tế trong nước,

- Vụ bắt đi tập trung cải tạo cả mấy trăm ngàn quân nhân công chức chế độ cũ. Việc này đã làm tan nát biết bao gia đình, và khiến nhiều người đã phải vùi thân nơi rừng sâu núi thẳm,

- Vụ công an bán bãi thu vàng vượt biên rồi trở mặt bắt nhốt tù đầy.

- Các vụ án "ma" nhằm chà đạp quyền công dân, quyền tự do tôn giáo, tự do chính trị, tự do ngôn luận, tự do hội họp, tự do báo chí... Đặc biệt là vụ án linh mục Nguyễn Văn Lý, bác sĩ Nguyễn Đan Quế, bác sĩ Phạm Hồng Sơn, giáo sư Nguyễn Đình Huy, nhà báo Nguyễn Vũ Bình, cựu sĩ quan Nguyễn Khắc Toàn, hòa thượng Huyền Quang, hòa thượng Quảng Độ v.v. hiện còn bị quản chế hoặc còn bị giam trong tù.

- Bồi thường và phục hồi danh dự cho những người đã mãn tù oan sai như : cử nhân luật Lê Chí Quang, giáo sư Trần Khuê, cựu đại tá sử học Phạm Quế Dương, cựu chiến sĩ quyết tử Trần Dũng Tiến v.v.

Nếu Đảng và Nhà nước cộng sản Việt Nam có bản lĩnh nhìn thẳng vào sự thật và thành thực giải quyết những vụ việc oan sai kể trên để tái tạo sự đoàn kết trong nhân dân khả dĩ tập trung được sức mạnh xây dựng và bảo vệ đất nước thì không những đó là một hạnh phúc cho Tổ Quốc Việt Nam mà đảng cộng sản còn lấy lại được niềm tin của toàn dân nữa.

**Thanh Mai (Đức)**

## Một tài liệu quan trọng của đảng cộng sản

# VIỆT NAM - ĐÔNG DƯƠNG TỪ NAY ĐẾN ĐẠI HỘI X

(Báo cáo tại Hội nghị Đảng ủy Quân sự mở rộng, ngày 24-8-2004)

Chú thích : Sau đây là báo cáo của bộ quốc phòng cho Hội nghị Đảng Ủy Quân Sự Trung Ương ngày 24-8-2004. tài liệu này do Câu Lạc Bộ Dân Chủ, một nhóm ẩn danh trong nước, gửi ra nước ngoài và được phổ biến trên mạng Internet. Báo cáo gồm ba phần : phần một nói về "âm mưu" của Mỹ, phần hai nói về "chiến lược diễn biến hòa bình của Mỹ và các thế lực thù địch". Hai phần này chỉ lặp lại những luận điệu quen biết của chính quyền cộng sản. Phần thứ ba nói về các lực lượng dân chủ. Câu Lạc Bộ Dân Chủ vì vậy đã chỉ chọn phổ biến phần III sau đây.

Muốn hiểu tài liệu này cần biết tác giả của nó. Đó không ai khác hơn là Tổng Cục 2, cơ quan tình báo về hình thức thuộc bộ quốc phòng nhưng thực ra là cơ quan có thẩm quyền trên mọi vấn đề sau Pháp Lệnh Tình Báo năm 1996 và Nghị định 96-CP năm 1997 mà ông Võ Văn Kiệt đã phải ký một cách miễn cưỡng dưới sức ép của Lê Đức Anh. Tổng Cục 2 được quyền hoạt động trên mọi lãnh vực quốc gia cũng như thế giới, dù có thuộc phạm vi quân sự hay không. Trong gần 20 năm qua, Tổng Cục 2 đã là dụng cụ của phe Lê Đức Anh để khống chế Đảng Cộng Sản Việt Nam và dùng Đảng Cộng Sản Việt Nam để khống chế cả nước. Tổng Cục 2 đã sử dụng mọi biện pháp hung bạo và gian trá cho mục đích này. Nó đã bịa đặt ra những vụ Năm Châu-Sáu Sứ năm 1991 để vu cáo nhiều nhân vật quan trọng chung quanh hai tướng Võ Nguyên Giáp và Trần Văn Trà. Trong thời gian 1996-1999 nó đã bịa đặt ra một điệp viên giả tưởng mang mã số T4, nói là người của Tổng Cục 2 gài được vào cơ quan trung ương tình báo CIA của Mỹ, để dùng "báo cáo" của T4 buộc tội hầu hết các nhân vật quan trọng của chế độ là có liên hệ với CIA. Quan trọng hơn hết, Tổng Cục 2 cũng là thủ phạm của những đợt đàn áp thô bạo những người dân chủ trong nước. Nói chung Tổng Cục 2 là lực lượng chống dân chủ ngoan cố và độc hại nhất. Không có gì ngạc nhiên nếu Tổng Cục 2 đã dần dần bị cô lập và gặp sự chống đối của đại bộ phận tướng lãnh và cán bộ cộng sản, những người hoặc đã là nạn nhân của nó, hoặc phần nộ trước sự lộng hành của nó.

Từ mùa hè năm nay, sau đơn tố giác của thượng tướng Nguyễn Nam Khánh, hành động như là phát ngôn viên của một khối đông đảo đảng viên cộng sản cao cấp, số phận của Tổng Cục 2 trở thành bấp bênh. Hàng loạt tiếng nói có uy tín đã vang lên đòi trừng phạt những người cầm đầu Tổng Cục 2, kể cả Lê Đức Anh. Tướng Phạm Văn Trà, bộ trưởng quốc phòng, trên nguyên tắc là cấp trên của Tổng Cục 2, là một trong những tay chân đắc lực của Lê Đức Anh. Theo những nguồn tin đáng tin cậy, trong Hội nghị Đảng Ủy Quân Sự Trung Ương mở rộng này - có cả sự hiện diện của các tướng Võ Nguyên Giáp, Lê Khả Phiêu và Nguyễn Nam Khánh - nhiều tướng lãnh, trong đó có tướng Lê Văn Dũng, đã dả kích đích danh và đòi tướng Phạm Văn Trà từ chức.

Các vấn đề nhân sự lãnh đạo sẽ được giải quyết trong đại hội đảng lần thứ 10 sắp tới. Trong bối cảnh đó, báo cáo sau đây có mục đích gỡ tội cho Tổng Cục 2 và phe nhóm Lê Đức Anh. Do đó nó cần hù dọa các đảng viên cộng sản, trước hết là các thành viên bộ chính trị và ban chấp hành trung ương, về một nguy cơ sụp đổ trước mắt nếu họ không hòa giải mau chóng với nhau, nghĩa là để yên Tổng Cục 2 và phe Lê Đức Anh.

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đã được dùng làm ngáo ộp để hù dọa Đảng Cộng Sản Việt Nam và gỡ tội cho Tổng Cục 2. Nguyễn Thanh Giang, Lê Hồng Hà và Hoàng Minh Chính ở trong nước và Nguyễn Gia Kiểng và Bùi Tín ở ngoài nước được mô tả như những đối thủ nguy hiểm của chế độ.

Bản báo cáo này cũng nhập nhằng liên kết Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên với một tổ chức mệnh danh "Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng Việt Nam", một tổ chức chưa từng được biết đến và có thể chỉ là một bịa đặt của Tổng Cục 2 giống như "điệp viên T4", với mục đích xuyên tạc lập trường bất bạo động của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên mạnh mẽ tố giác sự xuyên tạc bịp bợm này.

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên không là mối nguy cho ai cả. Trái lại, đó là một hy vọng cho một tương lai dân chủ trong tinh thần hòa giải dân tộc, với chỗ đứng xứng đáng cho mọi người, kể cả những người cộng sản.

Với ưu thế vượt trội về kinh tế và quân sự, Mỹ đẩy mạnh triển khai chiến lược toàn cầu với mức độ cực đoan hơn, hiểu nhiều hơn nhằm nhanh chóng áp đặt sự lãnh đạo độc tôn, khẳng định vị trí siêu cường duy nhất của Mỹ trên thế giới.

Cách mạng Việt Nam tiếp tục đối mặt với 4 nguy cơ đã được các Đại hội Đảng xác định. Với mục tiêu xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam chuyển hóa chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, Mỹ gia tăng các hoạt động "diễn biến hòa bình" bằng những âm mưu, thủ đoạn

ngày càng tinh vi, xảo quyệt, đặc biệt là âm mưu chia rẽ nội bộ, sử dụng lực lượng cấp tiến, phản động trong và ngoài nước, đẩy mạnh hoạt động thúc đẩy các diễn biến trong nội bộ ta. Dưới đây là một số tình hình thế giới, khu vực và trong nước thời gian qua, có tác động trực tiếp tới An ninh-Quốc phòng của Việt Nam. Dự báo một số âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch từ nay cho đến Đại hội 10.

**I. Âm mưu ý đồ của Mỹ đối với thế giới và khu vực**  
[...]

## II. Chiến lược diễn biến hòa bình của Mỹ và các thể lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay và dự báo trong thời gian tới

[...]

### III. Các thể lực thù địch tăng cường sử dụng bọn cấp tiến phản động trong và ngoài nước đánh phá đảng và quân đội, tập trung chống phá Đại hội X

Bọn phản động cấp tiến trong và ngoài nước từ rất sớm, đã xác định những chủ trương, biện pháp, thủ đoạn xây dựng, củng cố tổ chức và luận điệu tuyên truyền để tập trung chống phá quyết liệt Đại hội Đảng Cộng Sản Việt Nam lần thứ 10.

#### 1. Hoạt động của bọn cấp tiến, phản động trong nước

##### 1.1. Chủ trương

- Ngày 22-2-2004, tại 62 Ngô Quyền - Hà Nội đã diễn ra cuộc gặp mặt qua một số nhân vật cấp tiến Hà Nội gồm Hoàng Minh Chính, Hồng Hà, Thanh Giang, Hoàng Tiến... Cuộc gặp triển khai một số công việc sử dụng từ nay đến Đại hội Đảng X.

Mục tiêu cần đạt được là phải làm cho Đảng Cộng sản rối loạn, tình hình xã hội khủng hoảng nhiều mặt, nhiều nơi mà Đảng không giải quyết được, buộc Ban lãnh đạo phải phân hóa, đi đến tan rã hoặc tự tuyên bố giải tán.

Phương châm hoạt động là không bạo động, phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng trong và ngoài nước.

**Biện pháp** : Tuyệt đối bí mật, thận trọng, cảnh giác, không manh động, tránh đối đầu với công an để bảo toàn lực lượng trong thời gian từ nay cho đến Đại hội Đảng X. Tập trung vào việc soạn thảo tài liệu có tính chất "văn kiện" gửi Đại hội Đảng X.

- Ngày 7-7-2004 Hồng Hà nhận định : "Đại hội X sẽ diễn ra rất gay gắt quyết liệt. Đây sẽ là Đại hội cuối cùng của đảng cộng sản. Cần tích cực đấu tranh trước mắt là giải quyết vấn đề Phạm Quế Dương theo chiều hướng thả bổng, giải quyết vấn đề Lê Đức Anh rõ ràng, rành mạch, các tài liệu viết xong phải chuyển đến tận các "Đảng bộ địa phương".

##### 1.2. Mục tiêu

- Đại hội Đảng X là cái đích mà các hoạt động chống phá của lực lượng cấp tiến đang hướng tới. Chúng đều cho rằng sẽ "có những bước đột phá tại Đại hội Đảng X" hoặc "Đại hội Đảng X là Đại hội cuối cùng của Đảng Cộng Sản Việt Nam". Các bước đi của chúng như sau :

**Bước 1** : Làm xói mòn và mất niềm tin của quần chúng nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó tạo sự đối lập giữa Đảng và Nhân dân.

**Bước 2** : Làm suy yếu hệ thống lãnh đạo của ta bằng cách đẩy mâu thuẫn nội bộ trong Bộ chính trị, Ban bí thư, Ban chấp hành trung ương.

**Bước 3** : Vô hiệu hóa các cơ quan trọng yếu của Đảng, quân đội và công an, "làm ù tai", "mờ mắt" của Đảng và Quân đội" (nguyên văn lời Lê Hồng Hà).

**Bước 4** : Sử dụng sức ép từ sự đấu tranh đòi dân chủ, chống tham nhũng, chống Đảng độc tôn lãnh đạo... của các lực lượng trí thức, cựu chiến, binh, lão thành cách

mạng kết hợp với sức ép ngoại giao từ bên ngoài tạo những chuyển biến "quan trọng" tại Đại hội Đảng X theo hướng có lợi cho "phong trào dân chủ".

- Chống phá về nội bộ, nhân sự. Chúng viết bài xuyên tạc và bôi nhọ chủ tịch Hồ Chí Minh, các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước và quân đội qua các thời kỳ, khoét sâu vào những cái mà chúng cho là mâu thuẫn, gây chia rẽ ngay trong bộ lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước từ đó tuyên truyền về sự mất đoàn kết, bất ổn chính trị của ban lãnh đạo và chế độ, gieo rắc sự nghi ngờ, từng bước làm giảm lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

- Chống phá về tư tưởng lý luận. Chúng tán phát rộng rãi các tài liệu có nội dung bôi nhọ, xuyên tạc lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ; khuếch trương, cổ súy cho chủ nghĩa tư bản, phủ nhận con đường xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Lực lượng cấp tiến cho rằng : "chủ nghĩa xã hội không còn thuyết phục và khả thi để nêu cao ngọn cờ lý tưởng cộng sản. Trong Đảng cộng sản Việt Nam bây giờ có nhiều bết tắc, tư tưởng đóng băng, lại lai căng, tham ô, tham nhũng, tiêu cực từ chóp bu trở xuống".

- Ở góc độ chống phá khác, chúng cho rằng : chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay không phải là chế độ mà Bác Hồ đã chọn lựa, mà thực ra chỉ là chế độ tư bản chủ nghĩa hạng bét ; lãnh đạo thì bao che cho nhau, gây bè, kéo cánh, gây mất đoàn kết trong nội bộ Đảng.

##### 1.3. Thủ đoạn hoạt động gần đây có một số điều chính

Chống phá của bọn cấp tiến ngày càng mang tính thống nhất cao hơn, qui mô rộng hơn, có bài bản và có kế hoạch thực hiện cụ thể. Chúng chủ trương không đứng ra thành lập "tổ chức", "hội", đấu tranh mềm dẻo, lôi kéo, tập hợp lực lượng. Thời gian qua, sự móc nối, liên hệ phối hợp hoạt động chống phá của cấp tiến ba miền Bắc-Trung-Nam giữa các nhóm cấp tiến trong nước và phản động người Việt Nam ngoài nước đã nâng lên một bước. Đặc biệt, chúng gia tăng móc nối với Đại sứ quán Mỹ tại Hà Nội và bắt đầu có sự phối hợp giữa cấp tiến, cơ hội chính trị với phản động tôn giáo. Sự thống nhất trong mục tiêu, kế hoạch và nội dung chống phá được thể hiện rõ hơn.

**Thứ nhất** : Chuyển từ "đấu tranh công khai" sang hoạt động "ngâm" nhằm bảo toàn lực lượng chờ đợi thời cơ, trong khi đẩy mạnh viết bài, tuyên truyền mở rộng đối tượng cảm hóa, giác ngộ tư tưởng "dân chủ, đa nguyên" nhằm chuyển hóa và lôi kéo các lực lượng khác "tham gia phong trào".

Ngày 24-3-2004 Hồng Hà nói : "Chúng ta không thể đấu tranh bằng phương pháp biểu tình, như thế sẽ bị chính quyền đàn áp ngay. Do vậy ta cần phải tăng cường viết bài nhằm cảm hóa, giác ngộ quần chúng nhân dân để thay đổi chế độ".

**Thứ hai** : Tập trung đấu tranh bảo vệ và đòi trả tự do cho các nhân vật cấp tiến đang bị giam giữ. Lưu ý nhất là Thanh Giang được giao nhiệm vụ liên hệ với Đại sứ quán Mỹ phối hợp đấu tranh, tạo áp lực quốc tế với chính quyền Hà Nội. Mặt khác, tiến hành thành lập "ủy ban bảo vệ Nguyễn Vũ Bình" để gây áp lực với chính quyền.

**Thứ ba :** Thu thập thông tin và đẩy mạnh viết bài, phát tán các tài liệu chống phá Đại hội Đảng X, mục đích là từ nay đến Đại hội Đảng X sẽ xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong đó, nội dung chống phá chủ yếu là về đường lối nhân sự như: Tuyên truyền, đả phá đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, tố cáo cán bộ lãnh đạo cao cấp gây chia rẽ nội bộ đảng trước Đại hội Đảng...

**Thứ tư :** Lợi dụng, kích động hoặc "giả danh" một số cán bộ lão thành cách mạng để viết cái gọi là "thư góp ý" gửi các cơ quan chức năng của Đảng, Nhà nước và quân đội. Tán phát, nhào nặn, lồng ghép tư tưởng phản động trong các tài liệu, lấy đó làm cơ sở, luận cứ để bảo vệ cho những quan điểm sai trái của chúng, sau đó tuyên truyền rộng rãi để tạo dư luận.

#### 1.4. Về xây dựng lực lượng

Ngày 12-4-2004, lực lượng dân chủ cấp tiến Hà Nội đã họp bàn đưa ra phương pháp tập hợp lực lượng trong thời gian tới như sau:

- Xây dựng được nhân tố nòng cốt những người có công lao nhiều trong sự nghiệp cách mạng vừa qua, có quan điểm dân chủ.

- Nhiệm vụ trọng tâm của phong trào dân chủ từ nay đến năm 2006 là : xây dựng sâu rộng phong trào ở cơ sở dần dần đi vào ổn định mang tính tổ chức hoạt động có sự chỉ đạo kiểm tra giám sát, không được manh động, hời hợt.

- Phát triển gây ảnh hưởng mạnh luồng tư tưởng trên vào lực lượng quân đội với lý do lực lượng này đóng vai trò cơ bản nhất trong việc bảo vệ Nhà nước Việt Nam. Để thực hiện được điều đó, cần tập trung tranh thủ, gây ảnh hưởng trong các tướng lĩnh cao cấp đã nghỉ hưu, sĩ quan trẻ để họ đấu tranh nhằm tạo ra sự thiếu thống nhất. Sử dụng các tư liệu về những "oan khuất" trước đây của số tướng lĩnh, chỉ ra sự sai trái, tha hóa của các cán bộ cao cấp trong Đảng để kích động, gây mất niềm tin đối với Đảng Cộng Sản Việt Nam.

- Đối với các lão thành cách mạng cán bộ Nhà nước về hưu : dùng tiêu chí mức sống ở hai giai đoạn trước kia và hiện nay để tuyên truyền kích động đấu tranh đưa ra các tệ nạn tham nhũng, sống xa hoa lãng phí thông qua một số vụ án liên quan tới một số cán bộ cấp cao đương chức, chỉ ra những thiệt thòi của số cán bộ đã nghỉ hưu trước kia, từ đó kích động để họ tự nguyện tham gia ủng hộ phong trào dân chủ ở Việt Nam.

- Đối với lực lượng trẻ : sử dụng các tư liệu về cuộc đời và sự nghiệp của một số cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước và quân đội để tuyên truyền "làm cho họ sụp đổ lòng tin, cảm thấy bị hắt hủt, bị lừa dối qua các sự kiện lịch sử. Xóa bỏ hình ảnh cao đẹp của các lãnh tụ cộng sản". Kích động đòi quyền tự do thông tin, giao lưu văn hóa với nước ngoài, truyền tải những tri thức khoa học về kinh tế, xã hội để họ phủ nhận học thuyết Mác-Lênin. Xây dựng lực lượng này trở thành lực lượng tiên phong cho phong trào dân chủ. Trước mắt, đối với giới học sinh, sinh viên cần giúp họ thông qua các tư liệu về đời tư của các lãnh tụ nhằm xóa bỏ hình ảnh cao đẹp của Bác Hồ và một số cán bộ lãnh đạo

cao cấp của Đảng và Nhà nước.

- Đối với tầng lớp cán bộ công nhân viên ở các cơ quan hành chính sự nghiệp, các doanh nghiệp : phân tích chỉ rõ cho họ hiểu được sự thiếu công bằng, dân chủ, trì trệ trong cơ chế lãnh đạo hiện nay và đây là yếu tố sống còn đối với họ, nhất là các doanh nghiệp.

- Liên kết cấp tiến với tôn giáo phản động : ngày 31-5-2004 Hoàng Minh Chính cho biết ngày 26-5-2004 y đã nhận được thư của Thích Thiện Hạnh (Phật giáo Ấn Quang), hiện đang tu tại chùa Bảo Quốc Huế bày tỏ mong muốn "hợp tác đấu tranh" giữa Phật giáo với lực lượng cấp tiến Hà Nội. Nội dung thư : ca ngợi Hoàng Minh Chính về việc viết bài bênh vực Nguyễn Vũ Bình, bày tỏ về bản thân Thích Thiện Hạnh hiện cũng đang bị quản chế nghiêm ngặt mất tự do và bất cứ lúc nào cũng có thể bị quy cho tội gián điệp như hòa thượng Thích Quảng Độ và Thích Huyền Quang, trông chờ vào Hoàng Minh Chính "chia sẻ nỗi khổ nhục mà các nhà sư thuộc phái Ấn Quang đang phải chịu đựng". Chính nói "trước khi nhận được thư này của Thích Thiện Hạnh qua chuyển phát nhanh của EMS", y đã nhận được nội dung bức thư qua mạng internet. Mục đích của lá thư này là "họ muốn liên kết với dân chủ chúng ta để đấu tranh".

#### 1.5. Luận điều tuyên truyền

Tuyên truyền xuyên tạc nhằm bôi nhọ, hạ thấp uy tín lãnh đạo của Đảng, Chính phủ, lực lượng vũ trang trước thêm đại hội X.

Tuyên truyền về thực trạng tham nhũng trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước ta, lợi dụng các vụ án tham nhũng được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng làm tư liệu để tuyên truyền.

Đáng chú ý là quan điểm của Hồng Hà gộp tất cả tập thể Bộ chính trị như nhau cùng là những người có chức quyền nhưng lại sợ nhân dân, chỉ biết đến danh vọng, tham ô, hối lộ... và cho rằng : "bây giờ chúng nó đã an tọa nên chúng nó phải bảo vệ nhau để cùng tồn tại... phải tăng cường bịp, bịp rất mạnh...". Về vấn đề này, thủ đoạn của chúng, theo như lời Hồng Hà là "đánh lừa" : "đánh từng người một, từng ngành một, từ cũ đến mới, từ thấp đến cao... có ít phải nói mạnh, chuta có phải tìm cho có mà đánh".

Tuyên truyền về tình trạng bè phái, mâu thuẫn giữa các tướng lĩnh quân đội, trong nội bộ lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta.

Tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước ta :

Xuyên tạc về con đường, phương hướng phát triển của Việt Nam.

Xuyên tạc về đường hướng phát triển kinh tế của Việt Nam.

Phản ứng quyết liệt với kết quả Hội nghị trung ương 9, Hội nghị trung ương 10.

Vui mừng trước việc Hạ viện Mỹ thông qua dự luật nhân quyền Việt Nam 2004 ngày 10-6-2004. Ngày 27-7-2004, Hoàng Minh Chính nói : "Mỹ sẽ chi cho các lực lượng đấu tranh cho dân chủ ở Việt Nam 4 triệu USD. Tuy dự luật này còn phải được Thượng viện Mỹ thông qua, nhưng ta

phải thấy đây là những dấu hiệu đáng mừng đối với phong trào dân chủ ở trong nước".

- Tấn công quyết liệt vào chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản, phủ nhận chủ nghĩa Mác-Lênin, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, phủ nhận sự lãnh đạo của đảng cộng sản, tán dương đề cao chủ nghĩa tư bản "tự do-dân chủ" kiểu Mỹ.

- Đáng chú ý trong số phản động, cấp tiến trong nước, mà chúng tự gọi nhau là "lực lượng dân chủ" đang nổi lên Nguyễn Thanh Giang và Lê Hồng Hà được đồng bọn ca tụng là "cao tay" hơn cả. Hai nhân vật này đồng quan điểm với nhau, trong đó Thanh Giang thường viết tài liệu công khai, mang tính trí tuệ, đại diện cho giới trí thức. Còn Hồng Hà thì tự xưng là "đại diện cho cán bộ cách mạng lão thành" thường viết bài giấu tên nặc danh, chọc sâu vào nội bộ Đảng, Quân đội và những vấn đề mang tính luật pháp. Đáng chú ý là Thanh Giang thường xuyên tiếp xúc, quan hệ với sứ quán Mỹ, với phóng viên đài báo nước ngoài, chống đối công khai và rất hung hăng. Còn Lê Hồng Hà thì thủ đoạn hoạt động bí mật, khôn khéo và nguy hiểm.

## 2. Hoạt động của lực lượng phản động Việt Nam lưu vong

Đặc biệt, mối quan hệ trong ngoài được tăng cường thường xuyên, liên tục và phối hợp rất chặt chẽ, từ những vấn đề chiến lược lâu dài, đến những tình huống, luận điệu "dấu tranh" cụ thể,

2.1. Nổi lên trong thời gian qua là "Đại hội lần 1 Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên" (THDCĐN) tổ chức tại Ba Lan từ 26 đến 28-7-2004

Nguyễn Gia Kiểng đứng đầu tổ chức phản động này nói : "Đây là dịp để các thành viên tập hợp chứng kiến tận mắt và tiếp xúc thực tiễn với một xã hội vừa ra khỏi chế độ cộng sản (Ba Lan), từ đó rút ra những kinh nghiệm để áp dụng vào thực tiễn Việt Nam". Thời gian ba năm sắp tới phải chăng rất quan trọng, vì có thể có biến chuyển quan trọng trong sự hình thành nền dân chủ đa nguyên ở Việt Nam ? Trình độ "sẵn sàng" của tập hợp phải ra sao để kịp ứng phó trên bình diện tổ chức và phát triển lực lượng tập hợp ? Trên bình diện khả năng và phương tiện hành động ? Trên bình diện vận động đoàn ngũ và huy động quần chúng, vận động quốc tế và tạo đà tiến với áp lực cần thiết ?...

- Những luận điệu tuyên truyền chống phá THDCĐN thông qua đại hội nổi lên là những đánh giá, phát biểu của Bùi Tín và Nguyễn Gia Kiểng. Khi nói về Đảng Cộng Sản Việt Nam, Bùi Tín cho rằng : "Hiện nay chúng ta đang đứng trước một cái ngưỡng chỉ cần thay đổi một lượng nhỏ trong xã hội có thể làm thay đổi lớn về bản chất trong chế độ. Chúng ta đang đứng trước một vận mệnh rất quan trọng trong khi nội bộ đảng cộng sản có nhiều dấu hiệu rạn nứt...". Kiểng chủ trương : "...Chiến lược phải thay đổi, trước hết phải đánh vào những giá trị căn bản của nền văn hóa đã tạo ra thực trạng đáng buồn này. Vì thế, nên chúng ta cần có một cuộc đấu tranh văn hóa".

- Một số nhận xét xung quanh đại hội toàn thế giới lần 1 của THDCĐN : Đại hội có sự tham dự của chính giới Ba

Lan, kể cả các đảng phái cầm quyền hay đối lập, tất cả đều tỏ thái độ quan tâm đặc biệt đến Đại hội. Cựu tổng thống Ba Lan Lech Walessa cũng gửi thư đến chúc mừng Đại hội và hẹn gặp các "nhân vật đối lập Việt Nam". Các cơ quan truyền thông của Ba Lan, cũng như các tổ chức "dân chủ", "nhân quyền" ở Mỹ và châu Âu, Úc đều rất quan tâm đến đại hội này.

2.2. Đặc biệt ngày 4-8-2004 trên mạng internet bắt đầu xuất hiện lời "hiệu triệu khẩn của Hội đồng Quân nhân Cách mạng Việt Nam" kêu gọi lật đổ Bộ chính trị Đảng Cộng Sản Việt Nam. Tài liệu này cũng do chính THDCĐN soạn thảo và tán phát rộng rãi trên các phương tiện thông tin công cộng và gửi cho bọn cấp tiến trong nội địa. "Thời cơ cho vận mệnh và lịch sử tổ quốc Việt Nam xoay vần đã đến. Chế độ độc tài, độc quyền và tàn bạo, chủ nghĩa xã hội Việt Nam đang cáo chung. Đây là thời điểm quan trọng và quyết định sự sống còn của dân tộc Việt Nam. Tự do hay là chết. Toàn thể các chiến binh, quân nhân Việt Nam của cả hai chế độ cũ, mới hãy rũ bỏ quá khứ thù hận cùng đồng tâm, đoàn kết lại đứng lên, vùng dậy loại trừ toàn bộ Bộ chính trị Đảng Cộng Sản Việt Nam. Nơi đó đã xảy ra tất cả các tội ác với dân tộc. Tự do hay chờ chết lần mòn trong đói khát và sợ sệt. Nếu chúng ta khiếp sợ thì con cháu chúng ta sẽ mặt nhục trước nạn nội xâm tàn bạo này".

## 3. Hoạt động của các thế lực thù địch chống phá quân đội và trực tiếp chống Tổng cục II ngày càng quyết liệt

Với ý đồ làm suy yếu các công cụ bảo vệ Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa này, lực lượng phản động, cấp tiến đang tăng cường chống phá quân đội, mà tập trung trước hết là Tổng cục II. Bọn đầu sỏ đánh giá : "Một trong những biện pháp để thúc đẩy các hoạt động "dân chủ", "tự do", "chia rẽ, khoét sâu mâu thuẫn nội bộ Đảng", "chống tiêu cực..." đó là phải tìm bằng chứng, tán phát tài liệu tuyên truyền, bôi nhọ Tổng cục II, hạ thấp uy tín của Tổng cục II với Đảng và Nhà nước và gây mâu thuẫn ngay trong nội bộ Tổng cục II".

Vì vậy, trong suốt thời gian qua, bên cạnh các hoạt động chống Đảng, chống chế độ, lực lượng phản động cấp tiến tập trung chĩa mũi nhọn chống phá Tổng cục II một cách có hệ thống, có tổ chức, thống nhất cả về nội dung, phương thức và thời điểm chống phá ở cả trong và ngoài nước với mục đích hạ thấp uy tín của Tổng cục II với Đảng, với quân đội tiến tới làm suy yếu sức mạnh, "đánh sập" Tổng cục II để chúng dễ bề chống phá ngay từ trong nước ra đến ngoài nước.

3.1. Bọn cấp tiến phản động trong nước tập trung viết bài chống phá, xuyên tạc

3.2. Hoạt động phối hợp của bọn phản động ở ngoài nước

Trong những hoạt động chống phá có trọng điểm này, bọn cấp tiến đã nhận được sự yểm trợ, phối hợp của lực lượng phản động người Việt Nam ở nước ngoài và một số thế lực nước ngoài, trong đó có các phương tiện thông tin đại chúng như RFA, BBC, RFI...

Trong đại hội toàn thế giới của THDCĐN lần thứ nhất tại Ba Lan ngày 28-7-2004, lực lượng phản động cho rằng "đây là thời cơ thuận lợi nhất, chín muồi nhất" để chống phá Đảng, Nhà nước, Quân đội. Ngày 27-7-2004 THDCĐN đã cho in ấn và phân phát cho các thành viên tham gia đại hội tại Ba Lan thư của Trần Đại Sơn cùng với bức thư của ông Nguyễn Nam Khánh đề ngày 17-6-2004 như tài liệu chính thức của đại hội. Trong đại hội, Bùi Tín nói : "*Tôi thông báo với các bạn một tin : ở cung đình Hà Nội đang có cuộc đấu tranh lớn, sống mái với đại tướng Lê Đức Anh. Lê Đức Anh đã dựng lên Tổng cục II năm 1995... Cách đây một tuần chúng tôi nhận được một văn kiện, văn kiện đó dài 13 trang do thượng tướng Nam Khánh ký tên... tổ cáo Lê Đức Anh là cai đồn điền cao su, khai man để vào Đảng năm 1943, vào Đảng như vậy là phạm pháp, nhưng Anh được Lê Đức Thọ, Lê Duẩn che chở, nâng cao và đã ngoi lên chức cao nhất... và bây giờ đã có chứng minh Lê Đức Anh là tên cai đồn điền và có tội ác với phu đồn điền, do đó nhân dịp kỷ niệm chiến thắng Điện Biên, các tướng của Quân Đội Nhân Dân Việt Nam đã kêu gọi, yêu cầu khẩn thiết Bộ chính trị, Ban kiểm tra Trung ương, Tòa án tối cao xét xử công khai vụ việc này.*"

Hiện nay, ban lãnh đạo đang lúng túng về các vấn đề kinh tế, chính trị, ngoại giao thì mắc phải vấn đề nan giải này. Hơn một nửa số trong Bộ chính trị muốn chỉ thị bóp nghẹt vụ này giải quyết ở đằng sau hậu trường vì sợ làm rung động nhân dân trong nước và thế giới, cho nên Lê Đức Anh đang khóc lóc trước Bộ chính trị xin nhận hết tội lỗi và xin không đưa ra công khai vụ này vì "không những xấu cho tôi mà còn xấu cho cả Đảng ta"... tất cả những cái tin đó có trong thư của thượng tướng Nam Khánh..." (trích nguyên văn từ băng ghi âm).

Trong thời gian lực lượng cấp tiến, phản động sẽ tiếp tục tăng cường các đòn đánh trực diện vào quân đội và Tổng cục II. Bùi Tín nhận định : "*Sau loạt bài và thư của một số tướng lĩnh, nhóm dân chủ đã có dự kiến tung loạt thông tin ra trước Trung ương 9 và rồi Trung ương 10, nhưng vì lý do nào đó mà không thực hiện được, nghĩa là trượt thời điểm. Nhưng dù thế nào thì cũng xảy ra nổ lớn, đó là điều cần thiết cho phong trào dân chủ. Thời điểm ngoài này sẽ công bố là khi ở trong nó công bố*".

**3.3. Nhận định của tình báo và tài phiệt Mỹ :** giới truyền thông, tình báo và tài phiệt Mỹ, phương Tây đã có đủ các tài liệu nội bộ và thư góp ý, kiến nghị... gửi Ban chấp hành trung ương trong thời gian qua, và chúng đang đặc biệt quan tâm nghe ngóng, thu thập thông tin, tài liệu và phản ứng của dư luận về vấn đề này, nhưng chúng chủ trương chưa đưa tin.

Tóm lại :

- Các thế lực thù địch chống phá chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và Đảng Cộng Sản Việt Nam thường xuyên, liên tục và từ hàng chục năm nay. Chúng dựa trên chính sách cực quyền của Mỹ, dựa trên yếu tố sức mạnh kinh tế, quân sự, khoa học công nghệ đưa vào quá trình toàn cầu hóa và lợi dụng chính sách mở cửa của ta để thâm nhập, móc nối, lôi kéo, kích động phá hoại ngầm... Tuy

nhiên, qua mấy chục năm điên cuồng chống phá bằng thủ đoạn, biện pháp chúng cũng đã không thể đạt được mục đích chuyển hóa chế độ, xóa bỏ Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Đòn công kích nguy hiểm nhất và cũng là đòn đánh cuối cùng mà chúng sử dụng ở Việt Nam cũng chính là thủ đoạn mà chúng đã sử dụng thành công để xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, đó là dịch lợi dụng tình hình có một số vấn đề xuất hiện trong nội bộ Đảng để tuyên truyền, kích động, gây mâu thuẫn nội bộ, từ đó đi đến chỗ tự tan rã. Xuất phát điểm của chúng hiện nay như Liên Xô trước đây, trước hết là chúng nhằm vào quân đội, công an và các cơ quan chuyên trách làm nhiệm vụ nắm địch là an ninh, tình báo nhằm bịt tai, bịt mắt của Đảng, gây mất lòng tin vào Đảng, vào quân đội, công an. Biện pháp của chúng là đánh tĩa từng bộ phận một, và gây mâu thuẫn giữa các bộ phận, lực lượng đó với nhau.

Điều mà kẻ địch đang chờ đợi nhất, coi đó là điều kiện tiên quyết cho thành công của chúng là ta tự làm mất ổn định, tự thanh trừng, tự "thanh toán" lẫn nhau có như vậy chúng mới có cơ may thành công. Như Nguyễn Gia Kiểng đã nói "*khi trong phát tín hiệu (tức là tín hiệu rối loạn) thì bên ngoài ta mới sẽ tuyên bố*".

Bọn cấp tiến, phản động thời gian qua tích cực viết, phát tán tài liệu dưới dạng "*đơn kiến nghị*", "*thư góp ý*"... và chúng đặc biệt chú ý săn lùng các đơn thư của các đồng chí lão thành cách mạng, các cuốn "*Hồi ký chui*", các "*tư liệu lịch sử*" trên cơ sở đó, chúng xuyên tạc, bóp méo nhằm vào mục đích của chúng là chống phá, nói xấu Đảng và quân đội, kích động gây mâu thuẫn trong nội bộ ta.

Về đơn thư góp ý về những bức xúc về tình hình đất nước, nội bộ Đảng, tình trạng xã hội... cơ bản xuất phát từ trách nhiệm đối với Đảng, với đất nước của cán bộ Đảng viên, quần chúng tốt - các cơ quan chức năng của Đảng và Nhà nước cần nghiêm túc xem xét. Tuy nhiên, nếu không quản lý và xử lý vấn đề này theo đúng nguyên tắc - đặc biệt là những thông tin sai lạc, xuất phát do thiếu thông tin, hoặc xuất phát từ những nhận xét, động cơ cá nhân thì chắc chắn sẽ bị địch lợi dụng vừa tuyên truyền nói xấu Đảng, Nhà nước và lãnh đạo, vừa kích động gây mâu thuẫn nội bộ, làm mất lòng tin của nhân dân vào Đảng, gây chia rẽ Đảng với quần chúng đặc biệt là trong tình hình phức tạp, sự phổ biến công nghệ thông tin rộng rãi mang tính toàn cầu hiện nay.

#### **4. Dự báo về hoạt động chống phá của lực lượng cấp tiến thời gian tới**

Nhìn lại toàn bộ quá trình chống phá của lực lượng cấp tiến, phản động nhằm vào Đảng, quân đội trong thời gian qua có thể thấy : mục tiêu chống phá Đảng, quân đội được lực lượng này thực hiện xuyên suốt và nhất quán từ trước tới nay với sự chỉ đạo hỗ trợ của tình báo nước ngoài. Thời gian tới, mức độ chống phá Đảng, quân đội và Tổng cục II sẽ càng ngày càng quyết liệt hơn - với mục tiêu là "*dọn đường*" nhằm "*chuẩn bị*" cho Đại hội X.

**4.1. Cuộc "đấu tranh" chống chế độ xã hội chủ nghĩa, chống Đảng Cộng Sản Việt Nam và Quân Đội Nhân Dân**



Việt Nam do các lực lượng thù địch, cấp tiến, phản động, xét lại, tiến hành rất quyết liệt. Quan điểm, thái độ của bọn chúng sẽ "cứng rắn" hơn, thủ đoạn tinh vi, nham hiểm hơn, vì chúng xác định đây là cơ hội cuối cùng.

Xin nhấn mạnh một lần nữa đánh giá của chúng, Hồng Hà nói : "*Đại hội X sẽ diễn ra rất gay go, quyết liệt. Đây sẽ là Đại hội cuối cùng của đảng cộng sản cần tích cực đấu tranh... tài liệu viết xong phải chuyển đến tận các đảng bộ địa phương*".

4.2. Tiếp tục "đấu tranh" bảo vệ, thanh minh đòi thả tự do cho các phần tử cơ hội chính trị bị giam giữ và thổi phồng kết quả đấu tranh mà tự cho là thành công như Phạm Quế Dương, Trần Khuê.

Trong thời gian trước mắt theo nhận định của Hoàng Minh Chính "*sau khi đấu tranh thắng lợi trong các phiên tòa xét xử vụ án Trần Khuê và Phạm Quế Dương*", lực lượng dân chủ cấp tiến cần phải tạm ngừng hoạt động một thời gian, nhằm đối phó với sự kiểm soát của công an, nhất là trong đợt ra quân, cao điểm truy tìm tài liệu "*thư gửi Bộ chính trị của thượng tướng Nguyễn Nam Khánh*". Tuy nhiên, hoạt động đấu tranh đòi tự do cho các nhân vật còn đang bị giam giữ sẽ được lực lượng cấp tiếp tiếp tục đẩy lên theo như ý đồ của Hồng Hà đặt ra là : coi như vụ Quế Dương đã xong ta phải nhân cơ hội này tiếp tục đấu tranh đòi chính quyền phải trả tự do cho Nguyễn Khắc Toàn, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình.

#### 4.3. Đẩy mạnh móc nối trong - ngoài

Hoạt động móc nối giữa các nhân vật dân chủ cấp tiến trong nước được thực hiện với mật độ dày hơn, thông qua các chuyến đi của một loạt các nhân vật chủ chốt : Hà Sỹ Phu ra Hà Nội (12-2003), Nguyễn Thanh Giang vào miền Nam (3-4-2004), Bùi Minh Quốc ra Hà Nội (4-5-2004), Thanh Giang xuống Hải Phòng (5-2-2004), Mạnh Sơn vào miền Nam (6-2004)... sự phối hợp đấu tranh "*trong-ngoài*" đang được đẩy lên một mức độ cao hơn, thể hiện ở hai khía cạnh : một là sự gia tăng móc nối liên hệ giữa Nguyễn Thanh Giang và Đại sứ quán Mỹ, hai là giữa Hoàng Minh Chính và lực lượng phản động người Việt Nam lưu vong (chủ yếu tại Pháp). Các thông tin thu thập được cho thấy hoạt động móc nối giữa Mỹ và các phần tử cấp tiến (thông qua Thanh Giang) tập trung mạnh nhất về vấn đề dân chủ, nhân quyền (đặc biệt là khoảng thời gian trước khi Hạ viện Mỹ thông qua dự luận nhân quyền Việt Nam 2004 và Phạm Quế Dương bị xét xử).

Nhiều dấu hiệu cho thấy các hoạt động của các nhân vật cấp tiến thời gian qua đã nhận được sự chỉ đạo của CIA hoặc Đại sứ quán Mỹ (ví dụ thông qua Thanh Giang và một số nhân vật khác hiện vẫn còn nằm trong bóng tối). Hoạt động của chúng đã "*chìm*" đi nhưng "*tính hiệu quả*" lại tăng lên, mật độ tiếp xúc giữa Thanh Giang và Đại sứ quán Mỹ dày lên nhất là vào thời điểm Phạm Quế Dương chuẩn bị được đưa ra xét xử, hoạt động của chúng được nguy trang rất kỹ lưỡng, hoạt động chống phá của chúng mang tính tổ chức chặt chẽ, phối hợp nhịp nhàng, mang tính mục đích cao, có bước đi rõ ràng (đẩy uy tín của một số cán bộ lão thành cách mạng lên cao sau đó sử dụng chính họ để

"*dánh*" vào nội bộ Đảng, nội bộ quân đội). Mỹ đánh giá việc lật đổ chế độ hiện nay ở Việt Nam sẽ chưa thể tiến hành chừng nào Mỹ chưa xây dựng được ở Việt Nam cái gọi là "*lực lượng đối lập*" thân Mỹ và một "*Gorbachov*" của Việt Nam. Những động thái điều chỉnh trong phương hướng, cách thức hoạt động của lực lượng cấp tiến trong thời gian gần đây, cùng với những mối quan hệ, móc nối giữa Đại sứ quán Mỹ và lực lượng cấp tiến mà trung tâm là Nguyễn Thanh Giang, có thể nhận định : Mỹ sử dụng lực lượng dân chủ cấp tiến như một con bài để truyền bá tư tưởng "*dân chủ*", "*đa nguyên*" và xã hội Việt Nam từng bước "*chuyển hóa giác ngộ*" để lôi kéo các tầng lớp nhân dân đi theo cái gọi là "*phong trào dân chủ*" ở Việt Nam. Khi CIA tìm được "*ngọn cờ*" chính trị tại Việt Nam, thì đây sẽ là nòng cốt để chúng xây dựng "*lực lượng đối lập*" phục vụ ý đồ của Mỹ - và thời điểm đó chính là lúc bùng nổ đồng loạt các hoạt động gây rối loạn khủng hoảng toàn diện - với mưu đồ xóa bỏ đảng cộng sản và chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

4.4. Phương thức và hoạt động của lực lượng cấp tiến, phản động đa dạng, linh hoạt hơn, thay đổi rất nhanh để theo kịp tình hình, tính chất và hậu quả do chúng gây ra sẽ nghiêm trọng hơn.

Năm 2003 hoạt động chống phá của lực lượng cấp tiến hầu như "*co lại và cầm chừng*" để nghe ngóng sau khi Nguyễn Vũ Bình, Phạm Quế Dương, Trần Khuê bị bắt. Có thể nói, "*Phong trào dân chủ*" đã bị những đòn đánh và bị thiệt hại nặng nề. Tuy nhiên, sang năm 2004 hoạt động của lực lượng này gia tăng trở lại, có thời cơ được đẩy lên cao (khi xét xử Nguyễn Vũ Bình, Phạm Quế Dương, Trần Khuê) chúng điều chỉnh cách thức, thủ đoạn chống phá. Từ chỗ công khai đấu tranh đối lập các "*tổ chức dân chủ*", "*hội chống tham nhũng*", trước đây, nay chuyển thành các hoạt động "*ngâm*" với các hình thức "*đấu tranh*" mềm dẻo, linh hoạt, không đấu lộ diện mà "*núp bóng*" và lợi dụng, kích động các lực lượng khác (thân nhân của những tên bị bắt giam, cựu chiến binh lão thành cách mạng) đứng ra đấu tranh, không sử dụng phương pháp biểu tình, lật đổ mà núp dưới các "*phong trào chung chung*" để giành, tăng cường viết bài và lôi kéo lực lượng cựu chiến binh, lão thành cách mạng... củng cố tán phát, phổ biến nhằm "*cảm hóa, giác ngộ*" quần chúng nhân dân để đấu tranh thay đổi chế độ, đặc biệt là phải làm cho đảng cộng sản "*tự diễn biến*".

Bọn cấp tiến tiếp tục củng cố và xây dựng lực lượng, kể cả lôi kéo các nhân vật đòi được thả tự do.

Đây là vấn đề được các nhân vật cấp tiến rất chú trọng trong giai đoạn từ nay về sau. Điều này thể hiện rất rõ trong chủ trương xây dựng cho được "*ngọn cờ*" ngay trong nội bộ Đảng, Nhà nước là những người có nhiều công lao, có uy tín cao, có quan điểm "*dân chủ*" đồng thời phải xây dựng sâu rộng "*phong trào dân chủ*" ở cơ sở dần dần đi vào hoạt động ổn định mang tính tổ chức, tăng cường sự chỉ đạo, kiểm tra giám sát, không được manh động, hời hợt, cũng như hoạt động cụ thể của chúng. Bởi thực chất lực lượng của chúng trong thời gian qua không phát triển được là bao, số lượng không nhiều, thực sự giảm đi do một số

nhân vật "có máu mặt" bị bắt giữ hơn nửa những tên cộm cán của "phong trào" Hoàng Minh Chính, Hồng Hà, Thanh Giang... đều đã già và có những bất đồng. Nhận thấy thế và lực chưa cho phép hình thành tổ chức đối lập với đảng cộng sản nên chúng vẫn đang phải tìm thế hơn pháp để đấu tranh, lôi kéo thêm lực lượng. Có nhiều dấu hiệu cho thấy cấp tiến ở Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh đã và đang tích cực triển khai chủ trương này.

#### 4.6. Vấn đề đoàn kết trong nội bộ bọn cấp tiến, phản động được chúng khắc phục để "kết hợp đấu tranh"

Bọn cấp tiến phản động xét lại, cơ hội chính trị và bất mãn sẽ dần xếp các mâu thuẫn nội bộ, kết hợp với nhau đấu tranh và mở rộng liên kết với phản động ở nước ngoài với các thế lực thù địch. Năm 2003 mâu thuẫn trong các nhóm cấp tiến diễn ra rất gay gắt, đặc biệt là giữa Thanh Giang và Hoàng Minh Chính. Đây không phải là mâu thuẫn về đường lối bởi hai nhân vật này vẫn thống nhất mục đích đấu tranh là lên án Đảng, chống đối Nhà nước, Vấn đề là ở tính đố kỵ và sự bất đồng trong việc xác định biện pháp, cách thức đấu tranh của "phong trào dân chủ". Đến nay, mâu thuẫn từng bước được hòa giải mặc dù chưa được giải quyết triệt để. Dưới tác động của Hồng Hà, Bùi Minh Quốc, Hoàng Minh Chính và Thanh Giang đã đồng ý gác lại mâu thuẫn để tập trung cho đấu tranh chung của "phong trào", nhất là trong bảo vệ Phạm Quế Dương. Hơn nữa, các cuộc gặp gỡ, tiếp xúc của các nhân vật thuộc "nhóm dân chủ" như Thanh Giang, Hồng Hà, Sơn Tùng với các nhân vật cốt cán trong lực lượng cấp tiến có thể thấy, gần đây các nhân vật "trung tâm" tìm được tiếng nói chung trong nhận định, đánh giá tình hình và chủ trương hoạt động chống phá dưới chiêu bài dân chủ, nhân quyền, tham nhũng.

#### 4.7. Quyết tâm "lật án" tất cả các sự kiện trong Đảng từ sau năm 1954 đến nay như: "Nhân văn-Giai phẩm", "vụ án chống Đảng", cải cách ruộng đất, các chính sách của Đảng và Nhà nước sau 1975

Gần đây xuất hiện một số tác phẩm văn học phát tán có chủ ý với nội dung lật án, phủ nhận công lao của Đảng trong lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Cuốn sách "Việt Nam và thế giới trong thế kỷ 20" của Nguyễn Khắc Huỳnh, cuốn "Gặp nhà thơ Tố Hữu tại biệt thự 76 Phan Đình Phùng" của Nhật Hoa Khanh... là những ví dụ. Nhật Hoa Khanh đưa ra những "lời tâm sự" của đồng chí Tố Hữu ăn năn, hối lỗi về những việc làm của mình trước đây, thực chất tác giả "mượn tay" một đồng chí cán bộ cao cấp của Đảng để lật lại các vụ án Nhân văn - Giai phẩm, vụ án chống Đảng... nhằm phủ nhận những nghị quyết của Đảng trước đây, đưa ra những tư liệu khó kiểm chứng để "bộc bạch" ý đồ bôi nhọ một số cán bộ cao cấp của Đảng hiện nay, gây nghi ngờ trong người đọc về những mâu thuẫn nội bộ Đảng. Bài viết "Những kỷ niệm về Bác Hồ" xuyên tạc sự thật cuộc đời của Bác luôn gặp bất hạnh, nội bộ Đảng đấu đá nhau, Trung Quốc, Liên Xô gây sức ép buộc Đảng phải tiến hành cải cách ruộng đất dẫn đến sai lầm... Bên cạnh đó, các thế lực thù địch đẩy mạnh hoạt động viết bài tuyên truyền, kích động chống phá quân đội và Tổng cục II trước Đại hội

X. Tất cả những vụ việc này nằm trong âm mưu của địch làm cho Đảng bị phân tán chú ý, lo thu xếp giải quyết các "vấn đề nội bộ", mà không tập trung được vào hoạch định đường lối, xác định nhân sự, củng cố tổ chức, không làm tốt công tác chuẩn bị cho Đại hội X.

Như vậy các thế lực thù địch sẽ tập trung lực lượng, khả năng, kết hợp trong-ngoài để chống phá Đảng, Nhà nước và quân đội một cách mạnh mẽ, quyết liệt vào thời điểm chuẩn bị Đại hội X nửa cuối năm 2005.

## **5. Một số nhận xét, kiến nghị**

5.1. Đây không phải là lần đầu tiên các thế lực thù địch tấn công vào Đảng, Nhà nước và quân đội mạnh như hiện nay. Những hoạt động này diễn ra thường xuyên liên tục từ hàng chục năm nay. Đặc biệt cao trào chống phá thường rộ lên trước mỗi kỳ chuẩn bị đại hội Đảng. Từ đại hội V đến nay, Đảng ta luôn tỉnh táo, sáng suốt vô hiệu hóa âm mưu và thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch và thực hiện thành công đại hội, đưa đất nước đổi mới, vững vàng đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hiện nay, trong giai đoạn chuẩn bị đại hội X địch tổ chức chiến dịch chống phá sớm hơn so với mọi lần, với sự ủng hộ mạnh hơn của Mỹ và các thế lực thù địch bên ngoài, có sự phối hợp bài bản hơn, chặt chẽ hơn giữa lực lượng trong và ngoài nước. Địch chủ trương đi vào nội bộ và tìm các vấn đề nội bộ để làm xuất phát điểm cho chiến dịch chống phá Đảng, Nhà nước và quân đội.

5.2. Về tương quan lực lượng ta-địch, các thế lực thù địch tích cực sử dụng hơn tình báo gián điệp, các phần tử phản động, cấp tiến, xét lại chống Đảng, bất mãn... trong và ngoài nước chống phá trên các vấn đề lớn như Tây Nguyên, tôn giáo, nhân quyền... và kích động chống phá nội bộ ta. Song các phần tử nguy hiểm này cũng chỉ là một số tên nhất định, chúng chưa có quần chúng, chưa có lực lượng. Con số không đến 100 tên. Nhưng nhờ công nghệ thông tin chúng có thể mở các chiến dịch tuyên truyền, kích động rầm rộ, thổi phồng về qui mô, tính chất và lực lượng, làm cho nhiều người nghĩ rằng chúng quá mạnh. Thực chất không phải như vậy.

Với lực lượng ấy địch chờ cái gì? Chúng không thể mơ tưởng tới một cuộc "cách mạng" lật đổ chế độ. Bởi vậy chúng rất mong chờ sự xuất hiện những mâu thuẫn nội bộ và sai lầm trong giải quyết các vấn đề nội bộ. Như Bùi Tín cũng như Nguyễn Gia Kiểng nói, cái điều chúng mong chờ nhất là kích động được sự rối loạn nội bộ, thanh trừng lẫn nhau, đó chính là thời cơ. Bài học Liên Xô cho thấy rằng, với một nhóm rất nhỏ các phần tử cấp tiến phản động và xét lại trong Đảng Cộng Sản Liên Xô, rất nhỏ, có thể đếm chỉ được vài chục người, nhưng chúng đã xóa bỏ được Liên Xô chính là từ vấn đề trong nội bộ.

5.3. Về phía ta, trong những năm qua đất nước có sự tăng trưởng mạnh mẽ, thế và lực trên trường quốc tế ngày càng được khẳng định. Kinh tế, văn hóa xã hội phát triển, đặc biệt là nền tảng chính trị của ta cơ bản được giữ vững qua những thăng trầm, những biến cố những phức tạp của tình hình. Đảng ta là một Đảng mạnh, thống nhất ý chí

# CON ĐƯỜNG THỨ BA

Trần Trung Việt

Một trăm năm trước sự sụp đổ toàn diện của chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới, một vấn đề khác đã làm điên đầu các lý thuyết gia Mác-xít : *"Tại sao không xuất hiện một đảng lao động hay một phong trào xã hội chủ nghĩa đáng kể nào ở Mỹ, quốc gia tư bản phát triển nhất thế giới?"*.

Friedrich Engels đã cố gắng một cách tuyệt vọng để trả lời câu hỏi này trong những năm cuối cùng của cuộc đời mình. Lenin và Trotsky cũng quan tâm sâu sắc về vấn đề này vì nó đặt ra những thách thức nền tảng cho luận cứ của chủ nghĩa duy vật lịch sử được chính Mác mô tả trong *Tư Bản Luận* : *"quốc gia phát triển cho những quốc gia kém phát triển thấy hình ảnh tương lai của họ"*.

Cho đến trước chiến tranh thế giới lần thứ nhất, các nhà lý luận cộng sản hàng đầu đều tin tưởng rằng những quốc gia tư bản công nghiệp sẽ dẫn dắt thế giới tới chủ nghĩa xã hội. August Bebel, lãnh tụ của đảng Dân Chủ Xã Hội Đức đã khẳng định : *"Mỹ sẽ là quốc gia đầu tiên mở ra kỷ nguyên cộng hòa xã hội chủ nghĩa"*. Lúc đó là năm 1907. Đảng này đã là một đảng chính trị lớn mạnh trên chính trường Đức và cũng là đảng cộng sản mạnh nhất thế giới. Trong khi đó, đảng Xã Hội Mỹ vẫn chưa có quá 2% cử tri nhưng thuộc một quốc gia có nền kinh tế tư bản phát triển.

Sự bất lực trong cố gắng phát triển phong trào xã hội chủ nghĩa ở Mỹ là một xấu hổ cho những lý thuyết gia Mác-xít, những người vẫn lập luận rằng kiến trúc thượng tầng, trong đó có cơ cấu chính trị, chỉ là biểu lộ của những cơ sở hạ tầng kinh tế và kỹ thuật. Họ hiểu rằng hiện tượng

và hành động, đặc biệt có lực lượng vũ trang trung thành tuyệt đối, luôn sẵn sàng bảo vệ đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và nhân dân. Bởi vậy, tương quan lực lượng ta-địch thực sự là một trời, một vực.

Chính vì vậy, để bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ Tổ quốc và nhân dân chuẩn bị tốt cho Đại hội Đảng lần thứ X, nếu chúng ta giữ vững ổn định nội bộ, không để các thế lực thù địch kích động, gây chia rẽ nội bộ, đặc biệt trong quá trình Đại hội X, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, đặc biệt là tuyệt đối không để các thế lực bên ngoài (địch, cấp tiến, xét lại, bất mãn, những người không hiểu tình hình...) chi phối hoặc ngấm tác động.

Đảng, Nhà nước nắm chắc lực lượng quốc phòng-an ninh, quản lý chặt chẽ tình hình mọi mặt, nắm chắc tình hình trong và ngoài nước để chủ động đối phó sớm với những biến động. Có các biện pháp phù hợp vừa khẩn trương vừa có tính dài hạn để cơ bản giải quyết các điểm nóng như Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Tây Bắc. Giải quyết tốt mối quan hệ quốc tế theo hai trục cơ bản là Việt Nam - Lào - Campuchia là quan hệ gần bó, sống chết có nhau, và trục quan hệ Mỹ - Việt - Trung. Giữ vững ổn định đời sống nhân dân, phát triển kinh tế xã hội.

**Bộ quốc phòng**

này là một bằng chứng sống về những mâu thuẫn của chủ nghĩa Mác. Nó chất vấn giá trị của hệ thống lý luận này.

Tuy nhiên Mác đã không hoàn toàn sai khi cho rằng những quốc gia kém phát triển có thể tìm thấy hình ảnh tương lai của mình ở những quốc gia phát triển. Từ những thập niên cuối của thế kỷ 19, Mỹ là quốc gia phát triển đó. Văn hóa chính trị Mỹ - như nó đã lớn mạnh và không như những nhà lý luận Mác-xít đã hy vọng - phản ánh luận lý của một xã hội phát triển cao về kinh tế và kỹ thuật. Xã hội Mỹ là một xã hội tư bản đặc thù. Lý do khiến kinh tế Mỹ có hiệu suất cao nhất thế giới, theo Max Weber, là vì văn hóa Tin Lành của nước Mỹ chứa đựng sẵn những giá trị của chủ nghĩa tư bản. Văn hóa chi phối kinh tế. "Tinh thần tư bản" từ đó trở nên một động lực và là khuôn mẫu cho truyền thống chính trị cánh tả châu Âu.

Ở một mức độ nào đó, các đảng chính trị cánh tả ngày nay đều đã bác bỏ nền kinh tế tập trung và chấp nhận kinh tế thị trường tự do. Các đảng lao động và dân chủ xã hội trở nên đa nguyên cả về xã hội lẫn ý thức hệ. Quốc tế xã hội chủ nghĩa, một tổ chức toàn cầu của các đảng lao động và dân chủ xã hội, ngày nay trở thành nơi hội tụ của những đảng cấp tiến mà cương lĩnh của họ xác định "con đường thứ ba" giữa chủ nghĩa bảo thủ cực hữu và chủ nghĩa xã hội của Mác. Trên thực tế, đây là sự Mỹ hóa các đảng phái chính trị cánh tả châu Âu bị thống trị bởi các trường phái xã hội chủ nghĩa suốt trong hơn một thế kỷ qua. Sự "lột xác" của các đảng chính trị châu Âu phản ánh sự chuyển tiếp về các cơ cấu kinh tế và giai cấp tương tự như đã xảy ra ở Mỹ. Cùng với sự phát triển kinh tế, khoảng cách và sự mâu thuẫn giữa các giai cấp trong xã hội từ những di sản của chế độ quân chủ và phong kiến không còn là vấn đề của thực tiễn chính trị nữa. Công đoàn, cơ sở nền tảng của các đảng cánh tả, ngày càng suy yếu. Các đảng này ngày nay chú trọng nhiều hơn đến tầng lớp trung lưu hơn là giai cấp vô sản lao động ngày càng giảm về số lượng.

Những thay đổi trong mối quan hệ chính trị và giai cấp của xã hội công nghiệp phát triển có thể được phân tích trong khuôn khổ của một chủ nghĩa Mác-phi-chính-trị : chấp nhận luận điểm cho rằng hạ tầng cơ sở kinh tế và kỹ thuật chi phối thượng tầng kiến trúc văn hóa và chính trị, nhưng bác bỏ luận điểm cho rằng chủ nghĩa xã hội sẽ thay thế chủ nghĩa tư bản. Alain Touraine, nhà xã hội học hàng đầu của Pháp và là một trí thức thiên tả, nhận xét : *"Nếu tài sản là tiêu chuẩn để xác định thành phần giai cấp thống trị cũ thì kiến thức và trình độ giáo dục là tiêu chuẩn cho giai cấp thống trị mới"*.

## **Dân Chủ Xã Hội Mới**

Học thuyết "Con đường thứ ba" được thủ tướng Anh Tony Blair tóm lược như sau trong cuộc gặp gỡ giữa các nhà dân chủ xã hội châu Âu với Bill Clinton tại New York tháng 9-1998 :

"Về kinh tế, chúng tôi không chủ trương chính sách buông thả (*laissez-faire*) cũng không chủ trương kinh tế tập trung. Vai trò của chính quyền là bảo đảm sự ổn vững của kinh tế vĩ mô, xây dựng một chính sách thuế và an sinh xã hội nhằm khuyến khích sự độc lập kinh tế cho người dân và các cơ sở doanh nghiệp tư nhân... Chúng tôi tự hào đã có được sự ủng hộ của giới lãnh đạo doanh nghiệp cũng như của công đoàn... Trong chính sách phúc lợi xã hội và nghề nghiệp, "Con đường thứ ba" có nghĩa là đổi mới chính sách trợ cấp thành phương tiện tái hội nhập lực lượng lao động nơi có thể được..." (Nói cách khác trợ cấp chỉ có mục đích giúp người thất nghiệp tìm lại công ăn việc làm).

Tony Blair và đảng Lao Động của ông đã thắng một cách ngoạn mục trong cuộc bầu cử năm 1997 sau khi đã thắng thắn đoạn tuyệt với những giá trị lịch sử của tư tưởng quyền sở hữu công cộng của nó. Tony Blair đã nhiều lần khẳng định sự đồng thuận của ông với Bill Clinton về thị trường tự do và về một chính quyền nhẹ. Theo ông, kỷ nguyên của những chính quyền nặng nề đã qua. Đảng Lao Động được tái cấu trúc theo một khuôn mẫu mới của một đảng phi xã hội chủ nghĩa, không còn cam kết liên hệ với công đoàn, một đảng "Lao Động Mới". Ông kêu gọi lãnh đạo công đoàn hợp tác với giới doanh nghiệp để đẩy mạnh khả năng cạnh tranh của kinh tế Anh Quốc. Đáng chú ý hơn nữa là lời khuyên của Tony Blair với các tổ chức lao động trong một bài báo trên tờ *Người Lãnh Đạo Mới* năm 1994, trong đó ông nhấn mạnh rằng vì quyền lợi nó, công đoàn không nên chỉ ủng hộ cho một đảng chính trị nào. Peter Mendelson, lý thuyết gia của Blair, khẳng định rằng đảng Lao Động của ông ngày nay là đảng của tư bản thị trường. Tưởng cũng nên nhớ lại rằng đây là một đảng được sinh ra và nuôi dưỡng bởi công đoàn trong suốt lịch sử của nó.

Sự chuyển tiếp theo khuôn mẫu "con đường thứ ba" lặp đi lặp lại ở nhiều đảng chính trị cánh tả châu Âu khác. Đảng Dân Chủ Xã Hội Đức, đảng Mác-xít già nua nhất thế giới, đã từ bỏ chủ nghĩa Mác từ năm 1959 tại đại hội Bad Godesberg. Và trong suốt mấy thập niên qua, những nhà lãnh đạo dân chủ xã hội Đức - từ Helmut Schmidt đến Rudolph Scharping, Gerhard Schroder - theo đuổi một chính sách chú trọng đến thị trường tự do, giới hạn ảnh hưởng của chính quyền trong sinh hoạt kinh tế, giảm thuế, cải cách an sinh xã hội để khuyến khích trách nhiệm cá nhân. Trong thập niên 1980, chính quyền của đảng Lao Động Úc và Tân Tây Lan cũng bắt đầu chính sách giảm thuế, cởi trói những ràng buộc trong quản lý kinh tế, và tư hữu hóa, hoặc giải thể, nhiều lãnh vực của công ty quốc doanh. Thủ tướng Tân Tây Lan, ông David Lange, đã có lần phát biểu: "*Những người dân chủ xã hội phải chấp nhận thực tiễn không công bằng về kinh tế vì nó là động lực để thúc đẩy sự phát triển...*". Đảng Dân Chủ Xã Hội Thụy Điển cũng đã lật ngược định hướng gia tăng tiền lương, tăng thuế thu nhập, hệ thống phúc lợi do nhà nước bảo trợ để bắt đầu thực hiện những chính sách tư hữu hóa. Ở Tây Ban Nha, thủ tướng Felipe González đã lột xác đảng Xã Hội của ông ta - một đảng Mác-xít từ sau thời Franco - trở thành một ủng hộ viên của chính sách tư hữu hóa, kinh tế

thị trường, và NATO.

Có lẽ Pháp là một ngoại lệ. Nếu tinh thần chống lại nhà nước độc tôn là tinh thần phổ quát của văn hóa chính trị Mỹ thì việc tôn vinh quyền lực của nhà nước là điểm then chốt trong văn hóa chính trị Pháp, cánh tả lẫn cánh hữu. Truyền thống này bắt nguồn từ thời quân chủ, cách mạng, và đế quốc. Người ta không ngạc nhiên khi đảng Xã Hội Pháp đã thắng trong cuộc bầu cử 1997 với những hứa hẹn bảo vệ hệ thống phúc lợi xã hội đang khánh tận và một chính sách tạo công ăn việc làm do nhà nước bảo trợ. Tuy nhiên, trong một cuộc phỏng vấn trên báo *Le Nouvel Observateur*, Lionel Jospin, lãnh tụ đảng Xã Hội, cho biết ông ủng hộ chính sách kinh tế tân quyền và khuyến khích sáng kiến cá nhân. Ông nhấn mạnh đến việc Pháp cần phải mô phỏng nền kinh tế Mỹ. Theo tờ *Kinh Tế*, Jospin cho rằng Pháp "*có thể học được nhiều điều từ sự năng động của nền kinh tế Mỹ, từ sức sống của sáng tạo và nghiên cứu, từ tin thần cạnh tranh và khả năng thay đổi...*".

Cùng lúc, các quốc gia châu Âu đạt đến một mức độ thịnh vượng mới, nhận ra rằng họ càng giống Mỹ hơn với một xã hội mà lần ranh giai cấp mờ nhạt. Và theo ngôn ngữ của Mác, Mỹ đã cho họ thấy hình ảnh tương lai của họ. Ngày nay, các đảng cấp tiến phi xã hội chủ nghĩa châu Âu đang cố gắng để biến chủ nghĩa tư bản trở nên nhân bản hơn, hữu hiệu hơn.

## Bình Cũ, Rượu Mới

Tất cả những biến chuyển trên không nhằm để gợi ý rằng lần ranh chính trị của các nền dân chủ hiện đại, bắt nguồn từ Cách Mạng Pháp trên băng tần chính trị tả và hữu, đã biến mất. Dân chủ hay cộng hòa, dân chủ xã hội hay bảo thủ vẫn còn là những lựa chọn của thừng phiếu, mặc dù những nền tảng ý thức hệ chính thống của chúng đã thay đổi. Sự phân chia theo tầng lớp xã hội không còn là tương quan chính đối với vị trí tả hay hữu của các đảng phái trên băng tần chính trị quốc gia. Những vấn đề như đạo đức, phá thai, giá trị gia đình, dân quyền, bình đẳng giới tính, đa văn hóa, di dân, chính sách ngoại giao, v.v. đã đẩy những cá nhân và tổ chức chính trị vào những lộ trình khác nhau, độc lập với vị trí kinh tế xã hội của họ. Phần lớn những vấn đề này thuộc phạm trù xã hội, tôn giáo và giáo dục chứ không phải chính trị.

Ý nghĩa của tả và hữu đang thay đổi. Các đảng cánh tả, như đã thấy, mặc dù vẫn tự nhận là dân chủ xã hội hay xã hội chủ nghĩa nhưng càng lúc càng giống khuynh hướng chính trị cấp tiến Mỹ: cổ xúy những vấn đề như môi trường, quyền phụ nữ và người đồng tính luyến ái, quyền của thiểu số, tự do văn hóa, cũng như giới hạn quyền của nhà nước. Các đảng cánh hữu cũng di chuyển sang trung tâm của băng tần chính trị, nhấn mạnh đến tự do và trách nhiệm cá nhân. Với một sự phân chia đa chiều như thế, ngày nay rất khó để có thể vẽ một lần ranh chính trị giữa các trường phái tả và hữu. Và chắc chắn, tả-hữu không còn được định nghĩa trong không gian của chủ nghĩa xã hội-chủ nghĩa tư bản như trước nữa.

Trần Trung Việt (Philadelphia)

# TÌNH HÌNH NGƯỜI VIỆT VÀ QUAN HỆ VIỆT- NHẬT

Đỗ Thông Minh

## Những người Việt đầu tiên tới Nhật Bản

Người Việt đầu tiên tới Nhật là một vị sư đi tham dự lễ lạc thành (khai mạc) tượng Phật ở chùa Todaiji (Đông Đại Tự) ở cố đô Nara (Nại Lương) vào năm 752.

Năm 1695, có 9 người Việt ở Hội An đi làm phu dịch ở Gia Định, thuyền gặp bão và sóng gió trôi dạt sang tận miền nam Nhật Bản. Họ được người Nhật giúp đỡ và gửi theo thuyền Trung Hoa về nước.

Tuy nhiên, có lẽ công chúa người Việt đầu tiên đến định cư ở Nhật Bản. Bà đã được chúa Nguyễn Phúc Nguyên gả cho một thương nhân Nhật Bản tên Shotairo Araki (Hoàng Mộc Tôn Thái Lang) đến Việt Nam vào năm 1620, để buôn bán tại Phố Hiến, Hội An, tỉnh Quảng Nam. Sau đó bà theo chồng về Nagasaki (Trường Kỳ) sinh sống, với tên Nhật là Anio. Không có ghi nhận về cuộc sống của bà, nhưng khi chết năm 1643, nghe nói mộ được cất quay về phương Nam để hướng về cố quốc.

## Du học sinh và người Việt ở Nhật

Có nhiều đợt người Việt đến Nhật, nhưng đáng kể nhất là các đợt du học sinh. Có thể chia làm ba đợt như sau :

- Du học sinh Việt Nam thế hệ thứ 1 khoảng 200 người, do cụ Phan Bội Châu... đưa đi năm 1905-1909. Nên đối với người Việt thì tháng 4-2005 sẽ có ý nghĩa rất lớn, vì đó là thời điểm đánh dấu 100 năm cụ Phan Bội Châu, Tăng Bạt Hổ, Đặng Tử Kính... là các nhà cách mạng lừng danh Việt Nam tới Nhật. Các cụ là những người Việt đầu tiên tự lặn lội tới Nhật vào hạ tuần tháng 4-1905. Tiếp tục là các cụ Tây Hồ Phan Châu Trinh và Kỳ Ngoại Hầu Cường Để qua năm 1906, cụ Nguyễn Thượng Hiền qua Nhật năm 1907... Những người qua Nhật đợt này phải trốn lánh Pháp đi lén, có một số người còn rất nhỏ, mới khoảng 13, 14 tuổi. Sau đó năm 1909, cụ Phan Bội Châu, Cường Để và các sinh viên bị trục xuất, chỉ có một số ít trốn ở lại. Cụ Phan Bội Châu là nhà cách mạng bôn ba cả đời cho đến khi bị Pháp bắt cóc ở Hàng Châu đưa về Việt Nam năm 1925, bị kết án tử hình tại Hà Nội, nhưng trước sự phản đối mạnh mẽ của dư luận đồng bào, nhà cầm quyền Pháp chỉ đem về Huế an trí và cụ mất tại đây năm 1940. Dự trù một số tổ chức Việt và Nhật sẽ có những sinh hoạt đặc biệt vào dịp này trong năm 2005.

- Du học sinh thế hệ thứ 2 là những người đi từ khoảng thập niên 1940 đến 1975, tổng cộng có khoảng 850 người, là thế hệ chúng tôi đang hiện diện ở đây, đa số đi tự túc với chuyển ngân, khoảng non 100 người được lãnh học bổng. Hiện ở Nhật còn khoảng 140 người, có khoảng 15 người đã về Việt Nam luôn và 15 người về làm việc thường xuyên, còn đa số đi nước thứ 3. Với các cựu sinh viên, chúng tôi thường hay gọi nhau là "ex-ryu", một từ nửa Anh, nửa Nhật ("ex" là cựu và "ryu" là viết tắt của "ryugakusei" tức *Yufu*, lưu học sinh).

- Du học sinh thế hệ thứ 3 từ khoảng đầu thập niên 1990,

cho tới năm 2004 có khoảng 1.000 người, đã có khoảng 100 người về nước. Đa số được học bổng của chính phủ Nhật Bản hoặc Việt Nam, nhưng cũng có khoảng 100 người đi tự túc do gia đình bảo lãnh chứ không có chuyển ngân, tất cả đều phải đi làm thêm để trang trải các chi phí, phần lớn là tại các tiệm ăn Việt Nam hay đôi khi làm thông dịch, phiên dịch... Tuy nhiên, nếu sau năm học Nhật ngữ, sinh viên đậu vào Đại Học hay Cao Học thì được học bổng của chính phủ Nhật hay các tài đoàn khoảng từ 50.000 đến 100.000 Yen. Đặc biệt, ngày nay, sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể ở lại thực tập hay đi làm, sau khi ở Nhật 10 năm và đi làm 5 năm thì có thể xin định cư ở Nhật.

Hiện nay có khoảng 20.000 người Việt ở Nhật, gồm khoảng 6.000 người tỵ nạn, 4.000 người đi đoàn tụ, 1.000 sinh viên... và từ năm 1991 có nhiều người đi diện lao động, được gọi là "nghiên cứu sinh" trong từ 1 đến 3 năm, nay con số đó khoảng 7.000-8.000 người, nhưng có hơn 40% đã bỏ hăng đầu tiên trốn đi làm hăng khác và trở thành người sống bất hợp pháp...

## Thương mại, tiệm ăn và tạp hóa

Nói chung, người Nhật cảm thấy dễ gần gũi với người Việt, họ thích món ăn Việt, thích tính cởi mở, vui tươi của người Việt. Còn người Việt thích tinh thần làm việc nghiêm chỉnh của người Nhật, hàng hóa Nhật. Năm 2003 có khoảng 270.000 người Nhật tới Việt Nam (từ 1-1-2004 miễn chiếu khán cho người Nhật du lịch trong hai tuần), trong khi đó, có khoảng vài trăm người Việt tới Nhật. Ngoại thương giữa hai nước mỗi năm tổng cộng khoảng 5 tỷ đô la. Mỗi năm Nhật Bản viện trợ Việt Nam khoảng 900 triệu tới 1 tỷ đô la.

Trước năm 1975, hầu như chỉ có 2 tiệm ăn của bà Vương Tuyết Định ở Okubo (nay đã đóng cửa) và Sài Gòn Café của ông Nguyễn Văn Ngân (qua năm 1943) ở Yurakucho. Năm 2004, số tiệm ăn thuần túy Việt Nam trên toàn quốc, từ Hokkaido tới Okinawa ước khoảng 100 tiệm, nếu kể cả các tiệm ăn Á Châu và tiệm cà phê có bán thức ăn Việt Nam thì lên khoảng 300 tiệm. Đó là chưa kể các hệ thống tiệm ăn như Shiraki với khoảng hơn 700 tiệm hay các Đê-pa-tô... thỉnh thoảng cũng có món ăn Việt Nam. Đặc biệt là có khoảng hơn 80% những tiệm ăn Việt nhưng do người Nhật làm chủ. Người Nhật rất thích món ăn Việt Nam, phụ nữ Nhật còn thích cả áo dài, tạp hóa... có thể nói phụ nữ Nhật mặc áo dài nhiều nhất sau phụ nữ Việt. Ở Nhật cũng có khoảng 20 tiệm chuyên về tạp hóa, thủ công nghệ Việt Nam, nếu kể cả các tiệm tạp hóa Á Châu có bán hàng Việt Nam thì lên tới khoảng 150 tiệm. Đa số cũng do người Nhật làm chủ.

Nay người Nhật đã mở khoảng 100 tiệm ăn, tiệm tạp hóa... ở Việt Nam. Đường Lê Thánh Tôn ở Sài Gòn tập trung khoảng 20 tiệm Nhật, được coi là "Little Tokyo".

Đỗ Thông Minh (Tokyo)

# Sử dụng Internet ở Việt Nam : thực tế và hi vọng

Hiện nay, *Internet* được biết đến như một phương tiện hữu dụng và tiện lợi nhất của loài người để đáp ứng nhu cầu thông tin. Việt Nam có khoảng bốn triệu thuê bao, chủ yếu tập trung ở hai thành phố lớn là Sài Gòn và Hà Nội.

Trong thời đại khoa học, kỹ thuật phát triển, *Internet* là một giải pháp hữu ích, cơ hội để tuyên truyền và vận động cho dân chủ ở Việt Nam. Nhà nước cộng sản tìm mọi cách để độc quyền thông tin, bưng bít sự thật, cấm đoán và tìm mọi cách ngăn cản những người sử dụng *Internet* tiếp cận với thông tin chính trị đa dạng, tự do. Bằng phương tiện kỹ thuật và bạo lực họ đã đạt được phần nào mục đích.

Chính quyền cộng sản muốn bưng bít kiểm soát tất cả những nội dung của các trang *web* trên mạng *Internet*. Nhà nước đã dùng công cụ phần mềm để cấm đoán các thông tin trên mạng *Internet* không có lợi cho chế độ độc tài chuyên chính của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Biện pháp này nhằm ngăn chặn những trang *web* và thông tin phản động, đồi trụy trên mạng. Thật ra mục đích thật sự của chính quyền cộng sản là ngăn chặn những thông tin và tin tức liên quan đến dân chủ, nhân quyền tại Việt Nam.

Ở trong nước, các *website* chính trị và báo chí của cộng đồng người Việt hải ngoại như [www.thongluan.org](http://www.thongluan.org), [www.danchimviet.com](http://www.danchimviet.com), [www.lephai.com](http://www.lephai.com), [www.danchu.net](http://www.danchu.net), [www.conong.com](http://www.conong.com), [www.ykien.net](http://www.ykien.net), [www.vietbao.com](http://www.vietbao.com), v.v.. đều bị bức tường lửa (*firewall*) ngăn chặn.

Thời gian vừa qua, nhiều dịch vụ *Internet* bị phạt, hoặc đóng cửa vì bị phát hiện có khách hàng truy cập những địa chỉ bị coi là "phản động" hoặc đồi trụy. Nhưng điều đáng ngạc nhiên nhất là những trang *web* đồi trụy vẫn được thanh niên Việt Nam truy cập sôi nổi và công khai ở các dịch vụ *Internet* công cộng. Hiện tượng này tăng nhanh đến mức báo động khiến nhiều tờ báo trong nước phải lên tiếng (*Tuổi Trẻ*, *Thanh Niên*, [www.tintucvietnam.com](http://www.tintucvietnam.com)...). Điều này chắc chắn ảnh hưởng nghiêm trọng đến lối sống, văn hóa của thế hệ trẻ. Còn nghiêm trọng hơn so với các trang *web* "phản động" của "các thế lực thù địch".

Bản thân tác giả là một người truy cập *Internet* thường xuyên, cũng nhận thấy rằng các trang *web* dâm dục và đồi trụy được khách hàng trẻ, cả nam lẫn nữ, truy cập một cách thoải mái trước "thanh thiên, bạch nhật", bên cạnh biết bao khách hàng nghiêm túc. Nhiều dịch vụ *Internet* còn cài đặt sẵn những phim khiêu dâm để câu khách. Gõ vào những *website* đồi trụy, được đề cập trên báo *Tuổi Trẻ*, như [www.quanl](http://www.quanl) ; [www.doct](http://www.doct) ; [www.gailoa](http://www.gailoa)... rất hiếm khi bị *firewall* ngăn chặn, ai cũng có thể dễ dàng vào thẳng được.

Hiện nay, chính quyền cộng sản còn phát minh thêm loại "mini firewall", được sử dụng ngay tại dịch vụ *net* để khống chế bất cứ trang *web* nào muốn. Do đó những người còn quan tâm đến đất nước rất khó tiếp cận với những thông tin dân chủ. Ngược lại, những *website* đồi trụy lại có khả năng "miễn dịch" trước sự ngăn cản của nhà nước để "tiếp cận" và phá hoại tâm hồn thế hệ trẻ Việt Nam.

Theo một thống kê tác giả có được (từ các báo *Bà Rịa*, *Vũng Tàu*, *Phụ Nữ Việt Nam*, *Người Lao Động*) thì 80% người sử dụng *Internet* ở các dịch vụ chỉ đơn thuần cho mục đích truy cập bậy bạ, chat, email, và 70% số người dùng chat, email để nói chuyện... ấy. Thật là báo động !

Một câu hỏi đang được đặt ra là : "*chế quyền cộng sản hiện nay đang thực hiện một chính sách ngu dân, làm hư hỏng thế hệ trẻ ?*". Việc đóng cửa những dịch vụ *Internet* bị phát giác có người đã truy cập các *website* vận động dân chủ (thời gian qua có hơn 65 dịch vụ *Internet* bị đóng cửa ở Sài Gòn). Ở Hà Nội, chính quyền địa phương còn lập ra một đơn vị cảnh sát đặc biệt chuyên điều tra và ngăn chặn sự phổ biến trên *net* những tài liệu bị coi là có hại, họ còn lập cả một trung tâm phần mềm khổng lồ để quản lý *firewall*, và cài đặt những *mini firewall* tại mỗi dịch vụ. Như vậy tất cả mọi thông tin đều phải qua con đường độc đạo do nhà nước kiểm soát nhằm khống chế và bóp nghẹt khát vọng tìm kiếm tự do và sự thật.

Việc bỏ tù những thanh niên Việt Nam ưu tú và dũng cảm, còn tâm huyết với đất nước (rất là hiếm hoi trong số những người sử dụng *Internet* ở Việt Nam), như Chí Quang, Hồng Sơn, Vũ Bình, là do sự cáo buộc của dịch vụ *Internet*. Điều này cho thấy sự quá đỗi vô lý trong hành động của chính quyền, họ đang đề phòng và lo sợ trước sự lớn mạnh của các phương tiện truyền thông tự do (*Internet*) và trước những người biết dùng phương tiện này, như một biện pháp tiếp cận dân chủ, ngày càng nhiều lên.

*Internet* bắt đầu mở ra ở Việt Nam vào cuối thập niên 1990 và ngày càng phát triển. Trong một tương lai không xa, những người như Quang, Sơn, Bình đang tạo cho chúng ta một hi vọng vào cuộc cách mạng có tên rất lạ (nhưng không phải là không thể) : "Cách mạng tư tưởng từ truyền thông đại chúng".

Chính người viết bài này cũng có một cuộc cách mạng tư tưởng khi tiếp cận được với thông tin tự do từ *Internet*. Từ cách mạng tư tưởng đến cách mạng dân chủ - khai tử chế độ độc tài, đổi thay số phận quốc gia, thăng hoa dân tộc, mang lại tự do và hạnh phúc cho mỗi người - khoảng cách không có bao nhiêu.

Việt Nam nhất thiết và chắc chắn phải có một cuộc cách mạng dân chủ. Cuộc cách mạng này đòi hỏi phải có một đảng dân chủ thật lớn và mạnh để làm người dẫn đường. Muốn được như vậy, trước hết, phải cần thật nhiều người đồng thuận với nhau về lý tưởng, về thực tế đất nước và sẵn sàng dẫn thân cho cuộc cách mạng đó. Nói tóm lại, chúng ta cần có một cuộc cách mạng tư tưởng trước !

Tuổi trẻ Việt Nam là lực lượng quyết định cho cuộc cách mạng vĩ đại đó, trong đó *Internet* là một loại vũ khí vô song để thực hiện những mục tiêu cao thượng hơn là chỉ nhằm giải quyết những nhu cầu sinh lý tầm thường.

Sài Gòn, ngày 22 tháng 10 năm 2004

Vũ Dương



Tản mạn

## VUA . . . LÌ !

Trước 1975, dân miền Nam gọi ông Nguyễn Văn Thiệu là "tông-tông...lì" (ù lì và lì lợm) vì ông thường im lặng, bất động (để câu giờ hoặc chờ sự việc tự giải quyết) trước những tình trạng khủng hoảng chính trị quân sự hiểm nghèo ; những mũi tiến công nóng bỏng, sôi sục của dư luận, nhất là những sự chống đối hay đòi hỏi hữu lý.

Ai có ngờ đâu rằng cấp lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam đã bắt chước cái "lì" này. Từ ngày đất nước thống nhất, đảng âm thầm nối gót vị tổng thống thù địch và phải công nhận rằng đảng xuất sắc hơn, nay đã vào bậc...vua!

Đối diện với làn sóng phản nộ trước mọi nỗi bất công, tàn bạo, độc đoán, sai trái, mà trào lưu đổi mới và dân chủ hóa làm nổi bật lên, sự im lìm là thông thường. Phải bị thôi thúc lắm mới có một đôi lời chối tội, giải thích quanh co ; hay một biện pháp đáp ứng cục bộ, tùy hứng (và tùy tiện). Tiếp theo (nhiều, rất nhiều năm sau), có thể là đôi ba hành động dàn xếp, bồi đắp thâm lén, muộn màng, không đặt tiêu chuẩn rõ rệt và luôn ở mức độ bất cập, cho nạn nhân (lẽ tẻ, không đồng đều cho tất cả). Cử chỉ bù trừ hoàn toàn không thích đáng với những khổ đau thiệt hại vật chất. Không xứng hợp với vết thương tinh thần hầu hết nạn nhân đã oan ức gánh chịu, với những cảnh gia đình tan vỡ cách ly ; con cái thất học, sống vất vưởng bên lề xã hội ; và thời gian sung mãn trí tuệ đã bị thui chột, uống phí bởi cô lập, giam giữ, đày ải.

Vụ tai tiếng "T4" nổ bùng mấy tháng gần đây chứng tỏ lần thứ xxx (không đếm xuể, vì không ai rõ số vụ khiếu kiện không giải quyết trong 30 năm nếu gom lại cân nặng bao nhiêu tấn) cái nếp lì lợm đã hằn sâu vào tâm thức và hành xử của kẻ nắm giữ quyền lực. Chức càng to thì da mặt càng dày, mánh khoe và thủ đoạn "lì" (đặc biệt lúc tranh thủ hay bám giữ «ghế») càng táo tợn và tinh vi.

Theo lá thư thứ hai của thượng tướng Nguyễn Nam Khánh (*Thông Luận*, số 185, tháng 10-2004), Bộ Chính trị đã dấn dúi xử lý nội bộ vụ T4 (để khỏi khui ra đến chánh phạm, sợ làm văng bần tùm lum chứ sao !). Qua lời tường thuật của tướng Nam Khánh, ông Phan Diễm, ủy viên và thường trực Bộ Chính trị, tuyên bố rằng bốn "thủ phạm" sẽ bị xử tù vài năm. Đương nhiên đó là những "con dê tế thần", cấp thừa hành khi trước dư luận chưa nghe tên tuổi, kẻ theo đuôi voi mà thôi. Chỉ huy trực tiếp của họ là Đặng Vũ Chính (nguyên tổng cục trưởng Tổng Cục II-TC2) và Nguyễn Chí Vịnh (con rể, phụ tá mới lên thay thế) bị ngưng chức (Đặng Vũ Chính đã về hưu, làm sao "ngưng chức" nhỉ ?) ; nhưng chưa có thông tin gì khác về sự trừng phạt theo luật pháp và đảng qui. Thực sự chủ mưu ai cũng biết là Lê Đức Anh (nguyên chủ tịch nước) với phe cánh như Trần Đức Lương, Nguyễn Khoa Điềm, v.v. còn trụ, chưa bị đụng tới. Lý lịch mù mờ của Lê Đức Anh được biện giải là khó truy cập. Thêm nữa, nếu xem xét đến tư cách đảng viên và sai phạm chỉ huy quá khứ của vị "thượng hoàng" thì Bộ Chính trị (tự coi là quyền lực tối thượng, trên Trung ương

đảng, trên quốc hội, trên cả hiến pháp và luật lệ) e rằng chỉ gây "phức tạp nội bộ" (nguyên văn lời ông Phan Diễm)!

Vụ T4 có gốc và phải gộp vào vụ Năm Châu-Sáu Sứ từ trước đại hội 6 ; hồ sơ lần lượt đun đậy qua các đại hội 7-8-9 (bốn nhiệm kỳ), nay đã đến đại hội 10 ; xem chừng rất có thể chìm xuống (rơi mất tằm vào "hố đen" - *black hole* - của đảng sủ) nếu ông Võ Nguyên Giáp và những cựu chiến binh ủng hộ ông không đòi hỏi được biện pháp xử lý công khai và dứt khoát. Chính ra phải gọi hồ sơ này là vụ "Lê Đức Anh và phe nhóm". Toàn hồ sơ gồm có : a/ kế hoạch vu cáo chụp mũ CIA do TC2 với "nội tuyến T4" bịa đặt ; cộng với ngược dòng thời gian : b/ vụ Năm Châu Sáu Sứ ; c/ vụ Siem Reap (chiếm đóng Căm-pu-chia) ; d/ hồ sơ lý lịch và tư cách đảng viên của Lê Đức Anh ; không kể e-g-h.../ các hồ sơ những lạm, bê bối, của đầu sỏ và tay chân. Phương thức "lì" áp dụng để xử lý, theo tình hình trước mắt là chờ thời gian (lưỡi hái của tử thần, vô tư với cả thủ phạm hay nạn nhân) triệt tiêu hộ những cái gai nhức nhối ghim sâu trong cơ thể mà lãnh đạo không có dũng khí mổ xẻ để chữa trị.

Vua đã thế, cận thần thì sao ?

Niên học 2004-2005, Bộ Giáo dục ấn định khai trường hôm mùng 5 tháng 9 dương lịch vừa qua. Khi giáo chức và phụ huynh kinh ngạc, xôn xao chất vấn : có nhầm lẫn hay không mà nhập học chủ nhật, thì bà thứ trưởng (tên họ không đáng ghi lại) dõng dạc tuyên bố : mùng 5 là ngày khai giảng các học khóa trước, vậy đây chỉ là nối tiếp thông lệ hàng năm mà thôi ! Trẻ em toàn quốc theo chỉ thị của bà thứ trưởng (tất nhiên đã có ủy nhiệm toàn quyền của bộ trưởng), a-lê hấp, chủ nhật tới trường rầm rập. Giáo chức và phụ huynh đành chấp hành lệnh tuy xì xâm bất phục (vả chẳng, họ có thể làm gì hơn mà không mắc đại tội phản động phá hoại, sẽ mất việc, con cái thì bị đuổi ra khỏi trường, v.v. ?).

Tác phong lì, ngoan cố không thừa nhận sai sót ngay cả trong sự việc nho nhỏ của bà thứ trưởng giáo dục, và biện pháp xử lý nửa đời nửa đoạn của Bộ Chính trị trong vụ vi phạm hệ trọng, phải chăng đồng xuất phát từ một phản ứng có điều kiện mà chế độ làm nảy sinh và nuôi dưỡng đến khi trở thành đường lối hành xử nền tảng ? Cho nên ông Võ Nguyên Giáp - người chắc chắn có đóng góp không nhiều thì ít vào truyền thống "lì, ngoan cố" của đảng, của giai cấp thượng đỉnh - cùng những cựu chiến binh, những đảng viên ủng hộ ông, nay gặp rào cản vô hình đó ngăn chống sự giải đáp trọn vẹn, âu cũng là lẽ thường.

Giả thử ông Võ Nguyên Giáp đạt mục tiêu, hiệu quả cuộc phản kháng cũng không đủ để sửa chữa, cải thiện đảng có mô hình cộng sản Đệ Tam Quốc Tế ; một công cuộc "đội đá vá trời" từng là mộng tưởng bất thành của nhiều người "cộng sản lương thiện" tiền bối có tầm vóc như Ignazio Silone (Ý), Milovan Djilas (Nam-Tư). Thực đáng tiếc cho nỗ lực cuối đời của ông (với sự tham gia của ông Nguyễn Nam Khánh và nhiều cựu chiến sĩ), còn ở ngoài lề tiến trình tranh đấu dân chủ hóa và xây dựng tương lai Việt Nam đến như thế.

**Nghiêm Văn Thạch (Paris)**

## B. Sự quan tâm của người Việt hải ngoại đối với văn hóa Việt Nam

Lê Văn Hào

### Thời đại hôm nay : kỷ nguyên toàn cầu hóa truyền thông

Chúng ta đang sống trong một thời đại kỳ diệu của lịch sử văn hóa, văn minh loài người : kỷ nguyên toàn cầu hóa truyền thông. Nhờ máy bay phản lực, fax, email, internet, giây nói viễn liên, truyền hình qua vệ tinh... người ta chỉ cần đôi ngày, vài giờ, vài phút, thậm chí vài giây để liên lạc với nhau qua lời nói, hình ảnh. Thế giới bây giờ trở nên bé nhỏ như một cái làng hay cái chợ, chúng ta trở nên gần nhau trong gang tấc.

Nhờ phép mầu toàn cầu hóa truyền thông ấy, chúng ta biết, trong cộng đồng Việt Nam hải ngoại đông đến ba triệu người sống trên hơn 50 nước khắp năm châu, có rất nhiều người sống xa quê hương mà vẫn gắn bó, quan tâm đến đất nước và văn hóa Việt Nam mình. Từ Bắc Mỹ, Tây Âu, qua Đông Á, đến tận nước Nga, nước Úc xa xôi, có những Nguyễn Khắc Kham, Kim Định, Nguyễn Thuyết Phong, Lê Văn Lân, Vĩnh Sính, những Thụy Khuê, Nguyễn Thị Chân Quỳnh, Thái Kim Lan, Đinh Trọng Hiếu, Thái Văn Kiểm, Hoàng Linh, Nguyễn Tiến Hữu, Nguyễn Văn Huy, Bùi Tín, Nguyễn Minh Cần, Nguyễn Hưng Quốc, Đỗ Thông Minh và hàng trăm tên tuổi khác kể sao cho xiết, đã nồng nhiệt nói, viết về Việt Nam.

Do khả năng tiếp thu có giới hạn trước biển truyền thông mênh mông, nếu được phép làm một chọn lựa chủ quan, xin gợi tả cô đọng sau đây vài gương mặt giữa vô vàn các gương mặt văn hóa, nghệ thuật đáng quý đang yêu trong cộng đồng hải ngoại thân thương của chúng ta.

### Người bạn đường uyên bác của những Lý Thường Kiệt, Phan Huy Ích, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du... trên dặm dài văn hóa sử

Hoàng Xuân Hãn (1908-1996), ra đời tại Hà Tĩnh, mất tại Pháp, là nhà khoa học, nhà giáo đã từng dạy tại Trường đại học khoa học Hà Nội trước khi tham gia nội các Trần Trọng Kim (1945), rồi tham dự hội nghị Đà Lạt (1946). Chiến tranh bùng nổ (12-1946), ông vĩnh viễn giã từ chính trị chuyển sang nghiên cứu Việt Nam học cho đến cuối đời.

Từ giữa đến cuối thế kỷ trước ông đã đóng góp cho khoa học nhân văn Việt Nam nhiều trước tác quan trọng được in đi in lại nhiều lần : *Danh Từ Khoa Học* (1942), *Lý Thường Kiệt*, *Lịch Sử Ngoại Giao và Tôn Giáo triều Lý* (1949-1950), v.v.

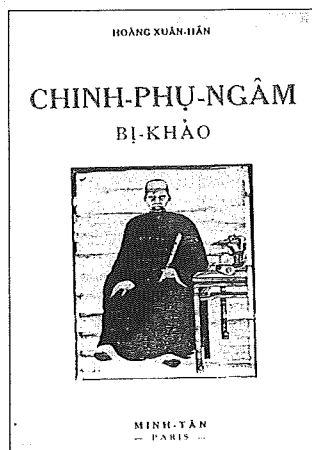
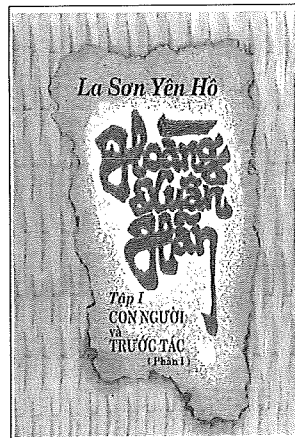
Từ 1951 ông sang định cư tại Pháp, tiếp tục cho ra đời nhiều công trình nghiên cứu sử học, văn học, Hán Nôm học, lịch pháp học... được xem là mẫu mực : *La Sơn Phu Tử* (1952), *Chinh Phụ Ngâm bị khảo* (1953), *Văn Nôm và chữ Nôm đời Trần-Lê* (1978-1980), *Lịch và Lịch Việt Nam* (1982), v.v.

Kiệt tác cuối cùng mà ông dành 50 năm để hoàn thiện (1946-1996) là *Kiều tâm nguyên* (chưa xuất bản).

Muốn hiểu biết thêm về nhà bác học này, xin tham khảo hai cuốn sách : *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn* (Hữu Ngọc và Nguyễn Đức Hiền biên soạn, ba tập, nhà xuất bản Giáo Dục, Hà Nội, 1998, 4.152 trang) và *Nói chuyện với Hoàng Xuân Hãn và Tạ Trọng Hiệp* (Thụy Khuê thực hiện, 2002, 378 trang, đã được phát trên sóng của đài RFI).

Trong tập I của bộ *La Sơn Yên Hồ...* người ta chú ý đến 300 trang đầu vì có giới thiệu nhiều ảnh và nhất là lời chứng của gần 60 người đã vinh danh Hoàng Xuân Hãn, trong đó có nhiều tên tuổi của khoa học nhân văn Việt Nam trong và ngoài nước. Bộ sách giúp chúng ta tìm thấy, hay tìm lại hầu hết những công trình được xem là "mẫu mực", "cổ điển" liên quan đến Lý Thường Kiệt, Quang Trung, Nguyễn Thiếp, Đặng Trần Côn, Phan Huy Ích, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du... qua nhiều sử liệu, văn liệu quý hiếm mà Hoàng Xuân Hãn đã để cả một đời để phát hiện, tập hợp, chất chiu bảo trọng cho một nền văn hóa lâu đời đã bị tàn phá, cướp bóc, mất mát quá nhiều!

Nhờ những bài phỏng vấn xác thực của Thụy Khuê về *Hoàng Xuân Hãn chứng nhân lịch sử, về Bước đường nghiên cứu...*, về phương pháp khoa học ứng dụng vào nghiên cứu Hán Nôm, *Truyện Kiều...* chúng ta có được hình ảnh khả ái, gần gũi của nhà văn hóa, bậc hiền nhân, một biểu tượng khó quên của chủ nghĩa nhân văn và đạo làm người Việt Nam.



## Người dẫn đường thành thạo cho những cuộc hành trình vào các nền văn minh thế giới và các nền văn hóa của Việt Nam

Nhà giáo dục học Lê Thành Khôi, sinh năm 1923 tại Hà Nội, là cố vấn của UNESCO và giáo sư danh dự tại Đại học Sorbonne Paris về hai môn học : *Giáo dục so sánh, Giáo dục và phát triển*. Tác giả của hơn 40 công trình viết riêng và viết chung, ông vừa chú ý đến giáo dục trong các nền văn minh trên thế giới vừa rất quan tâm đến các nền văn hóa của Việt Nam. Bốn trước tác quan trọng nhất của ông có lẽ là : *Education et Civilisations* ("Giáo dục và các nền văn minh", do UNESCO bảo trợ, hai tập, Paris, 1995, 2001, 1.438 trang) ;

*Voyage dans les cultures du Vietnam* ("Hành trình vào các nền văn hóa của Việt Nam", Paris 2001, 224 trang, với hơn 140 ảnh của tác giả) ; *Histoire de la Littérature du Vietnam* ("Lịch sử văn học Việt Nam", bản thảo đã hoàn thành) ; *Histoire des Arts du Vietnam* ("Lịch sử các nền mỹ thuật của Việt Nam", đang soạn).

Xin nói đến trước tác mà chúng tôi tâm đắc nhất : "Hành trình vào các nền văn hóa của Việt Nam". Bằng những ảnh thật đẹp mà tác giả đã chụp tại Việt Nam, Lê Thành Khôi đích thị là người dẫn đường thành thạo đưa chúng ta vào giữa lòng văn hóa của hơn 50 sắc tộc đã góp phần tạo ra một nền văn hóa Việt Nam lâu đời và đa dạng trong một cuộc hành trình kỳ thú gồm năm chặng đường :

- Chặng 1 là "Đất và Nước", ngợi ca vẻ đẹp Việt Nam khi hùng vĩ, khi trữ tình, từ chòm Lũng Cú tới mũi Cà Mau, sau đó là chuyến đi vượt thời gian từ thuở vua Hùng dựng nước đến thời "xây dựng xã hội chủ nghĩa" và "đổi mới" hiện nay (xin chú ý : các dấu ngoặc kép là của chính tác giả).

- Chặng 2 là "Các sắc dân và các vùng, miền", dành kể về con người đa số và thiểu số ở miền Bắc (gồm các rẻo cao và vùng trung du, đồng bằng vùng châu thổ các sông lớn (Hồng, Thái Bình, Mã, Lam), ở miền Trung (các vùng Thanh Nghệ, các đồng bằng duyên hải từ người Chăm qua tay người Việt, vùng cao nguyên) cho tới Nam bộ. Ở chặng này cảm động nhất là lúc người dẫn đường nồng nhiệt giới thiệu người Chăm và văn hóa Chăm một thời vang bóng.

- Chặng 3 dành cho "Con người, gia đình và xã hội", nói nhiều về người Việt ; người dẫn đường đã nhấn mạnh sự khác nhau giữa văn hóa Việt Nam và văn hóa Trung Quốc thể hiện rõ nhất qua sự tôn trọng người phụ nữ trong xã hội Việt Nam xưa nay.

- Chặng 4 giới thiệu "Tiếng Việt, văn học viết của người Việt, văn học truyền miệng của các sắc dân

thiểu số". Lê Thành Khôi không tiếc lời ca tụng vẻ đẹp ít được biết tới của các nền văn học đã nở hoa trên rẻo cao, vùng trung du và cao nguyên, hay văn học Chăm ở đồng bằng ven biển Nam Trung bộ, văn học Khmer Nam bộ ở đồng sông Cửu Long.

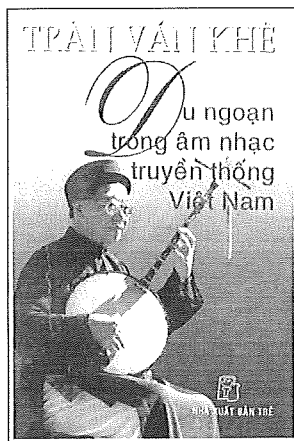
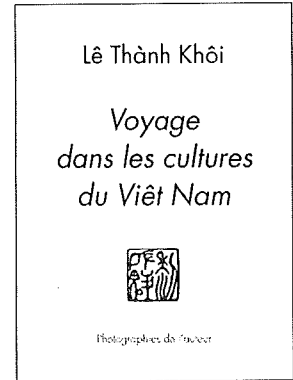
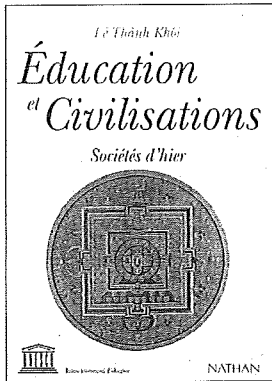
- Chặng 5 và cuối cùng của cuộc hành trình giới thiệu rất công phu về "Một nghệ thuật sống nghèo" (*Un art de vivre pauvre*), thể hiện qua ngôi nhà và ngôi vườn (nhà-vườn), quan niệm về sức khỏe và chăm sóc sức khỏe theo y học cổ truyền từ Tuệ Tĩnh đến Lãn Ông, nghệ thuật uống chè (trà), nghệ thuật ăn : khi tinh tế phức hợp, khi giản dị đạm bạc mà luôn luôn ngon lành, hấp dẫn vì nhiều dạng vẻ ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn, Nam Trung bộ, Nam bộ, miền núi, miền xuôi ; âm nhạc và kịch nghệ truyền thống, lễ hội đình đền chùa, du ngoạn hang động, v.v. Nói tóm lại, nghệ thuật sống gọi là *nghèo* ấy thực sự chỉ nghèo ở vẻ bên ngoài, tinh hoa bên trong của nó là sống không phô trương tốn kém mà thiên về bình dị, tế nhị, hài hòa giữa người với thiên nhiên, giữa người với nhau, đượm ít nhiều hương vị thanh đạm, thanh bản, vương vấn một chút kiêu ước thiên vị, một chút phóng khoáng Lão Trang, chuông trừ tình và nhân ái, luôn luôn lạc quan và gắn bó với đời, bất chấp khó nghèo ba chìm bảy nổi...

Nay mai bộ lịch sử văn học Việt Nam và bộ lịch sử các nền mỹ thuật Việt Nam mà giáo sư đang hoàn thành sẽ chào đời để cho cuộc hành trình văn hóa đã bắt đầu xuôi chèo mát mái sẽ kết thúc trọn vẹn như những mối tình đẹp.

## Trí nhớ của thế kỷ, nhà văn hóa khởi hành từ phương Tây để đi xuyên âm nhạc Việt Nam và âm nhạc phương Đông

Nhiều người cho nhà nghiên cứu và giảng dạy âm nhạc Trần Văn Khê là trí nhớ của thế kỷ 20 vì giáo sư là tác giả của nhiều tập hồi ký (đã ra 5 tập) ghi lại ngồn ngộn biết bao sự kiện liên quan đến một đời người, trải ra từ những năm 1920 của thế kỷ trước đến đầu thế kỷ này. Trước khi nói rõ thêm về bộ hồi ký độc đáo ấy, thử xét xem tại sao Trần Văn Khê được coi là nhà văn hóa đi xuyên âm nhạc Việt Nam và âm nhạc phương Đông.

Chuyên gia lớn về cổ nhạc Việt Nam này đã được nhiều người trong và ngoài nước biết đến. Tác phẩm đầu tiên của ông là *La Musique vietnamienne traditionnelle* ("Âm nhạc Việt Nam truyền thống", Paris, 1962, 384 trang). Và trước tác mới đây nhất là *Du ngoạn trong truyền thống âm nhạc Việt Nam* (Sài Gòn, 2004, 475 trang). Những cuộc nói chuyện về âm





nhạc Việt, những lần giáo sư xuất hiện trên đài phát thanh hay vô tuyến truyền hình đều được hoan nghênh. Có một điều hấp dẫn là năm 1987, *La Revue Musicale* ("Tập chí Âm Nhạc", xuất bản tại Paris) đã dành ba số gộp một (402, 403, 404) cho chủ đề "Trần Văn Khê và Việt Nam", qua 7 bài : *Con đường nghiên cứu dân tộc nhạc học* (tự truyện) ; *Khái quát về âm nhạc Việt Nam* ; *Phân tích một bài hát*

*Quan họ* (bài "Mời giầu") ; *Sử dụng máy sonographe để nghiên cứu tiết tấu* ; *Cương vị xã hội của nhạc sĩ truyền thống ở châu Á* ; *Tiếng tới soạn thảo một lịch sử âm nhạc thế giới* (do Trần Văn Khê viết) và một *Thư mục Trần Văn Khê* (1959-1987) liệt kê đến 180 công trình lớn nhỏ của nhà dân tộc nhạc học : sách, bài báo, bài điểm sách, bài viết cho Bách khoa toàn thư (Pháp, Anh, Mỹ, Ý...) liên quan đến không chỉ âm nhạc Việt Nam truyền thống mà đến âm nhạc của hầu hết các nước phương Đông (Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Mông Cổ, Ba Tư, các nước Á Rập...), liên quan đến cả kịch nghệ truyền thống Việt Nam và châu Á. Thư mục này đã được bổ sung thêm bằng một *Thư mục Trần Văn Khê* (1988-2004) với không dưới 50 công trình lớn nhỏ nữa, theo sự theo dõi của chúng tôi.

Những năm gần đây nhà xuất bản Trẻ ở Sài Gòn đã phối hợp với công ty văn hóa Phương Nam công bố nhiều trước tác của Trần Văn Khê mà quan trọng và lý thú nhất là bộ "Hồi Ký" nhiều tập : Tập I : *Ươm mầm trở nư*, 2001 (304 trang) ; Tập II : *Đất khách quê người*, 2001 (288 trang) ; Tập III : *Bôn ba bốn biển năm châu*, 2001 (500 trang) ; Tập IV : *Một gánh nhạc, Một cuộc đời*, 2002 (432 trang) ; Tập V : *Đãi cát tìm vàng*, 2002 (412 trang).

Qua 5 tập hồi ký, điều kinh ngạc đầu tiên là trí nhớ chính xác, sâu rộng của một con người đã vượt xa tuổi "xưa nay hiếm" mà vẫn nhiệt tình ôn lại cho người đời nay và đời sau hàng trăm sự kiện lớn nhỏ, chung riêng, hàng mấy trăm chi tiết sống động, tỉ mỉ liên quan đến rất nhiều cuộc hành trình của một nhà văn hóa đã đi qua bao nhiêu nước, tiếp xúc với bao nhiêu dân tộc để giới thiệu âm nhạc Việt, mà khi nhớ lại, kể lại vẫn sống động tưởng chừng như sự việc mới xảy ra hôm qua. Đáng khâm phục là sự uyên bác của một trí tuệ quan tâm đến nhiều lãnh vực của khoa học nhân văn vượt ra ngoài thế giới âm nhạc vốn đã là một vũ trụ kỳ diệu ở bề rộng lẫn chiều sâu. Đáng quý mến là sự cao thượng của một tấm lòng "trong mọi việc làm thì không vì danh hay vì lợi mà chỉ vì tình, tình đối với người thân, với dân tộc và rộng hơn nữa là với nhân loại".

Qua hồi ký có thể thấy vị giáo sư viện sĩ đã có những đóng góp lớn lao vào việc nghiên cứu giảng dạy, giới thiệu rộng rãi âm nhạc truyền thống của Việt Nam và của cả phương Đông ra khắp thế giới.

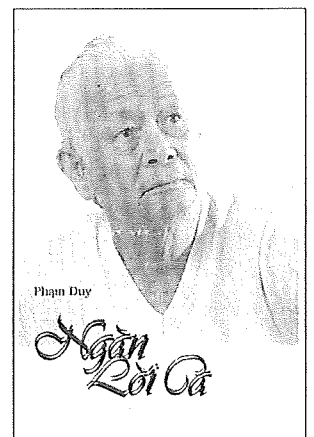
"Sống chỉ vì tình" như ông nói, "sống chỉ vì nhạc" như ông làm, con người này thật đáng vinh danh. Đã có nhiều tôn giáo, giáo phái lớn nhỏ cho người ta chọn theo để gửi gắm đức tin và hy vọng. Nếu có một tôn giáo nữa gọi là đạo Nhạc, thì Trần Văn Khê, vì tình văn hóa, tình dân tộc, tình người, là vị *sứ giả đã và đang mãi mê đi truyền đạo Nhạc*.

### Người nghệ sĩ hát rong thiên tài đã dâng Mẹ Việt Nam "Ngàn lời ca", đã tặng đồng bào và đồng loại bản giao hưởng *Hồng nhan bạc mệnh*

Mười năm gần đây, nhạc sĩ Phạm Duy quý mến của chúng ta đã dành nhiều thì giờ để viết văn. Qua bốn tập "Hồi Ký" (1990-2000), chúng ta thấy Phạm Duy trước hết và chủ yếu là một nghệ sĩ hát rong. Anh đã rong ruổi trên con Đường Cái Quan Xuyên Việt, đi từ Kháng chiến khắc khổ về Thành thị tự do, đi từ Hà Nội tới Sài Gòn, rồi "Về Miền Trung", đi từ Paris đèo sách năm xưa đến Thị trấn Giữa đường ngày nay trên quê hương mới của "Bầy chim bồ xứ", rồi tiếp tục đi rong khắp Bắc Mỹ qua Tây Âu đến tận châu Á gần gũi và châu Úc xa xôi để hát "Ngàn lời ca" dâng "Mẹ Việt Nam". Đến gần cuối đời người nghệ sĩ hát rong vĩ đại vẫn chưa ngừng nghỉ vì anh còn muốn tặng cho đồng bào và đồng loại một tổ khúc "Bầy chim bồ xứ" đầy hứa hẹn về một ngày bầy chim hồi xứ, rồi lại muốn minh họa "Truyện Kiều", không phải "phóng tác" như anh khiêm tốn nói mà thực chất là dựa trên thơ Nguyễn Du để sáng tạo cả một bản giao hưởng hoành tráng vinh danh một kiếp hồng nhan đã làm thổn thức biết bao tâm hồn Việt Nam từ 200 năm nay.

Trong "Ngàn lời ca" mà Phạm Duy đã sáng tác để dâng tặng cho đời, lời ca nào cũng đẹp để nhưng đáng nhớ nhất từ đây đến mãi mãi có lẽ là khúc tình ca "Tôi yêu tiếng nước tôi"... (1953), trường ca "Con đường Cái Quan" (1960) được thăng hoa thành nhạc hòa tấu "Con đường Cái Quan" (1991), trường ca "Mẹ Việt Nam" (1964), tổ khúc "Bầy chim bồ xứ" (1985), "Truyện Kiều minh họa" (1997...) và cũng rất đáng kể là bộ "Hồi Ký" (1990-2000) 4 tập.

Từ người nghệ sĩ hát rong trên con đường Cái Quan của Việt Nam, rồi trên vạn nẻo đường của hành tinh chúng ta, Phạm Duy đã trở thành nhạc sĩ lớn, toàn diện nhất của Việt Nam. Trong hơn 50 năm qua, anh đã sáng tạo được ba huyền thoại, cũng là ba hình tượng rất cổ và rất mới mà xiết bao gần gũi với tâm hồn Việt Nam. Là người đầu tiên đã thu nhận và khai thác sâu sắc dân ca và nhạc cổ truyền để sáng tác tân nhạc, Phạm Duy cũng tiếp thu được tinh hoa của nhạc phương Tây để sáng tạo ba hình tượng : Tình yêu, Người mẹ, Quê hương-Tổ



quốc. Gần đây, Phạm Duy còn đưa ra hai hình tượng lớn khác : Người Việt xa xứ và Người phụ nữ bạc mệnh (Kiều).

Nam Chi đã viết rất đúng : "*Phạm Duy là người làm nhạc tình nhiều nhất và hay nhất. Ở Văn Cao chỉ có mơ mộng xa xôi, ở Trịnh Công Sơn, Đoàn Chuẩn-Từ Linh chỉ có dịu dàng mà không có tình yêu cụ thể. Phạm Duy đi từ tình yêu ngây thơ mơ mộng đến tình lãng mạn đắm say, từ lý tưởng đến xác thịt. [...] Từ lúc "Tìm nhau", "Cho nhau" đến lúc "Nghìn trùng xa cách"...*".

Huyền thoại Mẹ của Phạm Duy thật tuyệt vời, từ "Bà Mẹ Gio Linh" đến Mẹ Tổ Quốc vĩ đại đã gợi hứng cho Phạm Duy kiệt tác "Việt Nam Việt Nam" xứng đáng được chọn làm quốc ca vì nó thấm đượm tình người hơn hẳn "Đoàn quân Việt Nam đi...".

Bản tình ca "Tôi yêu tiếng nước tôi" cùng với hai bản trường ca "Con đường Cái quan" và "Mẹ Việt Nam" tuy dài ngắn khác nhau nhưng gộp lại đã trở thành lời ca ngợi quê hương tổ quốc đẹp đẽ nhất : người nghệ sĩ hát rong năm xưa đi Từ miền Bắc, Qua miền Trung, Vào miền Nam, đi trên Đất Mẹ, trèo qua Núi Mẹ, chèo chống trên Sông Mẹ, Biển Mẹ, cuối cùng thấy được một Mẹ Việt Nam sáng ngời đã "đem vào sông núi" ước vọng "tự do, công bình, bác ái muôn đời" là những điều mà người Việt Nam có lẽ chưa bao giờ có !

Sống tại nước ngoài vì khát vọng tự do, Phạm Duy đã cống hiến thêm vào kho tàng âm nhạc Việt Nam hai kiệt tác mới. *Bầy chim bồ xứ* mượn hình tượng chim Việt Nam để nói về thân phận con người xa xứ và niềm tin hồi xứ đang nung nấu tâm can hàng triệu sinh linh trong cộng đồng hải ngoại hôm nay : 37 người viết, kể cả Phạm Duy người viết Lời vào đề của tổ khúc *Bầy chim bồ xứ* do Lời Vàng xuất bản tại Hoa Kỳ (1991) đã nói lên nỗi đau và niềm tin ấy để nâng nét nhạc lời ca bay bổng :

*Mây trời này, mây trời không tím ngắt*

*Con hoàng khuyên không ngừng hát chiêm bao !*

Còn *Truyện Kiều minh họa* có lẽ là bản giao hưởng tuyệt hảo cuối đời mà Phạm Duy đặc ý nhất. Mấy năm qua anh đã đi khắp Bắc Mỹ, Tây Âu, rồi Á, Úc để giới thiệu nó với tinh thần sáng khoái tối đa : "*Tôi không đủ tài sức để phổ nhạc trên ba nghìn câu thơ tuyệt vời của thi hào Nguyễn Du đâu. Tôi chỉ đưa ra bốn bức minh họa, có nghĩa là chỉ làm tăng thêm vẻ đẹp sẵn có của thi phẩm làm cho câu thơ có thêm màu sắc [...]. Chúng tôi (Phạm Duy và Duy*

*Cường) dùng giai điệu và hòa điệu để mô tả cái cánh đồng cỏ non của ngày xuân... hay tả nỗi buồn của nàng Kiều trước lầu Ngưng Bích..."*.

Duy Cường đã về Việt Nam lấy mẫu âm thanh của hầu hết các nhạc cụ dân tộc để minh họa *Truyện Kiều*. Các giọng hát trữ tình của Ái Vân, Thái Hiền, Thái Thảo, đỉnh đặc của Duy Quang, Tuấn Ngọc..., giọng ngâm truyền

cảm của Thanh Ngoan làm cho *Truyện Kiều minh họa* của Phạm Duy (Duy Cường hòa âm phối khí) đi nhẹ mà sâu vào mọi tâm hồn đã dành sẵn mối tình đồng điệu cho má hồng mệnh bạc.

Bộ *Hồi Ký* của Phạm Duy [3 tập đầu : *Thời thơ ấu, Thời vào đời* (1990), *Thời cách mạng kháng chiến* (1989), *Thời phân chia quốc-cộng* (1991) đã được xuất bản ; tập cuối : *Thời hải ngoại* (2000) đã được đưa lên

mạng Internet] và đã được đón tiếp nồng nhiệt. Nó gián tiếp trả lời sự phê phán đầy ác ý trước và sau 1975 của những Nguyễn Trọng Văn, Trần Bạch Đằng... Đồ tể văn nghệ thời nào chẳng có, nhưng chỉ có những người bạn như Tạ Tỵ (*Phạm Duy còn đó nỗi buồn*) hay Trần Văn Khê (*Thư gửi Phạm Duy*, 1992) mới hiểu Phạm Duy.

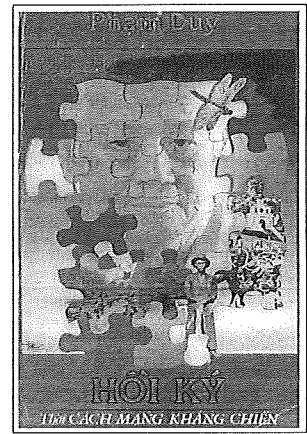
Qua *Hồi Ký* tám mươi năm của một đời người, chúng ta có chân dung chân thực của nhiều Phạm Duy : người nghệ sĩ hát rong, người nhạc sĩ kháng chiến, người công dân thời đất nước bị chia cắt, người bạn của nhiều nghệ sĩ tài hoa ở phía bên này hay bên kia, người tạm rời quê hương đi tìm tự do và nhân phẩm... *Hồi Ký* cho thấy bên cạnh ca sĩ - nhạc sĩ - nhà thơ Phạm Duy có một nhà văn, một thư ký của thời đại đã cung cấp cho ta nhiều tư liệu sống động từ thời thuộc địa đến thời phân chia quốc-cộng, một Phạm Duy không hận thù, không mặc cảm, bằng một văn phong trong sáng duyên dáng, khi tế nhị, khi bộc trực, khi hóm hỉnh hài hước, đã thiết tha kể lại những nỗi niềm buồn vui của một kiếp người gắn bó với bao thăng trầm của đất nước.

Với bộ *Hồi Ký* tuyệt tác này, Phạm Duy, người viết nên nhiều tình khúc tuyệt vời, đã sáng tạo thêm một áng tình ca nữa - chứ không phải chỉ là một áng văn tự sự dài hơi - ngợi ca người Việt, đất Việt, tâm hồn Việt, văn hóa Việt vĩnh hằng.

**Nhà tư tưởng chính trị "nghĩ lại đất nước trên ngưỡng cửa một thế kỷ mới và một thiên niên kỷ mới" để mời gọi "Tổ Quốc Ăn Năn" hay gợi nỗi niềm người Việt ăn hận ?**

Đầu năm 2001 tại Paris xuất hiện một tác phẩm chính luận 600 trang với nhan đề lạ lẫm "*Tổ Quốc Ăn Năn, nghĩ lại đất nước trên ngưỡng cửa một thế kỷ và một thiên niên kỷ mới*". Sách bán chạy và đã hết sau vài tháng. Vào giữa hè 2004, sách đã được in lại, đẹp hơn với bổ túc và sửa chữa. Tác giả là Nguyễn Gia Kiểng, một cây bút quen thuộc của *Thông Luận*, nguyệt san thông tin nghị luận của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên.

*Tổ Quốc Ăn Năn* đáng chú ý, trước hết vì nó đã phá một số kỷ lục về số lượng bình luận, có nhiều đồng thuận và những phản bác. Ví dụ vào giữa năm 2004 này, nhà phê





bình Nguyễn Thị Sông Hương (Canada) đã dành 200 trang sách để phê phán *Yếu tính phá sản trong Tổ Quốc Ăn Năn của Nguyễn Gia Kiểng* (Đại Nam phát hành, California, Hoa Kỳ).

Nhiều nhà dân chủ, trí thức, học giả, văn nghệ sĩ có tên tuổi trong và ngoài nước đã có ý kiến về cuốn sách chính luận gây tranh cãi sôi nổi nhất trong ba năm qua ở cả trong lẫn ngoài nước. Vài ví dụ :

Trần Độ : "[...] *Một cuộc phản biện to lớn và toàn diện*".

Tôn Thất Thiện : "[...] *Một cuộc tái xét toàn bộ, bao gồm suốt dòng lịch sử Việt Nam. Đây là một lối tiếp cận mới, rất hiệu nghiệm* [...]"

Nguyễn Vũ Bình : "[...] *Một khối lượng kiến thức khổng lồ, những triết lý thực tiễn sâu sắc, văn phong trong sáng, khúc chiết thể hiện trong toàn bộ tác phẩm*".

Vương Hữu Bột : "[...] *Có lẽ nửa thế kỷ nay tôi mới nghe có người Việt Nam viết đến hai chữ Tổ Quốc, đến tình yêu nước, với tấm lòng thiết tha, chân thành như Nguyễn Gia Kiểng*".

Đọc đi đọc lại *Tổ Quốc Ăn Năn*, tôi đồng ý hoàn toàn với những đánh giá trên đây và cũng chấp thuận gần như toàn bộ nội dung của tác phẩm trong tầm hiểu biết của tôi khi tác giả nói về *Đất nước và Con người, Đoạn đường đã qua* (quá khứ lịch sử), *Vì đâu nên nổi* (tình hình hiện tại), *Vài trang bị cho tương lai* (một chương trình kiến tạo lại đất nước), *Vươn mình lớn dậy* ("Gởi vào giấc mộng nhân ra cuộc đời").

Qua *Tổ Quốc Ăn Năn*, tôi cùng một lúc tiếp xúc với một nhà văn, một nhà văn hóa và một nhà tư tưởng. Nhiều người đã đánh giá cao văn phong của *Tổ Quốc Ăn Năn*.

Nhà văn Nguyễn Gia Kiểng đã làm người đọc nhỏ lệ khi anh nói đến những tình bạn bị trắng hay gởi tả nỗi niềm của người cha mất con, của người tù oan uổng...

Chắc tác giả đã tham khảo một khối lượng rất lớn sách báo Việt Nam bên cạnh các tài liệu quốc tế cập nhật hóa để thực sự hoàn thành *một cuốn sách của hy vọng và niềm tin, một tác phẩm sáng suốt và lạc quan, không khoan nhượng mà cũng không quá khích*.

Nhà văn hóa Nguyễn Gia Kiểng đã làm một việc lớn và khó, rất mới lạ : *duyet lại di sản của đất nước, di sản của văn hóa dân tộc*. Và việc này đã gây ra nhiều sóng gió trong mấy năm gần đây. Có phải là Nguyễn Gia Kiểng đã nói lên được nhiều chân lý không hiển nhiên, nhiều nghịch lý mới lạ hay nhiều điều xằng bậy có "yếu tính phá sản"? Cuộc tranh luận chắc còn dài. Chúng ta hãy thận trọng và tỉnh táo để trao đổi ý kiến với nhau như những con người văn minh.

Nhà tư tưởng chính trị Nguyễn Gia Kiểng, qua *Tổ Quốc Ăn Năn* đã cố gắng đặt lại một số vấn đề lịch sử liên quan đến vua chúa, kẻ sĩ, nhà Nho thời xưa, đã triệt để phê

phán hai chủ thuyết đã và đang ảnh hưởng ghê gớm đến đất nước, lịch sử, con người và văn hóa Việt xưa nay : Nho giáo và chủ nghĩa cộng sản, đã nêu ra được những cái khác nhau và nhất là những cái rất giống nhau giữa hai chủ thuyết. Có những khẳng định nghiêm trọng có thể làm cho người ta ngạc nhiên hay đau lòng. Ví dụ : "*Các nước phương Tây vượt trội bởi vì văn hóa của họ lành mạnh, tâm lý của họ đúng đắn. Nước Việt Nam đau khổ và nghèo nàn bởi vì văn hóa Việt Nam thui chột và tâm lý người Việt Nam bệnh hoạn*" (tr. III). Để phê bình, phê phán *Tổ Quốc Ăn Năn* và rất nhiều vấn đề nó đặt ra chắc phải có nhiều thì giờ, nhiều suy nghĩ, thậm chí nhiều nghiên cứu nghiêm túc chứ không thể vội vã, bồng bột, qua loa, giản đơn.

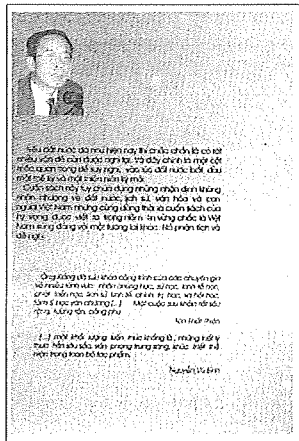
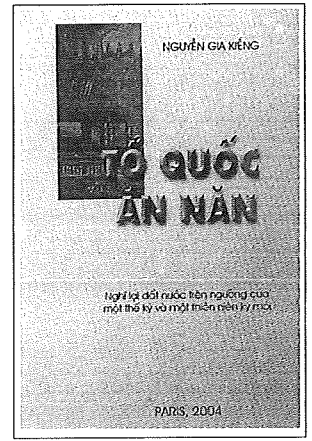
Riêng tôi, sau khi thưởng thức giá trị của *Tổ Quốc Ăn Năn*, tôi thấy có một đôi điều cần trao đổi với tác giả. Ví dụ anh có nói "*văn hóa Việt Nam thui chột và tâm lý người Việt Nam bệnh hoạn*", tôi e ngại rằng đó là một sự khái quát hóa quá vội vã chăng ? Theo tôi nghĩ, văn hóa ở Việt Nam ngày nay dưới chế độ hiện hành có thể là một văn hóa thui chột, do độc tài chính trị lẫn độc tài văn hóa gắn liền với một ý thức hệ thui chột, còn văn hóa Việt Nam cổ truyền và cả một bộ phận văn hóa Việt Nam hiện đại ở trong nước và ngoài nước chắc chắn là không thui chột hay nghèo nàn như có người có thể lầm tưởng. Văn hóa Việt Nam có thể nghèo nàn về tư tưởng nhưng chắc không nghèo nàn về văn học nghệ thuật.

Những trang cuối cùng của *Tổ Quốc Ăn Năn* thật thống thiết và bi tráng : "[...] *Một đảng cầm quyền đã cai trị đất nước một cách thô bạo trong một nửa thế kỷ [...] đã gây vô số tội ác mà không hề gặp một chống đối qui mô nào. Vậy phải nhìn nhận rằng trên thế giới này không tìm ra một dân tộc bạc nhược như vậy*". Đó là một sự thật náo lòng của thảm kịch Việt Nam ngày nay.

Nhưng còn có một sự thật khác : "*Mỗi người Việt Nam phải ăn năn và hối hận [...]. Tổ quốc phải hối hận và ăn năn. Một tổ quốc biết hối hận và ăn năn [...] thì tổ quốc ấy sẽ hồi sinh, sẽ đẹp và mạnh*" ; *chế độ độc tài này sẽ là chế độ độc tài cuối cùng tại Việt Nam [...] Rũ bỏ được nó chúng ta sẽ vĩnh viễn đi vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của tự do dân chủ, kỷ nguyên của những cố gắng chung và của thành công chung*".

Đó cũng là ý kiến của nhà sử học lớn của Pháp, Jean Lacouture. Khi đề tựa cuốn *Mặt Thật* của Bùi Tín, phải chăng ông đã nói lên được một qui luật của đời sống chính trị hiện đại : "*Đối với một dân tộc, tổng khứu bọn ma quỉ nước ngoài để hơn là trừ khứu bọn quỉ sứ trong nước [...] nhưng một khi đã đánh đuổi được bọn ma quỉ thì rồi cũng sẽ chiến thắng bọn quỉ sứ*".

**Lê Văn Hảo (Paris)**





# ĐẢNG VIỆT TÂN PHẢN BÁC BÀI BÁO CỦA NGUYỄN VĂN HUY

*LTS : Sau bài "Giải thể Mặt Trận Hoàng Cơ Minh, ra mắt đảng Việt Tân" của Nguyễn Văn Huy, Việt Nam Canh Tân Cách Mạng Đảng đã gửi đến Ban Lãnh Đạo Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên thư phản bác. Chúng tôi dang nguyện văn dưới đây thư của phát ngôn nhân đảng Việt Tân và thư trả lời của ông Nguyễn Văn Hiệp thay mặt Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên.*

*Ngoài ra Thông Luận cũng nhận được một số phản ứng khác của độc giả, trong đó có những thân hữu và đảng viên Việt Tân. Những thư này được phản ánh trong mục Thư độc giả của số này.*

## Việt Nam Canh Tân Cách Mạng Đảng Văn Phòng Trung Ương

Ngày 11 tháng 10 năm 2004-10-12

Kính gửi quý vị lãnh đạo Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên  
và quý vị điều hành trang nhà Thông Luận

Thưa quý vị,

Dù chưa đồng ý với tất cả mọi quan điểm của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, chúng tôi vẫn quan niệm rằng đây là một tổ chức đấu tranh đứng đắn và có thực tâm hướng về tương lai đất nước. Chính vì quan niệm như vậy mà chúng tôi rất thất vọng khi thấy xuất hiện bài "Giải Thể Mặt Trận Hoàng Cơ Minh, Ra Mắt Đảng Việt Tân" của tác giả Nguyễn Văn Huy trên trang nhà Thông Luận. Nhưng cũng chính vì quan niệm như vậy mà chúng tôi gửi thư này với hy vọng còn có thể trao đổi với quý vị trong vòng tương kính.

Có thể nói ngay rằng kiến thức của tác giả Nguyễn Văn Huy về xã hội Hoa Kỳ quá yếu và để lại nhiều lỗ rất sơ đẳng. Xin chỉ đơn cử một ví dụ là cơ quan cảnh sát liên bang (FBI) không điều tra về thuế, Hoa Kỳ có một cơ quan riêng (IRS) làm việc này ở cấp liên bang. Mọi người dân thường tại Mỹ đều biết điều này. Do đó, về mặt kiến năng, bài viết này không xứng hợp với những bài vở giá trị thường thấy trên trang nhà Thông Luận.

Kể đến bài của tác giả Nguyễn Văn Huy lại càng yếu hơn về mặt phân tích. Nếu chỉ dùng lời đồn đãi để chứng minh các vụ cáo, rồi dùng tiếp vụ cáo này để chứng minh vụ cáo nọ, rồi gom cả lại xem đó là chuyện thực, thì những tờ báo lá cải đều làm được cả và đều dùng cách đó cả. Loại phân tích như vậy thực sự làm giảm giá trị và hạ thấp vị trí đang có của trang nhà Thông Luận trong cộng đồng người Việt hải ngoại.

Điều đáng nói hơn nữa là có những "bằng cứ" mà chính tác giả cũng nhận là không biết thật giả thế nào nhưng ông vẫn đưa vào dẫn chứng, còn các tuyên bố vô tội của những cơ quan thẩm quyền chính phủ và tòa án Hoa Kỳ thì lại không được nhắc tới. Thái độ này biểu lộ một sự hằn thù, cố ý gây hiềm khích. Chúng tôi hy vọng đây không phải là quan điểm của quý vị lãnh đạo Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên.

Tóm lại, chúng tôi cho rằng bài viết của ông Nguyễn

Văn Huy trái ngược hẳn với ý hướng công khai của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, và có hại cho các nỗ lực mở rộng hợp tác giữa các tổ chức đấu tranh nhằm vào mục tiêu chung là đem lại Dân Chủ và Đa Nguyên cho Việt Nam.

Trân trọng,

**Đặng Thanh Chi**

Phát Ngôn Nhân Đảng Việt Tân

Ngày 14 tháng 10 năm 2004

Kính gửi Ban Lãnh Đạo Việt Nam Canh Tân Cách Mạng Đảng,

Thưa quý vị,

Quý vị đã có nhã ý gửi cho chúng tôi thư đề ngày 11-10-2004 để phản bác một số điểm trong bài viết "Giải Thể Mặt Trận Hoàng Cơ Minh, Ra Mắt Đảng Việt Tân" của ông Nguyễn Văn Huy đăng trên Nguyệt San Thông Luận số 185, tháng 10-2004. Chúng tôi xin cảm ơn quý vị và xin phúc đáp như sau :

Nguyệt San Thông Luận tuy là cơ quan ngôn luận của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên nhưng cũng là một tờ báo mà trên đó có thể có những ý kiến khác biệt. Chỉ những bài ký tên Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên hay ký tên một người có ghi rõ là thay mặt Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên mới cần sự thông qua của tổ chức. Chắc quý vị đã từng lưu ý là trên nguyệt san này nhiều khi các chí hữu của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên có những ý kiến khác nhau trên một số vấn đề. Bài báo này của ông Nguyễn Văn Huy nằm trong tinh thần đó.

Là một người viết báo, ông Nguyễn Văn Huy đã viết về một sự kiện mà ông cho là đang được chú ý. Đó là một sự quan tâm đứng đắn và xây dựng ; một thái độ khác là bỏ qua, coi như không có gì xảy ra. Ông Huy đã viết theo những gì ông được biết và với sự suy nghĩ của một người bình luận. Nếu bài báo đó có những gì mà quý vị không đồng ý thì cũng là dịp để quý vị trình bày quan điểm của mình.

Trong tinh thần đó, chúng tôi sẽ yêu cầu báo Thông Luận đăng nguyện văn thư của quý vị để độc giả Thông Luận được biết cả hai quan điểm.

Xin gửi quý vị lời chào trân trọng,

**Nguyễn Văn Hiệp**

Thay mặt Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên

**Kiến thức quá nông cạn**

Là một độc giả của trang nhà Thông Luận trong một vài năm qua và dù tôi còn trẻ dưới 30 tuổi, tôi rất lấy làm ngạc nhiên là tòa soạn đã cho đăng tải bài "Giải thể Mặt Trận Hoàng Cơ Minh và ra mắt Việt Nam Canh Tân Cách Mạng Đảng" của ông Nguyễn Văn Huy.

Đọc những vắn vắn viết của ông Nguyễn Văn Huy, tôi rất lấy làm đáng tiếc cho ông đã có một kiến thức quá nông cạn về quá trình đấu tranh của dân tộc ta và đặc biệt là của những người đã ngã xuống như trong giai đoạn Đông Tiến của Mặt Trận.

Dù còn nhỏ tuổi, nhưng tôi đã theo dõi các tổ chức đấu tranh chống cộng sản như các ông, nhưng các ông chỉ biết nói nhiều, phê phán và mang sự ganh tỵ nhiều hơn là lòng đại đoàn kết dân tộc. Rất mong các ông sớm nhìn thấy được đâu là lẽ phải.

Trọng Nguyễn (Internet)

**Canh Tân và Cách Mạng**

[...] Về nhận định canh tân và cách mạng là hai từ không đi chung với nhau, tôi thấy không xác đáng. Tôi cho là : cách mạng là tinh từ, bổ nghĩa cho danh từ Đảng. Phải hiểu là Đảng này là đảng cách mạng có mong muốn canh tân Việt Nam. Còn cách sử dụng từ theo lối cũ hay mới, thì ta có thể bàn thêm vào một lúc khác. Có những cái cũ, nay mới sử dụng lại đây.

Lâm Ngô (Internet)

**Một danh xưng khá ngộ nghĩnh**

[...] Canh Tân với Cách Mạng là hai danh từ không những không đồng nghĩa mà còn mâu thuẫn với nhau nữa.

Nếu vậy Việt Nam Canh Tân Cách Mạng Đảng là một danh xưng khá ngộ nghĩnh. Ở đâu đó, nó cũng phơi bày những lẩn tránh hay mâu thuẫn trên phương diện tư tưởng của một tổ chức được mang tên như vậy. [...]

Nguyễn Dương (Paris)

**Xúc phạm khiếm nhã**

[...] Ông Nguyễn Văn Huy viết rằng "Mặt Trận Hoàng Cơ Minh ra đời năm 1982 sau nhiều cố gắng kéo dài gần hai năm để kết hợp các tổ chức cựu quân nhân và công chức miền Nam Việt Nam tị nạn ở nước ngoài. Mặt trận này đã khai thác lòng căm thù chế độ cộng sản và sự luyến tiếc chế độ Việt Nam Cộng Hòa của các cựu công chức và quân nhân...". Nếu như lời ông Huy viết là đúng thì làm sao Mặt Trận có thể thu hút nhiều thanh niên sinh viên thời đó, đâu có hận thù gì chế độ, đâu có thuộc thành phần "luyến tiếc VNCH" theo định nghĩa của ông Huy, mà vẫn tham gia ? Mà nếu có tham gia vì lý do hận thù hay luyến tiếc VNCH thì ngày nay (hơn 20 năm sau) lý do nào họ vẫn còn tiếp tục hoạt động trong Việt Tân ? [...]

Ông Nguyễn Văn Huy viết tiếp rằng "Mặt Trận Hoàng Cơ Minh đã từng bị cảnh sát Mỹ (FBI) điều tra vì tội trốn

thuế. Họ cũng bị tai tiếng sau những vụ án mạng mà dư luận gán cho họ dù không thể chứng minh. Điều chắc chắn là họ đã sử dụng những biện pháp xuyên tạc, chụp mũ và bạo hành". Nếu ông Huy đã có nỗ lực tìm hiểu Mặt Trận hay Việt Tân qua các dữ kiện thông tin không bị bóp méo, và bằng chính cái thiện chí và tinh thần khoa học, xứng đáng với một người trí thức, thì không biết kết quả có khác hơn chẳng ? Chỉ nội 3 câu trong đoạn văn vừa nêu đã mang 3 sai lầm cơ bản từ dữ kiện đến lý luận. Tôi ở nước Úc xa xôi nhưng vẫn biết cơ quan FBI của Hoa Kỳ không có trách nhiệm điều tra về thuế. Và khi tòa án miễn tố Mặt Trận về vụ thuế và việc FBI chưa bao giờ truy tố Mặt Trận về bất cứ tội gì thì ông Huy cố tình không nhắc tới ! [...]

Ông Nguyễn Văn Huy cũng viết rằng "Mặt Trận Hoàng Cơ Minh quả nhiên đã tuyên truyền dối trá về huyền thoại "kháng chiến quốc nội" để quyền tiền nhưng cũng đã trả giá sòng phẳng". Trước hết chỉ trong một câu ngắn như vậy mà tác giả đã mâu thuẫn với chính lý luận của mình. Nhưng tệ hơn nữa, sự hy sinh của các chiến hữu lãnh đạo của tổ chức chúng tôi mà ông Nguyễn Văn Huy so sánh bằng tiền và kết luận là trả giá sòng phẳng thì tôi không thể hiểu được những suy nghĩ của ông trong sự xúc phạm khiếm nhã này.

Phạm Phú Đức

(Đảng viên Việt Tân, Melbourne, Úc)

**Ghi chú thêm của Nguyễn Văn Huy :**

Tôi chỉ nói Mặt Trận Hoàng Cơ Minh bị FBI điều tra chứ không nói tới việc truy tố. Đúng là Mặt Trận Hoàng Cơ Minh đã bị sở thuế (IRS) truy tố nhưng sau đó vụ án này được bỏ qua. Việc Mặt Trận Hoàng Cơ Minh bị cảnh sát liên bang Mỹ (FBI) điều tra, về nhiều vụ chứ không riêng việc trốn thuế, là chuyện có thật, báo chí đã phản ánh nhiều lần trong quá khứ. Riêng việc trốn thuế, đương nhiên cơ quan thuế vụ (IRS) là cơ quan đầu tiên điều tra và truy tố sau đó nếu thấy có cơ sở. Mặt Trận Hoàng Cơ Minh đã bị truy tố vào tháng 4-1991, một số người lãnh đạo Mặt Trận đã bị bắt và được tại ngoại sau khi bị giữ lại thông hành, như vậy cơ quan FBI đã có tham dự vì chỉ có họ mới có quyền bắt và giữ lại thông hành.

Tôi không nói tới việc tòa miễn tố Mặt Trận Hoàng Cơ Minh vì hai lý do, một là điều này nhiều người đều đã biết, hai là tôi, cũng như nhiều người khác, đều không rõ lý do của quyết định miễn tố. Tại Mỹ cũng như tại nhiều quốc gia khác, người bị truy tố có thể điều đình nộp phạt để được miễn tố, vì thế miễn tố không chứng tỏ là không có tội. Độc giả cũng lưu ý là tôi chỉ nói tới việc điều tra chứ không hề đề cập tới việc Mặt Trận Hoàng Cơ Minh bị truy tố.

Khi nói tới "trả giá sòng phẳng", tôi chỉ có ý định nói là Mặt Trận tuy đã tạo ra huyền thoại "kháng chiến quốc nội", một điều hoàn toàn không có, để quyền tiền ủng hộ, một sự kiện có thật, nhưng sau đó đã cố gắng biến huyền thoại này thành sự thật và đã trả giá rất đắt. Đây là một sự nhìn nhận có cảm tình chứ không phải là một sự xúc phạm.

Còn về những tai tiếng, tôi xin đưa ra một dữ kiện là trước đây Mặt Trận Hoàng Cơ Minh đã từng kiện hai ông Vũ Ngự Chiêu và Cao Thế Dung ở Mỹ về tội mạ lỵ sau khi hai ông này tố giác công khai Mặt Trận Hoàng Cơ Minh đã dối trá, bạo hành và giết người nhưng tòa đã tha bổng hai bị đơn. Điều này chứng tỏ rằng những tai tiếng về dối trá và bạo hành tuy không thể chứng minh nhưng cũng phần nào có cơ sở vì đã không bị tòa án coi là vu cáo.

## ARAFAT thiên anh hùng ca của sự tuyệt vọng

Yasser Arafat đã từ trần tại Paris ngày 4-11-2004. Từ trần vì từ nay Arafat không còn biết đến thế giới này nữa. Ông chưa chết thực sự vì thể xác vẫn còn duy trì trong tình trạng sống nhân tạo, nhưng bộ óc đã hết hoạt động. Người ta vẫn còn phải duy trì tình trạng này cho đến khi giải quyết xong một số vấn đề, đặc biệt là tìm ra người thay thế ông.

Sinh năm 1929 tại Ai Cập, Yasser Arafat tham gia kháng chiến giải phóng Palestine năm 19 tuổi, thành lập và lãnh đạo tổ chức quân sự Fatah năm 1958, lúc mới 29 tuổi, trở thành chủ tịch Tổ Chức Giải Phóng Palestine (PLO) năm 1969. Vinh quang lên tột đỉnh năm 1974 khi ông đọc diễn văn trước đại hội đồng Liên Hiệp Quốc trong quân phục với khẩu súng ngắn bên hông, trở thành lãnh tụ khủng bố đầu tiên và có lẽ cuối cùng đoạt giải Nobel về hòa bình năm 1994, và sau cùng là chủ tịch chính quyền Palestine năm 1996. Uy tín và thế lực của ông sút giảm một cách rõ rệt từ năm 2001 khi ông tung ra đợt *intifada* (ném đá) chống Do Thái lần thứ hai thay vì chấp nhận giải pháp hòa bình rất thuận lợi mà thủ tướng Do Thái Ehud Barak đề nghị. Có lẽ Arafat đã không thể hành động khác hơn được vì bị các lực lượng cực đoan đe dọa và khống chế. Từ năm 2002, ông bị quân Do Thái phong tỏa trong bản doanh tại Ramallah. Cuối tháng 10-2004, ông lâm bệnh nặng và được chở qua Paris chữa chạy, nhưng đã quá trễ.

Arafat có lẽ là một trong những người được thế giới nói đến nhiều nhất và lâu nhất của thế kỷ 20. Ông có sức cuốn hút đặc biệt. Cuộc đời ông đầy biến động và sóng gió. Từ lúc thành lập tổ chức Fatah, ông đã là đối tượng ám sát thường ngày của vô số tổ chức kháng chiến Palestine khác trong các cuộc thanh toán đẫm máu để giành nhau vai trò lãnh đạo. Cái gọi là Tổ Chức Giải Phóng Palestine (PLO) thật ra gồm hàng trăm nhóm võ trang, chống Do Thái một cách quyết liệt nhưng cũng sẵn sàng tàn sát lẫn nhau một cách dã man để giành quyền chỉ huy PLO. Chính quyền Do Thái cũng coi Arafat là đối thủ nguy hiểm nhất và dồn mọi cố gắng để triệt hạ. Người ta không thể đếm hết những lần mà Arafat bị mưu sát và cũng không thể đếm hết xác các đối thủ mà Arafat giết chết để giành và giữ quyền lực trong tổ chức PLO. Cho đến khi về Palestine làm chủ tịch chính quyền, Arafat không bao giờ dám ngủ hai đêm liền ở cùng một địa điểm. Arafat cũng rất may mắn. Một lần Do Thái cho máy bay chiến đấu được tiếp liệu trên không oanh tạc phá tan tư dinh của ông tại Tunis (thủ đô Tunisia), nhưng Arafat không chết vì không ngủ ở đó đêm ấy. Một lần máy bay của ông bị rớt nhưng Azrafat chỉ bị thương.

Arafat cũng là một nhà chiến lược chính trị lỗi lạc, có tài hùng biện và biết uyển chuyển. Năm 1988, ông tuyên bố từ bỏ mọi hình thức khủng bố và chấp nhận sống chung hòa bình với Do Thái, chuyển sang đấu tranh chính trị. Chủ trương này đã đưa đến kết quả là ông giành lại được một

phần đất Palestine để xây dựng tại đó một quốc gia. Quốc gia này tới nay chưa hình thành được vì Arafat bị suy yếu cả về thể chất lẫn tinh thần (ông mắc bệnh Parkinson). Từ đó ông trở thành con tin của các lực lượng khủng bố quá khích vì bất lực. Ông dần dần mất uy tín và sau cùng bị bỏ rơi. Mặc dù vậy Palestine sẽ không thể tìm được một con người có tầm vóc của Arafat. Sự kế tục ông sẽ rất phức tạp dù ông chỉ còn là một biểu tượng.

Cuộc đời Arafat là cả một thiên anh hùng ca của một cuộc chiến đấu

tuyệt vọng. Không ai có thể phủ nhận sự xuất chúng của Arafat. Có lẽ sai lầm dẫn tới mọi khó khăn khác là ông đã đặt những mục tiêu vượt quá xa những phương tiện mà ông có được. Arafat không sống đủ lâu để nhìn thấy sự ra đời của quốc gia Palestine. Ước vọng cuối cùng của ông là được chôn cất tại thành phố Jerusalem chắc cũng sẽ không được toại nguyện, ít nhất trong một thời gian dài.

Arafat có lẽ là người anh hùng kháng chiến cuối cùng. Ông chết đi, chủ nghĩa lãng mạn bạo lực cũng chết theo.

## FALLUJAH trận đánh quyết định vận mệnh Iraq

Tình hình chiến sự tại Iraq phức tạp đến nỗi người ta không thể biết những gì đã và đang thực sự xảy ra. Điều chắc chắn là tổng thống George W. Bush đã lầm lớn khi tuyên bố hồi tháng 4-2003 là Mỹ và đồng minh đã thắng, phần chính của cuộc chiến đã xong. Thực ra nó mới chỉ bắt đầu. Chế độ Saddam Hussein đã bị đánh gục, nhưng các lực lượng khủng bố Hồi giáo đã thay thế nó với một quyết tâm lớn hơn gấp bội.

"Sa lầy" có thể là một từ chưa đủ để mô tả tình trạng của Hoa Kỳ hiện nay tại Iraq. Trung bình mỗi ngày có khoảng 100 vụ khủng bố đẫm máu. Chính quyền do thủ tướng Allawi cầm đầu hầu như không kiểm soát được gì hết, quân đội tân lập của Iraq vẫn chưa có khả năng chiến đấu và cũng chưa tin tưởng được vì thành phần khủng bố xâm nhập quá nhiều. Khi một người lính Iraq ra khỏi trại lính để về thăm nhà, anh ta không được phép mang theo vũ khí vì anh ta có thể đào ngũ và trao vũ khí cho loạn quân. Nhưng không có vũ khí thì, nếu thực lòng với chính quyền mới, anh ta trở thành mồi ngon cho quân khủng bố. Tháng 7 vừa qua, tướng Hashimi, vừa được bổ nhiệm tổng tham mưu trưởng quân đội Iraq trước đó không lâu, bị cách chức vì tình báo Mỹ khám phá ra là văn phòng của ông chuyển tin cho loạn quân; một thiếu tướng khác bị bắt vì cấu kết với loạn quân. Loạn quân cũng đã thành công trên một điểm quyết định: họ đã gieo kinh hoàng trong dân chúng, làm trí thức, doanh nhân và hầu hết những ai có phương tiện bỏ chạy khỏi Iraq. Những người còn lại, dù có ghét loạn quân, cũng không dám bày tỏ thái độ, đôi khi còn phải miễn cưỡng tiếp tay cho chúng.

Iraq là cuộc chiến đầu tiên trong đó lực lượng khủng bố sử dụng tất cả mọi phương tiện của khủng bố, không bị giới

hạn bởi bất cứ một quan tâm về nhân đạo nào, kèm với một sự dũng cảm điên cuồng chưa bao giờ có. Một trong những đặc điểm của cuộc chiến này là nó cho các chuyên viên quân sự biết hiệu quả tối đa mà chiến thuật khủng bố có thể có.

Nếu Mỹ và đồng minh chưa tuyệt vọng thì chỉ vì họ có một hy vọng : đó là quyết tâm rất cao của thủ tướng Allawi và ê-kíp của ông. Nhóm người này cũng dũng cảm không kém các đám loạn quân và, với hỗ trợ tận tình của Mỹ, cũng lôi kéo được những người quyết tâm xây dựng dân chủ khác. Dần dần họ cũng đã thành lập được một số đơn vị quân đội và cảnh sát tương đối tin tưởng được.

Nhờ hỏa lực của Hoa Kỳ, chính quyền Allawi đã vô hiệu hóa được tổ chức loạn quân Mahdi của giáo sĩ Moqtada Al Sadr, buộc đạo quân này phải hạ vũ khí đầu hàng. Cũng nhờ hỏa lực của Hoa Kỳ, họ cũng đã buộc loạn quân Sunni tập trung vào một số địa điểm, quan trọng nhất là thành phố Fallujah. Tại đây, một trận đánh quyết liệt sẽ xảy ra trong những ngày sắp tới, trong đó lần đầu tiên các tiểu đoàn tân lập của chính quyền Allawi sẽ thực sự tham chiến.

Trận đánh Fallujah có tầm quan trọng quyết định. Nếu chiến thắng, chính quyền Allawi và Hoa Kỳ đã dứt điểm được ổ đề kháng quan trọng nhất còn lại, giáng một đòn tâm lý trên các ổ còn lại và dần dần tiêu diệt chúng. Nếu không Hoa Kỳ sẽ phải nghĩ đến một kế hoạch triệt thoái.

Còn một yếu tố khác mà người ta không thể quên : Hoa Kỳ quá mạnh cho nên có thể thắng bất cứ cuộc chiến nào, sau bất cứ sai lầm nào, nếu có quyết tâm và chấp nhận trả giá cần có. Tổng thống Bush vừa tái đắc cử vẻ vang, ông có phương tiện và cũng đủ quyết tâm.

## **QUAN HỆ PHÁP - VIỆT Chirac chọn lá bài Hà Nội**

Tổng thống Pháp, Jacques Chirac, đã thực hiện một chuyến công du dài nhất trong suốt hai nhiệm kỳ làm tổng thống của ông tại châu Á, từ 5 đến 12-10-2004, chỉ để viếng thăm chính thức Việt Nam và Trung Quốc.

Với Trung Quốc, Chirac chỉ muốn tăng cường chỗ đứng kinh tế và thương mại của Pháp so với trước, vì so với các quốc gia châu Âu khác tại Trung Quốc phần của Pháp trong thị trường này còn quá khiêm nhường (1,4%), tương đương với 4 tỷ USD, đứng hạng 11.

Với Việt Nam, tổng thống Chirac để lộ một ưu ái đặc biệt : ông muốn được nhìn nhận là người trực tiếp dẫn dắt Việt Nam đi vào quỹ đạo tiến bộ. Từ 10 năm qua, Pháp đã tích cực hỗ trợ Việt Nam hội nhập vào cộng đồng thế giới và khu vực, gần đây nhất là giúp Việt Nam tham dự những cuộc hội thảo với Liên Hiệp Châu Âu và hỗ trợ đơn xin gia nhập vào Tổ Chức Mậu Dịch Thế Giới. Pháp cũng đã tích cực ủng hộ Việt Nam trong việc ứng cử vào ghế thành viên không chính thức tại Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc.

Cũng nên biết Pháp là quốc gia phương Tây đầu tư nhiều nhất tại Việt Nam : gần 3 tỷ USD và cũng là quốc

gia cho Việt Nam vay tiền nhiều thứ nhì sau Nhật Bản. Hiện nay có hơn 60 đơn vị hành chính của Pháp từ cấp vùng đến cấp tỉnh, hơn 180 hội đoàn thiện nguyện, hơn 220 trung tâm nghiên cứu và hơn 50 bệnh viện của Pháp đã có những liên hệ trao đổi trực tiếp với những cơ quan chuyên môn của Việt Nam.

Tất cả những cố gắng này không phải tình cờ, Pháp đặt rất nhiều kỳ vọng vào Việt Nam. Trong thế kỷ 21 này, khu vực châu Á - Thái Bình Dương sẽ là trung tâm kinh tế và thương mại lớn nhất thế giới, Pháp bắt buộc phải có mặt trong khu vực này nếu muốn giữ cương vị một cường quốc hàng đầu. Để hiện diện trong vùng này, Pháp chỉ có thể hy vọng vào Việt Nam như một đầu cầu. Các nước khác đã gần bó với Mỹ và Anh rồi. Nhiều nước châu Á khác như Nhật, Đài Loan và Nam Hàn cũng đã phát triển không thua gì Pháp và là đối thủ hơn là bạn đồng hành.

Trong mục tiêu chiến lược này, gần như tất cả các chính đảng và nhân vật chính trị hàng đầu của Pháp đều muốn thấy Pháp có một chỗ đứng quan trọng trong khu châu Á - Thái Bình Dương. Nhưng hợp tác với chính quyền Việt Nam nào, đó là điều mà chính giới Pháp chưa nhất trí. Ông Chirac và đảng UMP của ông ta chọn lá bài Hà Nội.

Vấn đề còn lại thuộc người Việt Nam. Chúng ta sẽ rất lầm nếu nghĩ rằng "đã là hữu thì chống cộng", điều này có thể đúng với những quốc gia khác nhưng không đúng với Pháp. Trong suốt cuộc chiến tại Việt Nam từ 1960 đến 1975, đảng cánh hữu cầm quyền của cố tổng thống De Gaulle đã không ngừng ủng hộ phe cộng sản và tạo mọi điều kiện để phe cộng sản có tiếng nói trên diễn đàn Pháp. Đảng duy nhất ủng hộ phe Việt Nam Cộng Hòa là Đảng Xã Hội. Trong chuyến viếng thăm chính thức Việt Nam năm 1993, cố tổng thống François Mitterrand đã nhiều lần phát biểu "*phát triển phải đi đôi với dân chủ và nhân quyền*", bất chấp sự bức bối của ban lãnh đạo đảng cộng sản. Người Việt Nam không nên chờ đợi một thái độ như thế ở Jacques Chirac, vì không có.

## **ĐẢNG CỘNG HÒA MỸ THẮNG LỚN**

Một cách khá bất ngờ, tổng thống George W. Bush đã thắng lớn trong cuộc bầu cử ngày 2-11 vừa qua. Trái với các cuộc thăm dò dư luận, cho tới vài ngày trước các bầu cử, cho rằng ông có thể thua ứng cử viên đảng Dân Chủ John Kerry, hoặc chỉ thắng một cách khít khao. Bush đã thắng một cách khá rõ rệt, hơn Kerry 3% số phiếu với hơn 3,5 phiếu. Hơn nữa, đảng Cộng Hòa của ông cũng đã gia tăng đa số tại hai viện quốc hội Mỹ.

Bush đã thắng mặc dù những yếu tố rất bất lợi. Kinh tế Mỹ vẫn còn khó khăn sau hơn 40 năm trì trệ, một tình trạng rất không bình thường vì chưa bao giờ kinh tế Mỹ trì trệ trong một thời gian dài như vậy. Nạn thất nghiệp, 5%, tuy không phải là cao theo tiêu chuẩn quốc tế nhưng vẫn là cao đối với Mỹ, vẫn chưa khắc phục được. Mỹ đã sa lầy trầm trọng tại Iraq sau một cuộc chiến mà lý do chính thức là Saddam Hussein tàng trữ vũ khí giết người hàng loạt, một lý do đã bị thực tế phủ nhận.

Thắng lợi của Bush có thể giải thích phần nào ở chỗ Bush đã có một bộ tham mưu tranh cử xuất sắc, biết động viên tích cực cử tri của mình và khai thác những yếu điểm của John Kerry. Tuy nhiên cũng phải nói là hình ảnh của George W. Bush đã có tác dụng quyết định. Ông tỏ ra là một người chân thực, có lý tưởng, có đạo đức và quyết tâm. Nước Mỹ cần một tổng thống như thế vào giữa lúc mà họ đang phải đương đầu với cuộc chiến chống khủng bố và các giá trị truyền thống bị chao đảo. Tổ chức khủng bố Al Qaeda, qua cuộc khủng bố ghê rợn ngày 11-9-2001, đã làm rung động nước Mỹ và đặt ưu tư an ninh lên hàng đầu. Các giá trị đạo đức truyền thống của Mỹ cũng đã bị thử thách lớn trong thời gian qua : một số giám mục, mục sư bị truy tố vì tội dâm ô với thiếu niên, một mục sư được bầu làm quản hạt một địa phận lớn đã công khai tự xác nhận là đồng tính luyến ái, những người đồng tính luyến ái tranh đấu rầm rộ để được kết hôn một cách chính thức, v.v.

Chính ứng cử viên John Kerry cũng phần nào đóng góp cho thắng lợi của Bush và thất bại của chính mình. Ông tỏ ra thiếu kiên trì và quyết tâm. Hai tháng trước cuộc bầu cử, khi thấy khả năng thắng lợi của mình bị sút giảm, ông đã thay đổi bộ tham mưu tranh cử, thay thế ê-kíp thân cận với gia đình Kennedy, chủ trương tranh cử một cách trang nhã trên những vấn đề kinh tế xã hội, bằng ê-kíp Clinton, chủ trương hạ bệ Bush bằng mọi giá. Đây là một sai lầm trầm trọng. Một mặt tranh luận trên các vấn đề kinh tế xã hội sẽ đặt Bush vào tình trạng khó khăn vì Bush yếu trên các lãnh vực này. Mặt khác tổ giặc cuộc chiến Iraq sẽ có hậu quả hiển nhiên là Mỹ phải rút lui và chấp nhận thất bại tại Iraq, một điều mà người Mỹ không thể chấp nhận dù họ nghĩ rằng Bush đã lầm khi phát động cuộc chiến.

Tệ hơn nữa, trong một cuộc tranh cử mà hai vấn nạn quan trọng là quyết tâm để chiến thắng bọn khủng bố và bảo vệ các giá trị đạo đức, Kerry đã vận dụng hai cựu tổng thống có hình ảnh ngược lại : cựu tổng thống Jimmy Carter tuy được kính trọng về mặt đạo đức nhưng nổi tiếng là nhu nhược, cựu tổng thống Bill Clinton rất bê bối về mặt đạo đức.

Thắng lợi của Bush đặt nước Mỹ vào một tình trạng chiến tranh và buộc Mỹ phải hy sinh nhiều trong thời gian trước mắt, nhưng nó cũng mang lại cho chính quyền Bush sự chính đáng và hậu thuẫn cần thiết để chiến thắng bọn khủng bố tại Iraq và trên thế giới. Nó cũng tăng cường cuộc đấu tranh chống các chế độ độc tài và thiết lập một trật tự dân chủ cho thế giới.

## **INDONESIA bước vào kỷ nguyên dân chủ**

Ngày 20-10-2004, ông Susilo Bambang Yudhoyono đã tuyên thệ nhậm chức tổng thống Indonesia sau một thủ tục bầu cử và chuyển tiếp kéo dài hơn ba tháng. Ông đánh bại đương kim tổng thống, bà Megawati Sukarnoputri, trong cuộc bầu cử chung kết ngày 20-9-2004. Trước đó ông cũng đã dẫn đầu với 34% trong vòng đầu, vượt xa bà Sukarnoputri. Quá trình dân chủ hóa của Indonesia có thể coi như là đã

hoàn tất.

Indonesia trước thế chiến 2 là một thuộc địa của Hòa Lan. Sau thế chiến 2 được độc lập và do nhà độc tài Sukarno cai trị. Sukarno là một trong những khuôn mặt lớn, cùng với Nehru trong số những người thành lập ra *Khởi các quốc gia không liên kết* chủ trương trung lập. Đảng cộng sản Indonesia, đồng minh của Sukarno, đã khéo léo dựa vào ông để phát triển, dần dần trở thành rất mạnh với hơn ba triệu đảng viên, và khống chế hoàn toàn chính quyền Sukarno nhưng lại không nắm được bộ chỉ huy quân đội. Năm 1965 đảng cộng sản tổ chức đảo chính và tàn sát các tướng lãnh, nhưng để sót tướng Suharto, chỉ huy trưởng lực lượng trừ bị chiến lược. Ông này phản công, nắm được toàn bộ quân đội, đập tan cuộc đảo chính và tàn sát gần một triệu đảng viên cộng sản. Suharto truất phế Sukarno, thiết lập một chế độ độc tài quân phiệt do ông làm tổng thống. Chế độ Suharto sụp đổ năm 1998 sau cuộc khủng hoảng tài chính tại châu Á. Sau một thời gian xáo trộn, Indonesia lập được một chế độ dân chủ chuyển tiếp do ông Wahid, lãnh tụ Hồi giáo ôn hòa nổi tiếng là có đức độ, cầm đầu. Đức độ tỏ ra không đủ để lãnh đạo một nước lớn và nhiều vấn đề như Indonesia, Wahid làm mọi người thất vọng rồi năm 2000 phải nhường chức cho bà Megawati Sukarnoputri, con gái của cố tổng thống Sukarno. Từ sau ngày đó Indonesia có một hiến pháp mới theo chế độ tổng thống. Đây là cuộc bầu cử tổng thống đầu tiên.

Yudhoyono là một tướng lãnh, bộ trưởng an ninh trong chính phủ Sukarnoputri, đã từ chức trước khi ra ứng cử. Ông được coi là một người trong sạch và nhiều nghị lực.

Với Indonesia, nước lớn nhất Đông Nam Á với 240 triệu dân chuyển hóa về dân chủ, châu Á và khối ASEAN vừa thật sự bước vào một kỷ nguyên mới.

## **DẤU VẾT NGƯỜI XUA**

Quần đảo Nam Dương (Indonesia) không ngừng tiết lộ những bí mật của nó. Các nhà nghiên cứu khảo cổ của Viện đại học New England (Úc) vừa công bố một phát giác cách đây một năm : họ đã tìm được một sọ người tiền sử rất đặc biệt cách đây 18.000 năm. Về tuổi tác, 18.000 năm không nhiều so với đời sống của loài người, nhưng điều đáng chú ý là giống người này rất đặc biệt : chỉ cao có 1 mét nhưng có tất cả mọi đặc tính của loài người.

Sọ người này là của một phụ nữ, tìm thấy ở địa điểm cách Bali 600 km về phía Đông. Theo các nhà bác học, đây là sọ của một người thuộc một tập thể đã sống cách biệt với phần còn lại của loài người và đã tiến hóa một cách riêng biệt. Họ sống chung, và tranh đấu để sống, với một loài voi nhỏ và một loại chuột lớn. Giống người này, vẫn theo các nhà bác học, đã bị tiêu diệt vì núi lửa.

Người Việt Nam sẽ phải xúc động trước khám phá này vì biết đâu, chẳng phải đây là di tích của tổ tiên mình ? Theo các nhà nghiên cứu địa chất, cách đây 20.000 năm, biển Đông chưa có mà chỉ có một vài vùng biển nhỏ. Người Việt cổ đã có thể đi bộ từ bán đảo Đông Dương sang Philippines và Nam Dương để săn bắt hay trao đổi.

## Giá trị phổ cập

Nhiều người phẫn nộ vì tổng thống Chirac đã không đặt vấn đề nhân quyền với Hà Nội trong chuyến viếng thăm Việt Nam vào đầu tháng 10 vừa qua. Họ lầm. Thực ra nhân quyền đã được đề cập tới một cách sôi nổi khá lâu trước chuyến công du này. Nó diễn ra như sau.

**Hà Nội** : Trong dịp hội nghị Á-Âu sắp tới, Hà Nội chúng tôi rất mong có sự hiện diện của tổng thống Chirac. Chuyến viếng thăm này sẽ thắt chặt tình hữu nghị vốn đã tốt đẹp giữa hai nước, nhất là chính phủ chúng tôi có ý định ký hợp đồng mua bốn máy bay Airbus trong dịp này, đó là một bước lớn trong hợp tác hàng không Pháp-Việt.

**Paris** : Chúng tôi rất hiểu. Cuộc hội nghị này mà không có một vị nguyên thủ quốc gia nào tham dự thì cũng không tốt cho quý vị. Tổng thống Chirac ý thức được điều này, nhưng nếu tham dự chắc ông phải đề cập đến vấn đề dân chủ và nhân quyền.

**Hà Nội** : Chúng tôi rất hoan nghênh. Nhất là chúng tôi đã được biết và hoàn toàn ủng hộ lập trường của tổng thống Chirac. Ông đã từng tuyên bố nhiều lần tại Sénégal, Côte d'Ivoire và Tunisie rằng dân chủ là một xa xỉ phẩm đối với các nước chưa phát triển.

**Paris** : Đó là tổng thống tuyên bố tại châu Phi và Trung Đông. Việt Nam khác các nước Hồi giáo. Quý vị cũng biết rằng dân chủ và nhân quyền là những giá trị phổ cập cần được thích nghi với các trường hợp đặc biệt. Hội nghị này gồm các nước dân chủ châu Âu và các nước châu Á mà phần lớn đã dân chủ hóa vì vậy tổng thống phải nói khác, thí dụ như đề cập đến tự do ngôn luận, tự do tôn giáo và tù nhân lương tâm.

**Hà Nội** : Chúng tôi không hề có tù nhân chính trị. Quý vị cũng biết rằng quốc gia nào cũng phải có luật pháp. Chúng tôi có nhà nước pháp quyền, cấm người dân làm chính trị và hoạt động tôn giáo ngoài qui định của nhà nước. Một số người đã vi phạm các qui định này và bị xử án tù. Vậy họ là những người phạm pháp chứ không phải tù nhân chính trị như những kẻ xấu rêu rao. Tổng thống không nên đặt vấn đề này ra, như thế sẽ gây khó khăn cho quan hệ giữa hai nước và làm hỏng buổi lễ long trọng với việc ký kết mua sáu máy bay Airbus.

**Paris** : Pháp là một nước Công giáo mà Nguyễn Văn Lý là một linh mục, hơn nữa vợ Phạm Hồng Sơn lại làm việc cho cơ quan Pháp thoại, tổng thống không thể quên họ.

**Hà Nội** : Các trường hợp đó sẽ được giải quyết với thời gian, cùng lắm thì mãn hạn tù họ cũng sẽ được trả tự do. Chúng tôi thành thực nghĩ rằng tổng thống không nên làm hỏng một buổi lễ ký kết quan trọng.

## Mục lục

1. Thế giới của George W. Bush  
*Thông Luận*
2. Nhìn lại kinh nghiệm Ngô Đình Diệm  
*Nguyễn Gia Kiểng*
6. Mối liên quan giữa Hồ Chí Minh, Đảng Cộng Sản Việt Nam và Đê- Tam Quốc Tế  
*Tôn Thất Thiện*
8. Một cử chỉ đáng hoan nghênh nhưng bất cập  
*Thanh Mai*
10. Một tài liệu quan trọng của đảng cộng sản : Việt Nam - Đông Dương từ nay đến Đại hội X  
*Bộ quốc phòng*
17. Con đường thứ ba  
*Trần Trung Việt*
19. Tình hình người Việt và quan hệ Việt - Nhật  
*Đỗ Thông Minh*
20. Sử dụng Internet ở Việt Nam : thực tế và hi vọng  
*Vũ Dương*
21. Vua... lì !  
*Nghiêm Văn Thạch*
22. Sự quan tâm của người Việt hải ngoại đối với văn hóa Việt Nam  
*Lê Văn Hảo*
27. Đảng Việt Tân phản bác bài báo của Nguyễn Văn Huy
28. Thư độc giả  
*Ghi chú thêm của Nguyễn Văn Huy*
29. Thời sự quốc tế và Việt Nam
32. Giá trị phổ cập  
*Đầy*

Mua tám máy bay Airbus một lúc đối với chúng tôi là một biến cố lớn.

**Paris** : Kẹt một điều là quý vị vừa bị Mỹ liệt vào danh sách các quốc gia đáng quan tâm đặc biệt về nhân quyền. Quốc hội Mỹ cũng đang dự định thông qua một đạo luật đối với quý vị. Nước Pháp không thể để bị Mỹ chỉ trích. Nếu không thể đặt ra những vấn đề làm phiền lòng quý vị thì có lẽ nên để thủ tướng Raffarin hoặc bộ trưởng ngoại giao Michel Barnier đi thay tổng thống.

**Hà Nội** : Sự hiện diện của tổng thống Chirac đối với chúng tôi là tối cần thiết vì có ý nghĩa đặc biệt. Chúng tôi cũng quên nói với quý vị là ngoài mười máy bay Airbus, chúng tôi còn dự định ký hai hợp đồng xe điện tại Sài Gòn và Hà Nội và hiện đại hóa các đầu tàu đường sắt.

**Paris** : Vậy quý vị có bảo đảm là sẽ không đòi thương thuyết lại giá cả hay không ?

Đầy